

là một trong những tỉnh có phong trào nông dân<sup>(1)</sup>. Hội nghị cán bộ Đảng Trung Kỳ thì nhận định: “Nông dân ở Thái Bình và Phú Lý đã tổ chức những cuộc bãi công và biểu tình chống tư bản và địa chủ”, “Thái Bình và Phú Lý có nông hội”<sup>(2)</sup>. Địch rất lo sợ trước cuộc đấu tranh này, điều động binh lính từ thị xã Phú Lý và từ Nam Định tới tổ chức càn quét, bắt bớ, kiểm soát chặt chẽ. Lực lượng cách mạng ở quanh vùng Bình Trung bị thiệt hại, một số người bị địch bắt. Địch đồng thời tổ chức đánh phá cơ sở cách mạng ở các huyện khác. Nhân dân Hà Nam kiên cường bảo vệ, giúp đỡ các đảng viên, do đó sự thiệt hại của lực lượng cách mạng trong toàn tỉnh là không đáng kể.

Lúc này, Hội nghị lần thứ Nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Hương Cảng (10-1930) thông qua Luận cương Chính trị và đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Ngày 22-1-1931, Hội nghị đại biểu Đảng bộ Hà Nam được triệu tập để truyền đạt Nghị quyết Trung ương và hoạch định chiến lược đấu tranh trong tỉnh. Hội nghị bầu Ban Tỉnh ủy chính thức. Từ sau sự kiện này phong trào cách mạng Hà Nam chuyển theo hướng đấu tranh sâu sắc hơn.

Duy Tiên là nơi đấu tranh mạnh từ trước, nay bước vào đấu tranh giành những quyền lợi thiết yếu cụ thể như bãi trừ các hủ tục hương thôn mà các hào lý muốn lợi dụng, như bỏ lệ tế quan ôn (Lũng Xuyên), bỏ lệ cỗ ăn cỗ dựa (cỗ mang phần về của mâm trên - Hòa Mạc). Tháng 4-1931, nhân dân thôn Vân Chu (xã Phù Vân, huyện Kim Bảng) chống chủ thầu lấy ruộng lúa của dân để làm đê và đòi bồi thường. Tháng 6-1931, nhân dân Yên Lạc (xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng) phản đối địa chủ xâm chiếm khu đất cày của làng. Tri huyện đem lính về đe dọa, nhưng không làm được gì hơn.

Để chống lại phong trào cách mạng, địch không chỉ sử dụng những công cụ bạo lực có trong tay mà còn tuyên truyền và lưu hành những cuốn sách, bài báo xuyên tạc, bôi nhọ chủ nghĩa cộng sản và những người cộng sản. Thủ đoạn này rất nham hiểm và được thực hiện từ các tỉnh thành xuống đến tận các làng xã. Vì vậy Đảng bộ Hà Nam và nhân dân trong tỉnh đã đồng thời tiến hành cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa tư tưởng. Nhiều ấn phẩm sách báo do Đảng bộ

1. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập III xuất bản lần thứ hai. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2002, tr. 53-54.

2. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập II. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1998, tr. 334-335.

chủ trương đã được phát hành nhằm đánh bại các luận điệu phản tuyên truyền của địch. Đồng thời nhiều lớp huấn luyện chính trị, văn hóa được tổ chức bí mật ở nhiều nơi cho đảng viên và quần chúng cách mạng. Đây chính là điểm khởi đầu dẫn dắt đến sự ra đời các tổ chức cách mạng. Lần lượt các tổ chức như Nông hội đỏ, Cứu tế đỏ, Phụ nữ liên hiệp hội... được thành lập và phát triển. Số lượng các hội viên tăng lên nhanh chóng. Chỉ trong vòng hai năm 1930-1931, số hội viên Nông hội Hà Nam lên tới 300. Riêng huyện Bình Lục có tới 168, một xã Ngọc Lũ có 37; xã Đại Vượng (huyện Thanh Liêm) có 20, huyện Lý Nhân có 68. Ngoài các tổ chức bí mật, còn có các tổ chức bán công khai như Hội Hoa đăng, Hội Tập thiện ở Đọan Vĩ (huyện Thanh Liêm); Hội may áo Thụ Lâu, Hội Đàn Thiện ở Dũng Kim (huyện Lý Nhân)... đã hình thành ở những nơi phong trào mạnh như ở các huyện Bình Lục, Duy Tiên. Các Tổ xích vệ được thành lập để bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ đi công tác...

Phong trào cách mạng phát triển mạnh thì kẻ thù cũng tăng cường khủng bố. Ngày 4-5-1931, cơ quan Tỉnh ủy tại thị xã Phủ Lý bị mật thám lục soát bắt đi một số cán bộ. Địch dùng kế nội gián phá hoại Xứ ủy, Tỉnh ủy. Các cơ sở cách mạng ở nhiều nơi trong tỉnh bị phá vỡ, một số nơi mất trắng cả lãnh đạo và tổ chức. Đây là một thời gian đầy khó khăn thử thách đối với Đảng và phong trào cách mạng cả nước và của tỉnh Hà Nam. Nhưng cũng chính qua thử thách này, nhân dân cả nước thấy rõ khí tiết và bản lĩnh người cộng sản trước tòa án đế quốc, trong tù đầy và chịu muôn trùng khủng bố của kẻ thù. Nhân dân Hà Nam tự hào vì những người con ưu tú của mình từng có mặt trong số những tấm gương ưu tú đó:

- Đó là các đồng chí Nguyễn Hữu Tiến, Trần Thị Phúc, Nguyễn Duy Huân, Phạm Văn Tô tại Tòa án Hà Nam, Hà Nội và trong nhà tù Hỏa Lò, Côn Đảo. Tại phiên tòa ngày 10-2-1932, ở Phủ Lý, đồng chí Trần Thị Phúc phụ trách cơ quan giao thông Tỉnh ủy đã hiên ngang vạch mặt bọn cướp nước và bán nước. Theo báo cáo của Giám đốc Mật thám Hà Nội, chị Phúc “đã nhiều lần chửi chính phủ thực dân và ca ngợi chủ nghĩa cộng sản”<sup>1)</sup>.

- Đồng chí Lương Khánh Thiện, người làng Mễ Tràng, xã Liêm Chính (huyện Thanh Liêm), năm 1927 gia nhập Hội Thanh niên Cách mạng Việt Nam. Năm 1929 đồng chí gia nhập Đông Dương Cộng sản Đảng. Năm 1930 đồng chí bị bắt và bị đày đi Côn Đảo. Năm 1936 đồng chí ra tù. Trước phiên tòa đế quốc

---

1. *Lịch sử Đảng bộ Hà Nam*. Sdd. tr. 81-82.

ở Kiến An, đã biến phiên tòa thành diễn đàn, phát cao cờ Đảng và hô vang các khẩu hiệu cách mạng.

Sau khi thoát khỏi nhà tù Côn Đảo, đồng chí về Hà Nội hoạt động. Năm 1937 là xứ ủy Bắc Kỳ, trực tiếp làm Bí thư Thành ủy Hà Nội. Năm 1939 - 1940 là Bí thư Thành ủy Hải Phòng. Tháng 11-1940, đồng chí bị bắt, ngày 1-7-1941 bị xử tại Kiến An, bị kết án tử hình.

- Các đồng chí Trần Đình Quý, Ngô Gia Bảy, Trần Xuân Đán hiên ngang tranh đấu cho lý tưởng bất chấp khủng bố.

Từ năm 1932, phong trào cách mạng của nhân dân Hà Nam vì bị khủng bố nên tạm thời lắng xuống. Cũng từ đây, Đảng bộ Hà Nam bước vào giai đoạn khôi phục và củng cố sau những tổn thất lớn. Nhờ sự lãnh đạo chặt chẽ của Xứ ủy, nhờ hoạt động tích cực của các đảng viên địa phương hoặc từ các tỉnh lân cận trở về, nhờ sự đùm bọc của nhân dân, hoạt động cách mạng lại dần dần hồi phục. Năm 1935, toàn Hà Nam lại đã có 30 đảng viên và 4 chi bộ lập thêm ở thị xã Phủ Lý, các huyện Kim Bảng, Lý Nhân, Thanh Liêm. Các Hội Tập thiện, Hội Phật học, Hội Hoa đăng, Hội Hiếu lại triển khai hoạt động. Đặc biệt là trên lĩnh vực văn học - nghệ thuật, đấu tranh cho “nghệ thuật vị nhân sinh” lúc ấy đang sôi nổi trên văn đàn. Kể từ năm 1933, đồng chí Nguyễn Thượng Cát (bút danh Hồ Xanh) đã viết bài tham gia tranh luận, nêu cao quan điểm của Đảng về nghệ thuật. Điều này vừa chứng tỏ Đảng bộ Hà Nam quan tâm tới trí thức văn nghệ sĩ, vừa cho thấy tác động mở đường của sự kiện đó cho văn nghệ sĩ Hà Nam đi theo cách mạng ngày một hăng hái.

Từ năm 1934, các cuộc đấu tranh đòi quyền lợi hàng ngày lại bắt đầu diễn ra và phát triển. Nhiều vụ đấu tranh chống cường hào lý dịch phù thu lạm bố thu được thắng lợi. Nông dân các thôn Trung Hiếu, Bồng Lạng, Đoàn Vĩ, Đại Vương (huyện Thanh Liêm) làm đơn gửi lên Tòa sứ tỉnh khất thuế. Dân làng ở huyện Lý Nhân, được đảng viên lãnh đạo, chỉ nhận nộp thuế chính. Lý trưởng không nhận thì dân mang lên huyện nộp. Tri huyện gọi lý trưởng lên nhận. Thế là phong trào đấu tranh thắng lợi, lan sang các thôn Phú Cốc, Đông Thủy, Thanh Nga, Do Đạo và đều giành thắng lợi. Hình thức đấu tranh này đã từng diễn ra ở thời kỳ cao trào 30 - 31, nhưng vào thời kỳ này tỏ ra thích hợp và có hiệu quả, nó chuẩn bị cho các cuộc đấu tranh công khai, bán công khai trong thời gian sau.

Tháng 3-1935, Đại hội lần thứ Nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Ma Cao đánh dấu sự phục hồi của toàn Đảng. Tháng 4-1936, Mặt trận Bình dân Pháp lên nắm chính quyền ở nước Pháp. Chính phủ Pháp thực hiện một số chính sách nới rộng tại các thuộc địa, như ân xá tù chính trị, nới rộng quyền tự do dân chủ, cải thiện dân sinh... Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương liền họp hội nghị nhận định tình hình và nêu cao mục tiêu đấu tranh “đòi tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình” (Nghị quyết Trung ương 7-1936). Những biến đổi chính trị hết sức quan trọng đó đã mở ra một giai đoạn mới của Cách mạng Việt Nam. Đó là cao trào 1936-1939. Hầu như tất cả các tầng lớp nhân dân ở nông thôn, đô thị đều đứng lên tham gia tranh đấu qua các cuộc mít tinh biểu tình tuần hành, bãi công, bãi thị nhằm vào các mục tiêu cụ thể tùy từng địa phương, mà đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Điều đặc biệt là nhiều tờ báo của Đảng xuất bản công khai đã tuyên truyền rộng rãi về các chủ trương đường lối của Đảng, nhiều cuốn sách, tạp chí cách mạng và tiến bộ được in ấn phát hành công khai... Các hình thức đấu tranh kết hợp công khai, bán công khai phát triển như những ngày hội quần chúng.

Ở Hà Nam, đầu tiên là việc đọc các sách, báo cách mạng trở thành phong trào tại thị xã Phủ Lý. Tất cả các tầng lớp nhân dân đều đọc sách, báo của Đảng. Nhiều cuộc nói chuyện về chủ nghĩa cộng sản diễn ra liên tiếp. Đặc biệt, lớp công chức giáo viên, học sinh tiểu tư sản cũng tham gia phong trào này một cách đông đảo. Trường tư thực Minh Tiến ở thị xã Phủ Lý là nơi đọc sách, báo, tiến bộ, trở thành nơi hội họp quần chúng công khai. Phong trào này lan rộng xuống các vùng nông thôn các vùng Khả Phong, Thụy Sơn, Nhật Tân (huyện Kim Bảng); Lũng Xuyên, Đọi Sơn, Điệp Sơn (huyện Duy Tiên); Bằng Khê, Mễ Tràng, Bích Trì (huyện Thanh Liêm). Các loại sách, báo phổ biến như: *Nhàn lúa, Bọn dân, Thời thế, Đời nay, Tin tức, Le Travail, Tư bản luận...* được bày bán ở các cửa hiệu Việt Dân, Vĩnh Long (thị xã Phủ Lý), Nam Kim (huyện Kim Bảng). Các cửa hiệu này đều là cơ sở của Đảng, công khai phát hành các loại sách, báo tiến bộ. Vì mục đích tuyên truyền là chính cho nên các sách, báo này thường được bán giá hạ, có cuốn như cho không. Người phát hành được hưởng 1/3 hoa hồng. Các đại lý còn vận động cả độc giả mua báo tháng, trả tiền trước<sup>(1)</sup>.

Tỉnh ủy Hà Nam còn trực tiếp đóng góp vào việc biên dịch, biên soạn và in ấn các tác phẩm cách mạng. Đồng chí Nguyễn Thượng Cát lược dịch cuốn

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam*. Sđd. tr. 97.

*Tư bản luận*, in thành 3 tập khoảng 4.000 bản, viết nhiều bài cho báo *Hồn trẻ*. Đồng chí vận động chủ hiệu tạp hóa Việt Dân là một quần chúng cách mạng biến cửa hiệu đồng thời làm một Nhà xuất bản (in ấn ở Nhà in Mới - Hà Nội, 58 Hàng Đậu). Cuốn *Tư bản* được bán rất chạy không chỉ trong tỉnh mà còn ở cả Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Lạt, Sài Gòn. Đồng chí Nguyễn Đức Quý (còn có những tên khác là Đào Thành Kim, Đào Bình Luống), khi mới 24 tuổi (năm 1938) là Bí thư Tỉnh uỷ đầu tiên của Hà Nam trong thời kỳ 1938-1939, đã tham gia tích cực vào công tác tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản. Với bút danh An Dương, đồng chí Nguyễn Đức Quý trực tiếp dịch một bài trong cuốn *Trường Sơ học của Đảng Cộng sản Pháp*, biên soạn cuốn *Tổ chức vô sản lên án chế độ tư bản*, đưa ra chương trình hành động của Đảng Cộng sản. Tác giả kêu gọi công nông, tiểu tư sản, binh lính, làm cách mạng lật đổ chế độ đương thời (theo tài liệu Mật thám Pháp). Đồng chí Đỗ Đình Phát, bút danh Đỗ Thị Bích Liên viết *Tự do và bình đẳng, Gót sắt, Thơ mới...* Kê địch rất bức tức nhưng cũng chỉ đe dọa khám xét Nhà xuất bản Việt Dân mà không dám làm gì hơn. Sau đó địch ra lệnh cấm xuất bản.

Trong lúc đó ở nông thôn, các hình thức đấu tranh của các hội Hiếu, Tương tế, Tập thiện, Giáp mới... phát triển rầm rộ hơn trước trong hầu khắp các làng xã. Tại huyện Kim Bảng còn có Hội Bóng đá để tập hợp thanh niên. Ở Khả Phong (huyện Kim Bảng) có Hội Sư tử tập luyện võ nghệ. Tại thị xã Phủ Lý có Hội Chấn hưng công nghệ của các tư sản và chi bộ thị xã đã cử người vào hoạt động. Các lớp truyền bá Quốc ngữ theo chủ trương của Đảng được mở ở Đới Sơn (huyện Duy Tiên), Phù Đê (huyện Kim Bảng) và thị xã Phủ Lý. Hà Nam còn có Hội Ái hữu Hương sư thu hút hầu hết các hương sư, tổng sư trong tỉnh. Hội đã đấu tranh đòi cải tiến chế độ lương bổng. Kết quả là thực dân Pháp phải bỏ chế độ cấp lương bằng ruộng, thay bằng tiền. Các hương lý từ nay phải nộp tiền về tỉnh để phát cho hương sư, tổng sư hàng tháng.

Nhân dân nông thôn còn đẩy mạnh phong trào chống phụ thu lạm bổ, chống cường hào, hào lý tham nhũng bắt nạt dân lành. Nhân dân Lũng Xuyên (huyện Duy Tiên) đấu tranh đòi bỏ một số tục lệ do lấy ra 7 mẫu ruộng tư văn, sau đó kiện Chánh tổng Yểng lấy lại 8 mẫu ruộng hãn bắt phải nộp lên tổng. Nhân dân xã Khả Phong (huyện Kim Bảng) buộc chính quyền thuộc địa phải xử tù lý trưởng vì tội thu thuế nặng và có hình phạt dã man người thiếu thuế. Nhân dân huyện Kim Bảng viết bài tố cáo tội tham nhũng, biển thủ, bao che tội lỗi cấp dưới... của tri huyện Nguyễn Ước Lễ trên báo *Bạn dân* rồi kiện hãn

lên phủ. Thống sứ Saten phải về xem xét tại chỗ và chuyển viên tri huyện này đi nơi khác. Hình thức đấu tranh này còn được thực hiện mãi sang tháng 3-1939 ở tổng Đông Thủy và Cao Đà khi viên tri huyện thông đồng với chủ thầu đập đê Phương Trà bớt xén và chậm thanh toán tiền công. Nhân dân ở đây được sự lãnh đạo đứng lên đấu tranh thắng lợi.

Tháng 1-1937, đặc sứ Gôđa của Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp sang Đông Dương. Quân chúng cách mạng xem đây là một dịp đấu tranh đòi tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình. Cuộc đón tiếp Gôđa do Đảng tổ chức đã diễn ra cực kỳ sôi nổi, tỏ rõ thế lực của Đảng và cách mạng vô cùng mạnh mẽ trên tất cả mọi miền đất nước. Hà Nam là một tỉnh mà Gôđa không tới, nhưng Gôđa có tới Nam Định sát gần Hà Nam. “Đảng bộ Hà Nam đã hướng dẫn các cơ sở Đảng lãnh đạo quần chúng làm những bản Dân nguyện; công khai vạch trần sự áp bức bóc lột của quan lại cường hào, yêu cầu cải thiện các chế độ đóng góp, sưu thuế, giải quyết công ăn việc làm hoặc chống việc bắt dân uống rượu Phôngten. Phong trào phát triển tương đối rộng khắp các vùng Phù Đê, Đức Mộ, Cao Mật, An Đông, Cát Nguyên, Khả Phong, Lưu Xá, Gốm, Thụy Sơn (Kim Bảng); Phú Cốc, Đông Tây Trữ, Duyên Hà, Thanh Nga, Đông Thủy (Lý Nhân). Ở Bình Lục, một số đảng viên bị địch quản thúc đã làm đơn gửi Gôđa yêu cầu Chính phủ Pháp can thiệp trả lại công quyền cho những người bị quản thúc. Kết quả chính quyền tay sai của địch đã phải công bố hủy bỏ chế độ quản thúc và trả lại tự do cho các đồng chí đó. Ở Lý Nhân, đồng chí Trần Doãn Sách đã vận động được hơn 200 người ký vào bản Dân nguyện và trực tiếp mang lên Hà Nội để trao cho Gôđa, nhưng bị nhà cầm quyền cản trở không cho gặp và bắt giam một thời gian sau phải trả tự do”<sup>(1)</sup>.

Trong năm 1938, ở Hà Nam có tới 10 cuộc đấu tranh dưới hình thức mít tinh biểu tình đã được tổ chức ở các địa điểm như chợ Bầu (thị xã Phủ Lý); núi Bảo Thái (huyện Thanh Liêm); núi Bàn Cờ, Đông Sóc (huyện Kim Bảng); chợ Nội, đóng Voi Phục (huyện Bình Lục); cuộc mít tinh ở chùa Đọi (huyện Duy Tiên) đông tới 200 người. Điều đáng lưu ý là khi ở Hà Nội, Đảng tổ chức cuộc mít tinh công khai lớn ở nhà Đấu Xảo ngày 1-5-1938 thì Hà Nam cùng hưởng ứng và một đoàn quần chúng tới 500 người đã kéo lên Hà Nội tham dự. Số đông trong đó là nhân dân các huyện Kim Bảng, Lý Nhân, Duy Tiên. Cũng năm đó, chính quyền thuộc địa bày ra việc bầu cử đại biểu vào Viện Dân biểu

---

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam*, tập I. Sđd, tr. 102 - 103.

(tháng 1-1937, cuộc bầu cử đại biểu Dân biểu Bắc Kỳ đã được tổ chức và đại biểu của Đảng đã thắng lớn). Nay lại diễn ra bầu cử cấp tỉnh. Hà Nam cũng chuẩn bị cho sự kiện này. Đảng bộ Hà Nam quyết định đưa đồng chí Nguyễn Bá Ương (tức Thận thuộc Chi bộ Hưng Công, huyện Bình Lục) ra tranh cử. Nhân dịp này, Tỉnh ủy chủ trương vận động tranh cử rầm rộ đồng thời tuyên truyền nêu cao uy tín của Đảng trong nhân dân. Rất nhiều sáng kiến được thực hiện (đặt trụ sở ứng cử viên tại tiệm đồng hồ Vĩnh Long của đồng chí Đắc ở thị xã Phủ Lý, lập Ban vận động bầu cử, rải truyền đơn, dán khẩu hiệu, áp phích, viết báo, tổ chức từng đoàn đi xe đạp về các vùng nông thôn, mở các cuộc tiếp xúc ứng cử viên và cử tri...). Các khẩu hiệu tranh cử hợp với lòng dân về tự do dân chủ, chống sưu cao thuế nặng, chống cường hào, chống Nhật toan chiếm Đông Dương, bênh vực người lao động v.v... Sau cuộc bầu cử, tuy không trúng cử trước các đối thủ như Phạm Quang Vọng, Phan Trần Trúc, Nguyễn Giang là các nhà tư sản kiêm địa chủ tung tiền mua cử tri và dôn phiếu cho nhau, nhưng đại biểu của ta được 200 trong tổng số 500 phiếu. Điều quan trọng hơn là uy tín ảnh hưởng của Đảng và cách mạng tăng lên rất lớn.

#### **4. Phong trào cách mạng 1939-1945 và Cách mạng tháng Tám 1945 ở Hà Nam**

Cuối năm 1938, chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp đổ, chính phủ phản động của Thủ tướng Đaladiê lên thay thế. Tháng 11-1939, Đaladiê ra sắc luật hủy bỏ mọi thành quả của Mặt trận Bình dân Pháp và quay trở lại các chính sách phản động đàn áp thuộc địa. Trên thế giới, sau nhiều năm chuẩn bị chiến tranh của phe trục phát xít, ngày 1-9-1939 phát xít Đức tấn công Ba Lan mở đầu cuộc Đại chiến Thế giới II. Hai tháng sau, ngày 6 đến 08-11-1939 Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp Hội nghị lần thứ 6 tại Hóc Môn Bà Điểm (Gia Định), quyết định sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cho cách mạng trong tình hình mới. Một giai đoạn lịch sử mới của dân tộc đã sang trang.

Tại Hà Nam, bước vào năm 1939, bọn thực dân lập tức triển khai các hành động khủng bố bắt bớ cán bộ, vây ráp càn quét, khám xét các cơ sở của cách mạng ở thị xã và khắp các làng xã trong tỉnh. Nhiều cán bộ Đảng hoặc bị bắt hoặc phải tạm lánh đi nơi khác. Địch lại thực hiện các chính sách bóc lột vơ vét, bắt lính... để chuẩn bị cho chiến tranh, chúng xóa bỏ các tổ chức hợp pháp của nhân dân, cấm lưu hành và đọc các sách báo thời Mặt trận Bình dân v.v... Nhưng nhân dân Hà Nam vẫn một lòng trung kiên che chở, bảo vệ cán bộ Đảng của

địa phương và của Xứ ủy. Lúc này đồng chí Trần Tử Bình, người xã Tiêu Động Thượng (huyện Bình Lục) được trao nhiệm vụ phụ trách Hà Nam.

Trước tình hình mới ở địa phương và trên phương diện toàn quốc, Tỉnh ủy Hà Nam triệu tập Hội nghị mở rộng vào cuối năm 1939 nhằm triển khai các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 vừa được thông qua. Tại Hội nghị này đồng chí Trần Tử Bình được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy mới. Chỉ ít tháng sau trong Đại chiến thứ II, Pháp đầu hàng phát xít Đức (22-6-1940), tướng Đờcu được cử sang Đông Dương, rồi quân Nhật tiến vào Đông Dương (28-6-1940). Khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra (17-9-1940), lực lượng vũ trang Cứu quốc quân ra đời. Tình hình cho thấy con đường đấu tranh vũ trang đã bắt đầu. Tháng 10-1940, Hội nghị Tỉnh ủy Hà Nam lại được triệu tập tại Cổ Viễn (huyện Bình Lục) dưới sự chủ trì của đồng chí Trần Tử Bình. Hội nghị đã quyết định chuẩn bị điều kiện tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền<sup>(1)</sup>.

Ngay sau đó, ngày 6-11-1940, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 7 tại Đình Bảng (Bắc Ninh) khẳng định các nghị quyết chiến lược của Hội nghị 6 và chủ trương vũ trang bạo động giành chính quyền, xác định kẻ thù trực tiếp là đế quốc Pháp và phát xít Nhật, thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương.

Từ sau Hội nghị Tỉnh ủy ở Cổ Viễn, phong trào cách mạng ở Hà Nam lại bắt đầu phát triển. Tại huyện Bình Lục, nhiều hoạt động rải truyền đơn, treo cờ, khẩu hiệu, áp phích... diễn ra liên tiếp tố cáo tội ác của Pháp - Nhật, kêu gọi đánh đổ Pháp - Nhật. Nhân dân nhiều nơi nổi dậy đấu tranh chống sưu cao thuế nặng, chống chủ trương nhổ lúa trồng đay và thầu dầu của Nhật như ở các xã Ngọc Lũ, Bồ Đề, Hưng Công, Vũ Bản, An Ninh, Mỹ Tho, Đông Du... (huyện Bình Lục). Cùng với đấu tranh chính trị, nhiều nơi tổ chức luyện tập võ khí và tập luyện quân sự tổ chức tự vệ chuẩn bị cho khởi nghĩa. Xét thấy chưa phải đến lúc khởi nghĩa ngay, lại thấy các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ không thành công, Tỉnh ủy Hà Nam ra chỉ thị hoãn các kế hoạch khởi nghĩa và vẫn duy trì các hình thức đấu tranh hiện có. Đúng lúc này địch tổ chức các cuộc càn quét lớn vào các xã Cổ Viễn, Hưng Công, Ngọc Lũ, Đông Du, Bồ Đề, Vũ Bản để tiêu diệt lực lượng cách mạng với mục tiêu “chặt đầu, phá tổ, nhổ rễ”. Trong đợt này gần 200 người đã bị địch bắt, Ban Tỉnh ủy chỉ còn lại đồng

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam*. Sđd. tập I, tr. 110.



chí Trần Tử Bình. Ở huyện Kim Bảng, nhiều cán bộ và đảng viên rút vào bí mật nên bảo toàn được lực lượng khi địch càn quét lùng sục. Do biết rút vào bí mật và tìm các biện pháp thích hợp đối phó với kẻ thù, do được nhân dân hết lòng giúp đỡ che chở bảo vệ nên ở nhiều nơi như các huyện Kim Bảng, Thanh Liêm, Duy Tiên... lực lượng cách mạng vẫn tồn tại và phát triển. Ngay tại Cổ Viễn, cơ quan in báo *Cờ Giải phóng* của Xứ ủy cũng vẫn hoạt động bình thường. Tóm lại, dù đã ra sức triệt phá lực lượng cách mạng một cách quyết liệt, địch vẫn không thể tiêu diệt hoàn toàn được phong trào đấu tranh của nhân dân và bộ máy lãnh đạo là Đảng Cộng sản Đông Dương.

Đúng vào lúc tình hình trong nước và quốc tế có những biến chuyển quan hệ tới vận mệnh dân tộc thì lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước ngày 8-2-1941. Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 được triệu tập tại Pắc Bó (Cao Bằng) dưới sự chủ tọa của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị khẳng định chiến lược Cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc khỏi ách Pháp - Nhật, thành lập Mặt trận Việt Minh rộng rãi đoàn kết dân tộc. Sự thay đổi chiến lược này hết sức quan trọng và đúng đắn, vì vậy đã đẩy lên cao trào chưa từng có trong lịch sử, dẫn tới khởi nghĩa toàn quốc giành chính quyền về tay nhân dân thắng lợi vào tháng 8-1945.

Trên địa bàn Hà Nam, trong nửa cuối 1941 các hoạt động cách mạng và tranh đấu lại bắt đầu được nhen nhóm khi tiếp xúc với chủ trương đường lối Việt Minh nhờ các cán bộ của Đảng (như đồng chí Trần Quyết, Lương Văn Đài...). Các hội Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc... được thành lập; truyền đơn, biểu ngữ giới thiệu Mặt trận Việt Minh được trưng lên, cờ đỏ sao vàng được treo từ ga Đông Văn đến cổng Nhật Tựu (huyện Kim Bảng), trên cây đa làng Chuông (huyện Duy Tiên), tại Văn Quán (huyện Thanh Liêm), huyện lỵ Kim Bảng và nhiều nơi khác. Các tổ chức quần chúng đã có trước đây nay được chấn chỉnh và chuyển thành các đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh.

Cơ sở Việt Minh đã phát triển đến các thôn Lưu Xá, Cao Mật, Thụy Sơn, Khả Phong, Phương Đình (huyện Kim Bảng); Cổ Viễn, Hưng Công, Bối Kênh (huyện Bình Lục); Đoan Vĩ, Văn Quán (huyện Thanh Liêm); Ngọc Động (huyện Duy Tiên); Mạc Thượng (huyện Lý Nhân) và thị xã Phủ Lý. Tham gia vào Việt Minh, ngoài các tầng lớp nhân dân lao động còn có cả một số phú nông, tiểu chủ, con cái các địa chủ. Các tổ chức Đảng cũng được kiện toàn và phát triển thêm (như chi bộ ghép Duy Tiên - Kim Bảng đầu năm 1942), công

tác huấn luyện chính trị được tăng cường v.v... Đêm 9-3-1942, chi bộ ghép đã phối hợp với Việt Minh huyện Mỹ Đức (Hà Đông) cắm cờ đỏ sao vàng và rải truyền đơn ở Bến Đục và các chùa nhân Hội chùa Hương. Những hình thức như vậy cũng được thực hiện ở làng Chuông, ga Đông Văn (huyện Duy Tiên), dọc đường 21 (huyện Bình Lục) và nhiều nơi khác. Việt Minh huyện Kim Bảng còn tổ chức quyên góp được nhiều quần áo, tiền, thuốc ủng hộ các chiến sĩ Bắc Sơn.

Phong trào cách mạng đang lên thì địch lại tiến hành khủng bố kể từ tháng 5-1942. Các cơ quan đầu não của Đảng bị đánh phá, một số cán bộ, đảng viên bị địch bắt. Trong vòng 3 năm 1942 - 1944, có lúc Hà Nam không còn cán bộ lãnh đạo, Bí thư liên Tỉnh ủy C tức đồng chí Trần Tử Bình phải kiêm lãnh đạo Hà Nam. Có lần Xứ ủy họp ở Cổ Viên (huyện Bình Lục) vì có nội gián nên phải chuyển địa điểm và bị bao vây, địch bắt được đồng chí Phan Trọng Tuệ (5-1943). Cuối năm 1943, An toàn khu của Xứ ủy ở huyện Kim Bảng bị phá vỡ, đồng chí Trần Tử Bình cũng bị bắt (tháng 12-1943) v.v... Nhưng cũng như các lần trước, dù không có cơ quan lãnh đạo cấp tỉnh nhưng các cơ sở cách mạng còn lại vẫn vững vàng và duy trì hoạt động thích hợp, bí mật phát triển các cơ sở Việt Minh. Đó là những nền tảng vững chắc để cán bộ đảng ở cấp trên về khôi phục phong trào.

Vì vậy cuối năm 1944, nhờ sự hoạt động tích cực và có hiệu quả của cán bộ Xứ ủy mới được cử về là đồng chí Lê Quang Tuấn, các cơ sở cách mạng lại được liên kết lại, các đoàn thể Việt Minh lại được xây dựng ở khá nhiều nơi, các hoạt động treo cờ rải truyền đơn cổ vũ Việt Minh hào hào tham gia cứu quốc lại liên tiếp diễn ra ở tỉnh lỵ và ở khắp các huyện, xã. Mặt trận Việt Minh còn tổ chức phá cuộc mít tinh của bọn Đại Việt thân Nhật, vạch mặt chúng làm tay sai phát xít. Phong trào Việt Minh hoạt động mạnh mẽ và có mục tiêu đúng đắn đoàn kết nhân dân, nên có sức lôi cuốn cao ngay cả với các tầng lớp trên; các lớp hào lý, tổng lý cũng hăng hái tham gia cách mạng. Nhiều nơi trong tỉnh lại xuất hiện các đội Tự vệ cứu quốc, tổ chức huấn luyện quân sự để tiến tới khởi nghĩa. Phong trào cách mạng dâng cao, bất chấp đợt khủng bố lớn của địch hồi tháng 7-1944 ở huyện Thanh Liêm làm thiệt hại về cán bộ và tổn hại khí thế quần chúng. Cho đến đầu năm 1945, các cơ sở cách mạng trong tỉnh vẫn trụ lại vững vàng, chờ thời cơ mới.

Năm 1945 là năm cực kỳ khó khăn về đời sống cho nhân dân lao động, nhất là nông dân nghèo. Do chính sách vơ vét của Pháp - Nhật, do chủ trương

nhỏ lúa trồng đay và thầu dầu để phục vụ chiến tranh của phát xít Nhật, nên tình hình nông nghiệp tiêu điều xơ xác. Đó là nguyên nhân chính gây nên nạn đói khắp các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ từ cuối 1944 trở đi và ngày một trầm trọng hơn vào đầu 1945. Ở Hà Nam nạn đói thê thảm đã cướp đi 50.398 sinh mệnh. Hầu hết các huyện, xã đều có người chết đói, thôn An Thặng (xã Tiên Hiệp, huyện Duy Tiên) chỉ có số dân 370 người mà có tới 94 người chết đói, xã Xuân Khê (huyện Lý Nhân) chết mất 520 người; ở huyện Bình Lục người chết đói nằm ngổn ngang khắp các đường làng, xóm chợ, bến xe. Nhiều gia đình chết hết không còn một ai<sup>1)</sup>.

Đúng lúc này (3-1945), Hồng quân Liên Xô giải phóng hoàn toàn Ba Lan tiến vào nước Đức phát xít và chỉ cách Béclin 60km. Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương nhìn thấy trước cơ hội giải phóng và biết trước phát xít Nhật sẽ làm đảo chính hất cẳng Pháp ra khỏi Đông Dương. Quả nhiên cuộc đảo chính đó đã xảy ra trên toàn Đông Dương vào đêm 9-3-1945. Cũng đêm đó, Trung ương Đảng họp và ra Chỉ thị nổi tiếng “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, phát động cao trào kháng Nhật cứu nước trên toàn cõi Đông Dương. Sau ngày đảo chính, phát xít Nhật vội vã thực hiện nhiều chính sách bóc lột nặng nề hơn, với những thủ đoạn lừa bịp hơn. Về chính trị, chúng lập chính phủ Trần Trọng Kim với chiêu bài độc lập và theo thuyết Đại Đông Á, da vàng đồng chủng. Về kinh tế, chúng thu thuế mạnh hơn, triệt để nhỏ lúa trồng đay và thầu dầu, ráo riết vơ vét thóc gạo nấu cồn thay xăng v.v... Từ 1940, Pháp và Nhật lập các kho thóc gạo làm nảy sinh nạn đói cơ thóc gạo và lạm phát tràn lan v.v... Về mặt quân sự, chúng thay thế quân Pháp ở các vị trí cũ nhưng còn đóng thêm ở nhiều vị trí quan trọng khác. Ở Hà Nam có thêm đồn Phù Đề (huyện Kim Bảng), Nga Khê (huyện Lý Nhân). Chúng lập Bảo an binh và ở Hà Nam lực lượng này gồm một tiểu đoàn, có mặt ở khắp các thôn xóm, chúng cũng tổ chức mật thám dưới quyền hiến binh Nhật, luôn đi lùng sục dò la bắt bớ triệt phá các cơ sở cách mạng. Chúng còn bắt lính, bắt phu xây dựng đường sá và công sự ở vùng núi rừng huyện Thanh Liêm và dọc đường 21 đi huyện Kim Bảng và châu Lạc Thủy.

Kẻ thù đã lộ rõ bản chất xâm lược và tàn ác đến cùng cực. Nhân dân lâm vào một tình thế không thể chịu đựng nổi, chỉ có thể vùng lên giải phóng. Tình thế cách mạng tiến lên khởi nghĩa đã tới. Trong một tình hình như vậy, phong

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam*. Sđd, tr. 123.

trào Việt Minh cuốn hút được cả các phân tử nhẹ dạ theo địch, các phân tử lừng chùng, các tầng lớp trên trong xã hội. Còn bọn tay sai Nhật vô cùng hoang mang sợ sệt, Chánh Phung, Nghị Mẫn ở Đôn Thư, một số ở Cổ Viễn, Hưng Công, Đồng Du, cha con Bá Doãn ở Trà Châu (huyện Thanh Liêm) khi được thuyết phục đều ngã theo cách mạng. Các hương lý ở Thụy Xuyên, Phù Đê, cũng theo cách mạng khi thấy các tổ chức Việt Minh phát triển sôi nổi với các đoàn thể Cứu quốc trong Việt Minh. Lực lượng cứu quốc ở Khả Phong (huyện Kim Bảng) còn làm công tác địch vận thu được vũ khí và quân trang quân dụng của tàn quân Pháp.

Cuối tháng 3-1945, các cán bộ Đảng bị tù đã vượt ra ngoài trở về địa phương, liên lạc với các cán bộ lãnh đạo Hà Nam và tại thôn Ngọc Động (xã Hoàng Đạo Đông, huyện Duy Tiên), tháng 4-1945 đã thành lập Ban cán sự lâm thời của tỉnh để chỉ đạo phong trào sau 4 năm thiếu vắng (Ban cán sự gồm 5 người là: Lê Thành - Trưởng ban, Lê Quang Tuấn, Trần Quyết, Lê Hồ và Phạm Sĩ Phú). Cùng lúc Xứ ủy cử đồng chí Hà Kế Tấn về phụ trách hai tỉnh Nam Định và Hà Nam. Sau đó, Hội nghị Ban cán sự mở rộng do đồng chí Hà Kế Tấn chủ trì đã họp tại thôn Cao Mật (huyện Kim Bảng) vào đầu tháng 5-1945, quyết định phát động phong trào đấu tranh theo các hoạt động cụ thể như sau:

“1. Tổ chức các cuộc mít tinh, biểu tình, treo cờ đỏ sao vàng, rải truyền đơn, dán biểu ngữ với nội dung đánh đuổi phát xít Nhật, thành lập chính quyền cách mạng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền giới thiệu Mặt trận Việt Minh.

2. Tổ chức phá kho thóc của Nhật để giải quyết nạn đói, thu triện của Lý trưởng, vận động quần chúng không nộp thuế, đồng thời răn đe Lý trưởng không được thu thóc thuế.

3. Ra tờ báo *Quyết chiến* để tuyên truyền, hướng dẫn và cổ vũ phong trào.

4. Phát triển và củng cố Tự vệ cứu quốc, tổ chức lớp huấn luyện quân sự, thu thập vũ khí để trang bị cho lực lượng tự vệ<sup>1)</sup>.

Cùng với phong trào Việt Minh dâng cao trong cả nước, phong trào Việt Minh ở Hà Nam từ đây phát triển sôi nổi, thu hút được cả Thanh niên xã hội, Bảo an đoàn, các tư sản, tiểu chủ, tiểu thương cùng con cái họ ở thị xã Phủ Lý. Một số tầng lớp trên trong đạo Thiên chúa, như các Linh mục, Chánh, Trương

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam*, tập I, tr. 126 - 127.

Trùm, Trường cũng ủng hộ Việt Minh hoặc bí mật hoặc công khai. Phong trào cách mạng từ đây dưới ngọn cờ Việt Minh cũng là phong trào tiền khởi nghĩa của Cách mạng tháng Tám. Đó là một phong trào tổng hợp của bạo lực cách mạng thể hiện qua các sự kiện sau:

***- Chuẩn bị căn cứ địa và lực lượng vũ trang***

Từ cuối tháng 1-1945, Ban cán sự Việt Minh huyện Bình Lục đã quyết định xây dựng căn cứ cách mạng ở xã Đồng Du. Tại đây đã có một trung đội võ trang tuyên truyền giải phóng quân 38 người do đồng chí Nguyễn Việt Tiến (tức Đắc) chỉ huy. Đội đã luyện tập quân sự, rèn sắm vũ khí, canh gác bảo vệ, xung kích dẫn dắt biểu tình phá kho thóc, trấn áp bọn tay sai địch. Tự vệ cứu quốc được tổ chức ở nhiều nơi, ngay cả ở những khu vực gần thị xã Phú Lý. Tháng 6-1945, Ban cán sự tỉnh mở lớp huấn luyện quân sự ở Phù Cốc (huyện Lý Nhân) do đồng chí Lê Quang Tuấn phụ trách. Ban cán sự huyện Kim Bảng sau khi được thành lập đã cử cán bộ đi học trường quân chính kháng Nhật ở chiến khu Quỳnh Lưu (tỉnh Ninh Bình), học lớp quân sự Phù Cốc, lớp dài ngày ở Hòa Bình do Xứ ủy mở. Những nơi Tự vệ cứu quốc mạnh là Phù Cốc (huyện Lý Nhân), Cổ Viễn (huyện Bình Lục), Lũng Xuyên (huyện Duy Tiên). Ban cán sự Đảng còn phát động phong trào “Sắm vũ khí đuổi thù chung” để các đội viên tự vệ tự trang bị mỗi người một loại vũ khí thô sơ hoặc súng trường, súng ngắn. Có quân chúng bỏ tiền mua một khẩu tiểu liên ủng hộ cách mạng (như ở huyện Thanh Liêm). Tháng 6-1945, quân chúng ở Khả Phong (huyện Kim Bảng) phát hiện ra kho vũ khí Pháp cất giấu từ trước ngày Nhật đảo chính, Ban cán sự đã phân công Tự vệ cứu quốc Khả Phong, Thụy Xuyên, Phương Khê, áp Thọ Cầu mưu trí dũng cảm luồn rừng đem được 2 khẩu tiểu liên, 5 khẩu súng trường, nhiều đạn dược về căn cứ cho lực lượng tự vệ. Một số lính khố đỏ quê huyện Lý Nhân cũng tìm cách đưa vũ khí về cho tự vệ.

***- Huy động quần chúng đấu tranh dưới nhiều hình thức***

Tháng 6-1945, Ban cán sự Đảng tỉnh tổ chức cuộc mít tinh ở Đền Lảnh xã Mộc Nam (huyện Duy Tiên), cổ vũ cho phong trào Việt Minh, treo cờ đỏ sao vàng và đốt pháo, biểu dương lực lượng. Tổ chức Việt Minh phát triển mạnh ở các huyện trong tỉnh kể cả ở thị xã. Có nơi thanh niên tự rủ nhau đi tìm cán bộ Việt Minh yêu cầu tổ chức kết nạp hoặc xin tự tổ chức. Nhiều thôn xã hầu như toàn bộ nhân dân tham gia Việt Minh. Có nhiều giáo dân gia nhập tổ chức cứu quốc (như ở các huyện Thanh Liêm, Bình Lục). Ngoài các hình thức mít tinh

tuyên truyền và biểu tình, các đoàn thể Việt Minh còn vận động cứu đói, kêu gọi lạc quyền tương trợ, vận động nhà giàu cho vay, thuyết phục các tổng lý không thu thóc, thu thuế hoặc dân không nộp thuế (như ở các huyện Thanh Liêm, Duy Tiên, Lý Nhân), cảnh cáo tổng lý, tịch thu tiền thuế trả lại dân, chặn xe nộp thóc cho Nhật v.v... Ngày 18-6-1945, Ban cán sự tổ chức mít tinh tại chợ Dầu (xã Phù Đê, huyện Kim Bảng) cổ vũ Việt Minh, hô hào chống thóc tạ, chống sưu cao thuế nặng, vạch mặt chính phủ Trần Trọng Kim v.v... Từ 15 đến 30-7-1945, nhân dân các xã ở huyện Bình Lục nổi dậy phá các kho thóc của địa chủ và của Nhật (ở Vũ Bị, Ngô Khê, An Thư, ga Bình Lục) chia cho dân nghèo.

Tất cả các hoạt động trên đây làm tê liệt chính quyền địch từ tỉnh xuống, xã. Tỉnh trưởng và Phó tỉnh trưởng lo sợ không dám chống phá cách mạng, Bảo an binh tan rã ý chí, chính quyền địch rệu rã, có nơi tan rã hẳn. Mặt trận Việt Minh hoạt động công khai trong khi đó quân đội Nhật nằm im.

Ngày 13-8-1945, tại Vãng Sơn, ấp Thọ Cầu (huyện Kim Bảng), Ban cán sự Đảng tỉnh Hà Nam tập hợp theo dõi tình hình và biết tin Nhật đã có ý định đầu hàng Đồng minh. Các đồng chí nghĩ ngay tới Chỉ thị “Nhật - Pháp bán nhau và hành động của chúng ta” và quyết định triệu tập Hội nghị Ban cán sự mở rộng cũng là Hội nghị đại biểu Việt Minh tỉnh hoạch định kế hoạch tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh. Hội nghị họp trong hai ngày 15 và 16-8-1945 tại thôn Lũng Xuyên (huyện Yên Bắc - Duy Tiên) - cái nôi của phong trào cách mạng tỉnh Hà Nam. Mỗi huyện có từ 3 đến 5 đại biểu. Sáng ngày 16, Hội nghị nhận được Chỉ thị Tổng khởi nghĩa (Quân lệnh số 1 của Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc đã phát đi ngày 13-8-1945). Hội nghị quyết định:

“1. Giành chính quyền ở các huyện trước, sau đó tập trung lực lượng giành chính quyền ở tỉnh và huyện Thanh Liêm (địa bàn sát với tỉnh lỵ).

2. Kết hợp chính trị với quân sự, dự hàng địch trước khi đánh; triệt để cô lập quân Nhật, sẵn sàng đối phó khi chúng ngoan cố chống lại.

3. Thành lập Ủy ban Quân sự Cách mạng tỉnh gồm 5 đồng chí, mỗi đồng chí trực tiếp chỉ đạo khởi nghĩa ở một huyện. Dự kiến thành phần của Ủy ban Nhân dân Cách mạng tỉnh và đề ra phương hướng thành lập Ủy ban Quân sự Cách mạng, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời các huyện”<sup>(1)</sup>.

---

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam*, tập I, tr. 135.

Hội nghị cử ra Ủy ban Quân sự Cách mạng tỉnh gồm:

- Đồng chí Lê Thành, Trưởng Ban cán sự Đảng tỉnh làm Chủ tịch.
- Đồng chí Lê Quang Tuấn, Phó Chủ tịch.
- Đồng chí Trần Quyết: phụ trách quân sự, an ninh.
- Đồng chí Minh Phú: Ủy viên.
- Đồng chí Lưu Quang Bích: Ủy viên.

Các đồng chí trên được phân công phụ trách khởi nghĩa ở từng huyện như sau:

Huyện Kim Bảng : đồng chí Lê Thành.

Huyện Lý Nhân : đồng chí Lê Quang Tuấn.

Tỉnh, huyện Thanh Liêm và Ý Yên: đồng chí Trần Quyết.

Huyện Bình Lục : đồng chí Minh Phú.

Huyện Duy Tiên : đồng chí Lưu Quang Bích.

Ngày 17-8, đồng chí Lê Thành giao cho mỗi huyện một ít súng đạn và đồ quân dụng.

Ngày 19-8, tin tức Hà Nội khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi lan nhanh ra cả nước. Lúc này ở Hà Nam lệnh khởi nghĩa cũng đang truyền khắp tỉnh. Bọn Bảo an binh nhận được thư của Ủy ban Quân sự Cách mạng Hà Nam dao động mất hết tinh thần. Còn nhân dân Hà Nam và quần chúng cách mạng tung bừng chuẩn bị cờ, khẩu hiệu và vũ khí để nhất tề vùng lên. Sáng ngày 20-8, cả 3 huyện Duy Tiên, Lý Nhân, Kim Bảng đều nổ ra khởi nghĩa cùng lúc.

Sáng 22-8, khởi nghĩa nổ ra thắng lợi ở huyện Bình Lục và châu Lạc Thủy; và sau đó sáng 24-8 ở huyện Thanh Liêm và thị xã Phủ Lý. Trước khi đi sâu trình bày về khởi nghĩa ở thị xã Phủ Lý, cần lướt nhanh qua tình hình khởi nghĩa đã nổ ra trước đó ở các huyện.

#### **- Khởi nghĩa ở huyện Duy Tiên**

Sáng 17-8, tại thôn Lũng Xuyên, Hội nghị cán bộ toàn huyện được triệu tập quyết định khởi nghĩa vào ngày 20-8 và cử ra Ủy ban Quân sự Cách mạng lâm thời huyện do đồng chí Lưu Quang Bích làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Huân - Phó Chủ tịch và 5 Ủy viên. Mọi công tác chuẩn bị được nhanh chóng

hoàn thành. Đêm 19-8, lực lượng chính tập trung ở đình Lũng Xuyên, còn ở các cơ sở cũng tập trung theo từng khu vực. Sáng sớm 20-8, hàng ngàn người từ các ngã đường cùng nhân dân đi chợ Diệp kéo đến địa điểm tập kết. Được tin viên huyện trưởng đã dẫn lính cơ lên hộ đê sông Hồng, Ủy ban Quân sự Cách mạng lập tức phát lệnh khởi nghĩa.

Đúng 10 giờ, một hồi kèn vang lên, dưới lá cờ đỏ sao vàng, đội quân khởi nghĩa tiến vào huyện đường tại Diệp Sơn. Đến cổng chính người chỉ huy cho nổ 1 băng tiểu liên làm hiệu lệnh, lực lượng quần chúng từ các ngã tràn vào huyện đường. Viên đội và tốp lính cơ toan chống cự nhưng thấy lực lượng cách mạng áp đảo bèn nộp vũ khí. Toàn bộ nhân viên huyện đường đầu hàng, giao nộp sổ sách bằng triện cho cách mạng. Trong lúc đó một lực lượng ở khu Mộc Hoàn lên đê Lãn Trì (Mộc Hoàn Nam) bắt viên huyện trưởng và 8 lính cơ, thu 6 súng trường, 1 súng lục. Cuộc mít tinh lớn được tổ chức ngay trên đê, thu hút nhân dân các làng ven đê và dân đi đắp đê. Chiều 20-8, tại huyện lỵ Diệp Sơn, Ủy ban Quân sự huyện tổ chức mít tinh lớn đông tới hơn 2.000 người nghe đại diện Việt Minh tuyên bố 10 chính sách của Việt Minh và giới thiệu Ủy ban Quân sự Cách mạng lâm thời huyện ra mắt nhân dân.

#### **- Khởi nghĩa ở huyện Lý Nhân**

Huyện lỵ Lý Nhân đóng tại Nga Khê sát đê sông Hồng, nước đang lên rất to. Tại đây có quân Nhật đóng cùng với các kho thóc của chúng ở các đình, chùa xung quanh. Tối 19-8, Hội nghị đại biểu toàn huyện được triệu tập, quyết định khởi nghĩa, nghe, kế hoạch bắt viên huyện trưởng và chiếm huyện lỵ. Hội nghị dự tính khởi nghĩa sáng 20, lực lượng tập trung ở chợ Nè trước cổng huyện rồi bất ngờ đột nhập bắt viên huyện trưởng, tước vũ khí lính cơ. Một bộ phận khác lo đối phó với quân Nhật. Họp xong thì trời sáng và có tin báo là viên huyện trưởng đã ở điểm Vũ Điện trên sông Hồng. Kế hoạch mới được thực hiện tức thời, phái một mũi lực lượng cách mạng đi bắt tên huyện trưởng. Đoàn quân ra đê, mọi người hô to “Việt Minh”, “Hoan hô Việt Minh”. Cán bộ Việt Minh đứng lên kêu gọi khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, kêu gọi nhân dân giữ đê, kêu gọi các lý dịch giữ đê nhưng không được đánh đập nhân dân. Đoàn người áp giải huyện trưởng về huyện đường, trên đường về nhân dân tự động tham gia rất đông với đủ loại vũ khí thô sơ. Về đến cổng huyện, lính Nhật chĩa súng vào đoàn người. Theo lệnh chỉ huy, đoàn người dừng lại yêu cầu chỉ huy Nhật và phiên dịch ra cổng huyện nói chuyện. Đồng chí chỉ huy nói:



“Việt Minh đã khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, quân Nhật đã đầu hàng Đồng minh, yêu cầu không can thiệp vào việc khởi nghĩa của Việt Nam”. Viên sĩ quan Nhật chấp thuận mời chỉ huy Việt Minh vào huyện và cùng niêm phong các kho thóc có chữ ký của hai bên, rồi quân Nhật lên xe về tỉnh lỵ.

Đoàn người kéo vào huyện lỵ, treo cờ đỏ sao vàng báo hiệu chính quyền đã về tay nhân dân. Đồng chí Lê Quang Tuấn báo sang Duy Tiên để phòng quân Nhật trở lại Lý Nhân thì cản đường chúng và chuẩn bị đối phó. 2 giờ chiều, biết tin quân Nhật quay lại qua đường Đồng Văn, Ban lãnh đạo huyện Lý Nhân liền triển khai chiến đấu 2 mũi chống cự 2 mũi của địch. Một trận giáp chiến đã xảy ra và quân Nhật bị thương vong nhiều tên. Quân Nhật sau đó tỏ ý thương lượng, ta đồng ý gặp gỡ ở đình Trúc Bắc. Đại biểu Việt Minh huyện đã vừa kiên quyết vừa khéo léo thuyết phục quân Nhật. Viên chỉ huy Nhật cuối cùng chấp thuận cho cả 6 xe chở đầy lính Nhật rút lui, trong niềm hân hoan của mọi người dân phố huyện. Ngay đêm đó Ủy ban Quân sự Cách mạng huyện Lý Nhân đã họp, quyết định lãnh đạo nhân dân và các lực lượng cách mạng phòng lụt, hộ đê để bảo vệ nhân dân và xây dựng chính quyền cách mạng.

#### **- Khởi nghĩa ở huyện Kim Bảng**

Ngày 18-8, Ban cán sự huyện triệu tập Hội nghị đại biểu Việt Minh toàn huyện tại ấp Thọ Cầu, quyết định khởi nghĩa vào ngày 20-8, cử ra Ủy ban Quân sự Cách mạng và Ủy ban Nhân dân lâm thời do đồng chí Đỗ Đình Phát (người xã Thụy Lôi) làm Chủ tịch. Lực lượng tự vệ chiến đấu có 2 trung đội. 17 giờ ngày 20-8, sau phát súng lệnh nổ vang, các mũi tiến công áp sát khống chế bộ máy chính quyền huyện và binh lính, chúng hoảng sợ không dám chống cự. Huyện trưởng cúi đầu nộp triệu đấu, hạ vũ khí đầu hàng. Lực lượng cách mạng thu 5 súng trường, 1 súng bắn chim, 1 súng lục. Chính quyền lâm thời tổ chức mít tinh mừng thắng lợi, cờ đỏ sao vàng tung bay trước đông đảo quần chúng. Ủy ban Nhân dân lâm thời tuyên thệ trước nhân dân, tuyên bố xóa bỏ chính quyền cũ, ban bố 10 chính sách của Việt Minh.

#### **- Khởi nghĩa ở huyện Bình Lục**

Ban cán sự huyện đang chuẩn bị khởi nghĩa thì ngày 19-8, một số thanh niên trong tổ chức Thanh Niên xã hội ở huyện Bình Lục lôi kéo một số thanh niên ở khu vực Đầm Giải giả danh Việt Minh vác cờ đỏ sao vàng, tước vũ khí của huyện trưởng huyện Bình Lục, thu 7 khẩu súng trường. Ban cán sự đang

hợp ở thôn An Thư (xã An Thư), nghe tin ấy liền bố trí lực lượng đi thu lại số vũ khí đó. Sáng 21-8, Ban cán sự Việt Minh huyện thành lập Ủy ban Khởi nghĩa do đồng chí Phạm Sĩ Phú làm Chủ tịch và quyết định khởi nghĩa. 7 giờ sáng ngày 22-8, hàng ngàn người cầm cờ đỏ sao vàng và vũ khí thô sơ cùng Đội tự vệ vũ trang kéo tới bao vây huyện đường. Huyện trưởng huyện Bình Lục vội vã nộp ấn triện, sổ sách, vũ khí, đầu hàng Ủy ban Khởi nghĩa.

#### **- Khởi nghĩa ở châu Lạc Thủy**

Ngày 22-8, quân chúng cách mạng ở đây tự động nổi dậy phá chính quyền địch rồi cử cán bộ gặp Ban cán sự xin ý kiến về thành lập chính quyền nhân dân.

#### **- Khởi nghĩa ở huyện Thanh Liêm**

Ngày 20-8, Ủy ban Quân sự Cách mạng huyện tổ chức 1 trung đội tự vệ từ cơ sở Trà Châu (nay thuộc xã Thanh Tâm) do đồng chí Trần Quyết chỉ huy tiến sang giành chính quyền ở huyện Ý Yên. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ đã bàn giao chính quyền cho lực lượng cách mạng huyện Ý Yên rồi rút về Trà Châu chuẩn bị giành chính quyền huyện Thanh Liêm và tỉnh lỵ. Ban cán sự Việt Minh họp tại thôn Thượng Tổ quyết định khởi nghĩa vào ngày 24-8 ở huyện và ở tỉnh lỵ. 5 giờ sáng ngày 24-8, hơn 1.000 tự vệ cùng đông đảo quân chúng cách mạng tiến về tập kết ở Thượng Tổ rồi kéo tới bao vây chính quyền địch ở thị xã Phủ Lý. Khiếp đảm trước khí thế cách mạng, chính quyền địch ở huyện Thanh Liêm lập tức đầu hàng.

#### **- Khởi nghĩa ở thị xã Phủ Lý**

Sau khi lãnh đạo khởi nghĩa thắng lợi ở các huyện trong tỉnh, Ban cán sự Đảng và Ủy ban Quân sự Cách mạng tỉnh đã khẩn trương tập trung chuẩn bị giành chính quyền ở thị xã Phủ Lý. Đêm 20-8, cơ sở Phủ Lý báo tin bọn Đại Việt do cảnh sát trưởng cầm đầu định mạo danh Việt Minh tổ chức quân chúng biểu tình vào tước vũ khí trại Bảo an binh. Ủy ban Quân sự Cách mạng tỉnh cấp tốc gửi thư cho giám binh Bảo an nói rõ âm mưu bọn Đại Việt và yêu cầu không được giao vũ khí cho bọn Đại Việt mà phải chờ để giao cho Việt Minh. Trước khí thế của cách mạng, bọn Bảo an đã phải chấp nhận mệnh lệnh của cách mạng. Chiều 21-8, bọn Đại Việt và Thanh niên xã hội tổ chức một cuộc biểu tình khoảng 100 người vác cờ đỏ sao vàng đi qua các đường phố rồi kéo đến dinh Tỉnh trưởng và trại Bảo an binh đòi tước vũ khí. Những cơ sở cách mạng trong trại Bảo an kiên quyết không giao. Hai bên giằng co hồi lâu rồi mọi người nhận

ra sự lừa gạt của Đại Việt nên bỏ về hết, bọn Đại Việt đành tháo lui. Nhưng cũng vì việc này, chỉ huy Bảo an binh yêu cầu phải có lệnh của Bắc Bộ Phủ thì chúng mới giao súng. Tối 21-8, Ban cán sự về Duy Tiên họp quyết định tập trung lực lượng quân chúng ở 5 huyện, lấy lực lượng vũ trang làm xung kích biểu tình vũ trang bao vây thị xã, buộc địch phải đầu hàng, phân hóa bọn chỉ huy Bảo an để tránh xung đột bất lợi cho ta. Sáng 22-8, các đồng chí Lê Thành, Trần Quyết, Lê Quang Tuấn lên cơ quan Xứ ủy (Vạn Phúc, Hà Đông) xin chủ trương và đề nghị Xứ ủy yêu cầu Bắc Bộ Phủ ra lệnh cho bọn đầu sỏ chính quyền Bảo an Hà Nam phải trao chính quyền và vũ khí cho chính quyền cách mạng.

Ngày 23-8, Ủy ban Quân sự Cách mạng tỉnh trực tiếp ra lệnh cho chính quyền và binh lính địch ở Hà Nam phải bàn giao chính quyền cho Việt Minh. Cũng hôm đó bọn địch ở Hà Nam nhận được lệnh cấp trên là nên cam đoan thực hiện yêu cầu của cách mạng. Sáng sớm ngày 24-8, quân chúng cách mạng trong Mặt trận Việt Minh của 5 huyện đông tới hàng chục vạn người với hàng ngàn tự vệ vũ trang (trang bị 1 trung liên, 3 tiểu liên, 80 súng trường và đủ loại vũ khí thô sơ), cả một rừng cờ đỏ sao vàng, biểu ngữ trùng điệp rầm rập tiến vào thị xã Phủ Lý. Cả đoàn chia làm 4 bộ phận: 1 bố trí mai phục để phòng quân Nhật, 1 bao vây trại Bảo an, 1 chiếm kho súng, còn đại bộ phận quân chúng bao vây cơ quan đầu não chính quyền địch. Tại trại Bảo An, bọn chỉ huy theo lệnh Ủy ban Quân sự Cách mạng phải cho mượn 50 khẩu súng (trang bị cho 50 nữ tự vệ). Ở dinh Tỉnh trưởng, Đàm Duy Huyền sợ hãi giao nộp ấn triện, sổ sách cho đồng chí Lê Quang Tuấn đại diện Ủy ban Quân sự Cách mạng Hà Nam. Còn tiểu đoàn Nhật ở thị xã nằm im trong doanh trại. Thế là chính quyền địch ở Hà Nam đã bị đập tan.

Khoảng 10 giờ sáng 24-8, cuộc mít tinh khoảng 5 vạn người đã diễn ra tại sân vận động Phủ Lý chào mừng Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời được thành lập do đồng chí Lê Thành làm Chủ tịch. Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời công bố 10 chính sách của Việt Minh. Cuộc mít tinh biến thành cuộc tuần hành của quân chúng cách mạng từ thị xã tỏa về các ngã đường huyện, xã trong tỉnh. Cũng ngay sau cuộc mít tinh, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời Hà Nam họp phiên đầu tiên bàn kế hoạch thực hiện ngay những nhiệm vụ trước mắt của một chính quyền cách mạng.

Như vậy, chỉ trong vòng 5 ngày (từ 20 đến 24-8-1945), Cuộc tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám đã lần lượt nổ ra thắng lợi ròn rã từ khắp các

huyện, xã lên đến tỉnh lỵ Hà Nam. Đó là do đường lối, chủ trương đúng đắn, nắm bắt đúng thời cơ chuẩn xác của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, do sự vận dụng linh hoạt sáng tạo của Đảng bộ, Việt Minh tỉnh và các huyện, xã của Hà Nam. Đó còn là do tinh thần hy sinh kiên trì của quần chúng nhân dân, của nhiều cán bộ, đảng viên trung kiên tận tụy. Thắng lợi của khởi nghĩa Tháng Tám mang lại nhiều bài học cách mạng về chiến lược chiến thuật, về bạo lực cách mạng và về các hình thức khởi nghĩa đóng góp cho lịch sử hào hùng của dân tộc.

\*

\* \*

Nhìn lại lịch sử cận đại Hà Nam trong vòng gần 1 thế kỷ, có thể thấy rằng từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta theo một quá trình từ Nam ra Bắc, lúc đầu triều đình phong kiến đã kháng cự nhưng rồi thoái chí và chịu ký hết hàng ước này đến hàng ước khác và cuối cùng trở thành kẻ phục vụ cho chế độ thuộc địa của Pháp. Nhưng nhân dân Việt Nam và các lực lượng yêu nước thuộc mọi tầng lớp không kẻ sang hèn đã đứng lên chiến đấu tới cùng. Trải bao hy sinh xương máu gian khổ, nhân dân ta đã linh hoạt sử dụng các phương thức đấu tranh, tiến lên hình thức đấu tranh phù hợp nhất. Sự ra đời của giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản Việt Nam mở ra con đường đấu tranh đoàn kết dân tộc có ý nghĩa quốc gia và quốc tế. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp giải phóng dân tộc đã thành công hoàn toàn, làm rạng rỡ cho lịch sử dân tộc. Điều đó không chỉ là bài học lịch sử chung mà còn là bài học rút ra từ lịch sử của nhân dân Hà Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Hà Nam.

## *Chương XII*

# **HÀ NAM TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)**

### **I. ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ Củng cố CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (9-1945 ĐẾN 12-1946)**

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám đã mở ra một thời kỳ mới - thời kỳ độc lập tự do cho nhân dân Việt Nam. Ngay sau khi chính quyền cách mạng ở tỉnh và các huyện được thành lập (cuối tháng 8-1945), Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Hà Nam đã tuyên bố xoá bỏ bộ máy chính quyền thực dân phong kiến ở cơ sở, cử các cán bộ Việt Minh về các thôn, xã cùng với lực lượng nông cốt ở địa phương giải tán chính quyền tay sai, thành lập chính quyền cách mạng.

Trong khi đó tình hình trong nước vô cùng phức tạp và khó khăn. Nạn đói năm 1945 vẫn còn để lại hậu quả nặng nề, không những vậy, nạn lụt lại liên tiếp xảy ra. Tại Hà Nam, đê bắc sông Châu bị vỡ cùng với nước lụt ở Hà Đông tràn xuống làm ngập nhiều vùng ở hai huyện Duy Tiên và Kim Bảng, nhiều đoạn đê bị đe dọa. Nạn lụt vừa qua, nắng hạn lại diễn ra làm nhiều ruộng đất bị bỏ hoang. Các ngành sản xuất thủ công trong tỉnh cũng bị sa sút.

Trong lúc nạn đói đang đe dọa, thì quân Tưởng tiến vào miền Bắc và theo đó, các thế lực phản động các huyện thân Tưởng nổi dậy chống phá cách mạng. Các lực lượng Đại Việt gây rối ở các huyện Duy Tiên, Bình Lục, Thanh Liêm, định lật đổ chính quyền cách mạng ở châu Lạc Thủy. Quân Nhật vẫn chiếm đóng thị xã Phủ Lý và Chi Nê. Ngày 30-9-1945, hơn 500 quân Tưởng cùng lực lượng Quốc dân đảng kéo vào chiếm đóng rải rác ở thị xã Phủ Lý và Chi Nê. Bọn Việt quốc ngang nhiên đặt trụ sở, kéo cờ tại phố Châu Cầu (thị xã Phủ Lý), tiến hành các hoạt động chống phá cách mạng, cướp bóc nhân dân.

Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, Ủy ban Nhân dân Cách mạng tỉnh đã xây dựng kế hoạch đối phó với quân Tưởng và lực lượng phản cách mạng; xây dựng, củng cố chính quyền; đẩy mạnh tăng gia sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân.

Đối với lực lượng phản cách mạng, một mặt Chính quyền Cách mạng tỉnh tổ chức nhiều cuộc mít tinh, tuần hành, biểu dương lực lượng với các khẩu hiệu “Hoa - Việt thân thiện”, “Nước Việt Nam của người Việt Nam”, “Ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh”... mặt khác bao vây các sào huyệt của chúng, ngăn chặn các hành động gây rối, phá hoại; bắt giữ những tên có hành động chống phá cách mạng. Đối với quân Tưởng, Ủy ban Nhân dân Cách mạng tỉnh chủ trương tránh xung đột, vận động nhân dân tẩy chay, bất hợp tác với chúng.

Đồng thời với nhiệm vụ trấn áp bọn phản cách mạng, bảo vệ chính quyền, các tổ chức Đảng và Chính quyền Cách mạng chăm lo phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống mới.

Từ cuối tháng 8 năm 1945, chính quyền địa phương đã lãnh đạo nhân dân, lực lượng vũ trang tích cực chống lụt và khắc phục hậu quả do lũ lụt gây ra. Hàng ngàn thanh niên ở huyện Kim Bảng đã tham gia sửa chữa những quãng đê sạt lở, đắp con trạch trên đường 22, khoanh vùng cứu lúa. Nhân dân ven sông Châu (đoạn thuộc huyện Bình Lục) đã góp hàng ngàn cây tre và hàng ngàn công lao động hỗ trợ đồng bào Duy Tiên sửa chữa nhà cửa hư hỏng do bị vỡ đê. Nhân dân tổ chức đắp đập Mối (Mai Động) để bảo vệ sản xuất ở vùng chiêm trũng. Sau những ngày đêm lao động dũng cảm, khẩn trương, nhân dân trong tỉnh đã căn bản giữ vững các hệ thống đê điều (trừ đê sông Châu đã bị vỡ) bảo vệ hoa màu và cuộc sống.

Tiếp đó, hưởng ứng chiến dịch tăng gia sản xuất do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ phát động ngày 03 tháng 9 năm 1945, Chính quyền Cách mạng đã lãnh đạo nhân dân trong tỉnh thực hiện sôi nổi khẩu hiệu “Tắc đất, tắc vàng”, “Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!” và coi đó là biện pháp tốt nhất để vượt qua nạn đói, ổn định đời sống nhân dân. Thực hiện chủ trương trên của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Hà Nam tích cực khai phá ruộng hoang hoá để cấy cây và trồng màu. Một phong trào quần chúng làm theo lời Bác: “Cứ 10 ngày nhin một bữa, mỗi tháng nhin ăn 3 bữa, đem gạo đó để cứu dân nghèo” được phát động rộng khắp trong tỉnh. Khắp các địa phương, nhà nhà đều có ‘hũ gạo cứu đói’. Mặt trận Việt Minh từ tỉnh xuống

huyện, xã đều tổ chức các đoàn quyền góp lương thực cứu đói dân nghèo. Chính quyền ra lệnh cấm nấu rượu bằng gạo, cấm đầu cơ tích trữ lương thực. Nhờ đó, chỉ trong thời gian ngắn, nạn đói ở Hà Nam được đẩy lùi. Đây là một trong những thành tích to lớn đầu tiên của nền dân chủ cộng hoà, thể hiện tính ưu việt của chế độ mới; đồng thời thể hiện rõ truyền thống “Lá lành đùm lá rách” của nhân dân ta.

Trong điều kiện còn hết sức khó khăn, Chính quyền Cách mạng tỉnh Hà Nam đã thực hiện nhiều biện pháp cải cách dân chủ, nhằm từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Chính quyền cách mạng đã xoá bỏ thuế thân, một thứ thuế hết sức vô lý đánh vào đàn ông từ 18 tuổi trở lên, phát động phong trào xây dựng đời sống mới theo tinh thần “Cần, kiệm, liêm, chính”. Thực hiện giảm tô 25% cho nông dân nhằm từng bước thực hiện nhiệm vụ phản phong ở địa phương, tịch thu 6 đồn điền lớn của thực dân Pháp rộng hơn 10 nghìn ha với 2000 con trâu, bò, gần một nghìn con dê, cừu giao cho Ban kinh tế dân sinh tỉnh quản lý; miễn thuế hoàn toàn cho các vùng bị ngập lụt, tịch thu ruộng đất của bọn việt gian bỏ chạy chia cho dân nghèo, tiến hành chia lại công điền, lãnh đạo quần chúng đấu tranh với địa chủ để thực hiện giảm tô 25%.

Đi đôi với diệt giặc đói, ngày 8 tháng 8 năm 1945, Nha bình dân học vụ được thành lập và cũng ngay trong ngày đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh “Bắt buộc học chữ quốc ngữ không mất tiền” đối với toàn dân. Để thực hiện quyết tâm xoá nạn mù chữ trong vòng một năm của Chính phủ, Chính quyền Cách mạng ở Hà Nam đã phát động và thực hiện phong trào “diệt giặc đói” rất sôi nổi và rộng khắp cả ở nông thôn và thị xã. Hàng ngàn lớp bình dân học vụ được tổ chức, hàng ngàn người biết chữ được huy động và tự nguyện làm giáo viên không hưởng lương, vừa dạy học vừa vận động đồng bào đi học. Chính vì vậy, chỉ trong thời gian ngắn (từ cuối năm 1945 đến cuối năm 1946), toàn tỉnh đã có 145.443 người đã biết đọc, biết viết. Đây là thành tựu to lớn và có ý nghĩa sâu sắc cả về văn hoá và chính trị của nhân dân Hà Nam sau Cách mạng Tháng Tám.

Để góp phần cùng Nhà nước giải quyết khó khăn về tài chính, nhân dân trong tỉnh tuy còn nghèo, nhưng đã nhiệt liệt hưởng ứng phong trào ủng hộ “Quỹ độc lập”, “Tuần lễ vàng” do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ phát động từ ngày 17 đến ngày 24 tháng 9 năm 1945. Ban tổ chức tuần lễ vàng của tỉnh nhận được nhiều nhân vàng, vòng vàng, dây chuyền vàng... của nhân dân đóng góp cho cách mạng.

Đi đôi với việc đấu tranh chống lại âm mưu, hành động phá hoại của các lực lượng đế quốc và bọn phản động trong nước, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, xoá nạn mù chữ, việc xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng các cấp là nhiệm vụ vô cùng quan trọng.

Sau ngày tổng khởi nghĩa giành chính quyền đến cuối năm 1945, Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời các cấp đã từng bước được củng cố kiện toàn. Tại Ủy ban Nhân dân các xã, những phần tử xấu và cơ hội đã bị loại bỏ ra khỏi chính quyền, một số trí thức, nhân sĩ tiến bộ đã được mời tham gia, đồng thời lựa chọn những người có năng lực và uy tín vào giữ các vị trí chủ chốt trong chính quyền.

Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Sắc lệnh tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Ngày 6-1-1946, cuộc bầu cử Quốc hội được tiến hành trong phạm vi cả nước. Nhân dân Hà Nam phấn khởi hân hoan đón mừng ngày hội lớn của dân tộc. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, mỗi người dân đã tự mình lựa chọn những người có đủ tài, đức vào cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước. Gần 100% cử tri trong toàn tỉnh đã tham gia bầu cử. Trong số 45 người ứng cử và đề cử ở đơn vị bầu cử tỉnh Hà Nam, cử tri đã chọn được 7 đại biểu Quốc hội là các ông: Nguyễn Trọng Đạt (Lê Thành), Đào Thành Kim (Nguyễn Đức Quy), Dương Thế Châu, Phạm Ngọc Điển, Lê Tư Lành, Đinh Gia Trinh và linh mục Phạm Bá Trục.

Trong khí thế vô cùng phấn khởi của ngày bầu Quốc hội thành công, chiều ngày 11-1-1946, nhân dân Hà Nam lại tung bừng được đón chào Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm. Trước đông đảo nhân dân tập trung trước Phòng Thông tin để đón Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn đồng bào, chiến sỹ và cán bộ phải nêu cao tinh thần đoàn kết, chống giặc ngoại xâm, trừ nạn đói, bảo vệ nền độc lập tự do.

Sau bầu cử Quốc hội, từ trung tuần tháng 1 đến tháng 3 năm 1946, nhân dân Hà Nam tiếp tục tiến hành bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp tỉnh, huyện và xã, để cử ra Ủy ban Hành chính các cấp, thay thế các Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời.

Cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp đã diễn ra thuận lợi đạt kết quả tốt. Song ở một số nơi do công tác tổ chức lãnh đạo bầu cử còn yếu, bọn địa chủ cường hào, đảng phái phản động, nhất là bọn phản động đội lốt Thiên Chúa giáo



đã tìm mọi cách phá hoại bầu cử, đặc biệt là ở cấp xã. Có nơi chúng công khai bỏ tiền ra mua chuộc cử tri, vận động bầu cho chân tay của chúng. Thậm chí bọn phản động còn có nhiều hành động gian lận trong bỏ phiếu, gây khó khăn trong kiểm phiếu như ở xã Xuân Khê (huyện Lý Nhân).

Thắng lợi của cuộc bầu cử đã làm cho quần chúng trong tỉnh thấy rõ được tính ưu việt của chế độ mới, làm tăng thêm niềm tin tưởng, phấn khởi, ý chí quyết tâm làm chủ đất nước của nhân dân.

Đồng thời với việc xây dựng Chính quyền Cách mạng, Đảng bộ Hà Nam đã tăng cường mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố và phát triển Mặt trận Việt Minh, các tổ chức cứu quốc, củng cố quyền lãnh đạo của Đảng trong Mặt trận. Hầu hết các thôn xã trong toàn tỉnh đều xây dựng được tổ chức *Thanh niên Cứu quốc*, *Phụ nữ Cứu quốc*, *Nông dân Cứu quốc*, *Nhi đồng Cứu vong*. Đặc biệt, Công đoàn tỉnh Hà Nam được thành lập bao gồm Công đoàn Hoà xa, Công đoàn Đá Kien Khê, Công đoàn Vôi Kien Khê, Công đoàn Gốm Kim Bảng.

Trong thời kỳ này, nhằm tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, mọi đảng phái, dân tộc, tôn giáo cùng chống thù trong, giặc ngoài, bảo vệ nền độc lập dân tộc, Đảng và Chính phủ chủ trương tổ chức các Đảng phái, Mặt trận nhằm tranh thủ, lôi kéo mọi tầng lớp nhân dân vào cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung, bảo vệ độc lập dân tộc. Đến thời điểm này, tổ chức Đảng Dân chủ ở Hà Nam cũng đã phát triển ở hầu hết các huyện, thu hút một số trí thức, nhất là trí thức tân học ở nông thôn và một số địa chủ, công thương gia tiến bộ.

Tháng 5-1946 tại Hà Nam, Hội liên hiệp Quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Hội Liên Việt bao gồm Mặt trận Việt Minh, các tổ chức đoàn thể, đảng phái và cá nhân sĩ yêu nước đã được thành lập. Ở Hà Nam nhiều thân hào, nhân sĩ, kể cả một số vị khoa bảng đã nhiệt tình tham gia Hội Liên Việt.

Đi đôi với việc xây dựng Chính quyền Cách mạng, phát triển Mặt trận Việt Minh, công tác xây dựng Đảng được coi là nhiệm vụ quan trọng, có tính quyết định nhằm đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với các phong trào cách mạng trong tình hình mới. Tháng 2 năm 1946, Trung ương chỉ định 8 đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trong đó đồng chí Đỗ Mười được cử làm Bí thư Tỉnh uỷ lâm thời Hà Nam.

Sau bầu cử Quốc hội, Hội đồng Nhân dân tỉnh và các cấp huyện, xã từng bước được kiện toàn. Để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ mới, Ban Cán sự Đảng

tỉnh đã họp bàn phương án xây dựng và kiện toàn bộ máy hành chính cấp tỉnh. Trong điều kiện lịch sử lúc này, Ban Cán sự Đảng tỉnh quyết định mời cụ Đặng Quốc Kiều - một nhân sỹ nổi tiếng và có uy tín đối với nhân dân trong vùng đảm đương trọng trách Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh. Quyết định này của Ban Cán sự Đảng tỉnh đã được Trung ương Đảng đồng ý và đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết thư mời cụ Đặng Quốc Kiều giữ trọng trách trên.

Để bảo vệ chính quyền và chuẩn bị kháng chiến toàn quốc, Đảng bộ và Chính quyền Cách mạng Hà Nam coi trọng và đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang, dân quân du kích. Để kiện toàn lực lượng vũ trang, Trung ương đã cử đồng chí Trần Quyết làm Ủy viên quân sự tỉnh kiêm Chính trị viên, đồng chí Phạm Văn Trường, Chỉ huy trưởng quân sự. Các đại đội, trung đội, được biên chế lại. Lực lượng bảo an binh cũng được tổ chức lại cho phù hợp hơn.

Cuối năm 1945, Chi đội Giải phóng quân gồm 1.200 chiến sỹ được thành lập. Các chiến sỹ được tuyển từ số đội viên các đội tự vệ chiến đấu, đoàn viên Thanh niên cứu quốc cùng một số ít người tiến bộ được chọn lọc trong đơn vị bảo an binh. Ngoài ra, tỉnh còn tổ chức một số đội Cẩm tử quân, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc.

Tại các huyện đều thành lập một phân đội 45 người làm nhiệm vụ bảo vệ những nơi quan trọng. Ở các xã, các đơn vị tự vệ chiến đấu, tự vệ cứu quốc phát triển nhanh chóng, cuốn hút được nhiều thanh niên nam nữ tham gia. Làng nào cũng có từ một tiểu đội đến một trung đội tự vệ chiến đấu được trang bị chủ yếu là đại đao, giáo mác và các loại vũ khí tự tạo.

Để vũ trang cho toàn dân, tỉnh đã phát động phong trào mua sắm và sản xuất vũ khí. Nhiều tổ lò rèn được tập trung rèn dao kiếm, giáo mác để trang bị cho tự vệ và thanh niên. Phong trào ủng hộ kháng chiến cũng được phát động sôi nổi. Riêng cuộc vận động quyên góp “Ngày Nam bộ” đã thu được 48.375 đồng, 250 kg thóc, 521 kg gạo, một số thuốc men và vũ khí. Hướng về Nam Bộ ruột thịt, với quyết tâm đánh thắng giặc Pháp xâm lược, từ cuối năm 1945 đến 1-9-1946 tiểu đoàn Vệ quốc quân cùng với 50 cán bộ, con em của tỉnh Hà Nam đã xung phong Nam tiến giết giặc. Thời gian này tự vệ cứu quốc, tự vệ chiến đấu và các lực lượng vũ trang địa phương phát triển mạnh. Với 37.000 chiến sỹ được luyện tập và trang bị vũ khí thô sơ cùng 1 tiểu đoàn trong trung đoàn chủ lực của Quân khu, lực lượng vũ trang Hà Nam sẵn sàng cùng nhân dân bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp, bảo vệ quê hương.

Sang năm 1946, tình hình trong nước diễn biến phức tạp, nguy cơ của một cuộc chiến tranh ngày càng đến gần. Cuối tháng 2-1946, Tưởng Giới Thạch đã ký với Pháp một Hiệp ước để quân Pháp vào thay thế quân đội Tưởng ở miền Bắc Việt Nam. Trước tình hình đó, ngày 6-3-1946, Chính phủ ta đã ký với đại diện Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ và sau đó là Tạm ước 14-9 nhằm đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, tranh thủ hòa hoãn để chuẩn bị kháng chiến.

Sau Hiệp định sơ bộ và Tạm ước 14-9, thực dân Pháp vẫn tiếp tục đánh chiếm nhiều nơi ở Bắc Bộ. Nhận rõ nguy cơ phải chống lại cuộc chiến tranh xâm lược mới ngày càng đến gần, tháng 10-1946, Tỉnh uỷ Hà Nam triệu tập Hội nghị cán bộ toàn tỉnh tại Phù Đê (xã Tượng Lĩnh, huyện Kim Bảng). Đây là cuộc họp lớn đầu tiên ở Hà Nam có đủ đại diện của các huyện về dự. Hội nghị nhất trí với chủ trương tranh thủ thời gian hoà hoãn, gấp rút xây dựng mọi lực lượng, để phòng mọi bất trắc; nhấn mạnh công tác Mặt trận, công tác xây dựng lực lượng vũ trang, công tác chuẩn bị cho kháng chiến; hội nghị còn quyết định xây dựng khu căn cứ ở châu Lạc Thủy, cử cán bộ cấp uỷ về chăm lo công tác kinh tế ở vùng đồn điền Chi Nê (châu Lạc Thủy). Sau hội nghị Phù Đê, các cấp uỷ và chính quyền đã tuyên truyền giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, chuẩn bị kế hoạch tản cư, cất giấu lương thực, tổ chức canh gác, giữ gìn trật tự trị an, sẵn sàng chiến đấu.

Cuối năm 1946, tình hình chiến sự càng trở nên căng thẳng. Ở Nam Bộ, thực dân Pháp mở cuộc tấn công vào các phòng tuyến của ta. Ở Bắc Bộ, ngày 20-11 chúng đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn. Ngày 17-12 chúng khiêu khích tại Hà Nội. Ngày 19-12, tướng Moóclia gửi tối hậu thư buộc Chính phủ ta hạ vũ khí đầu hàng, khả năng hoà hoãn không còn nữa. Trước tình thế nền độc lập và chủ quyền của dân tộc bị đe dọa nghiêm trọng, ngày 19-12-1946, Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng đã quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc.

## **II. XÂY DỰNG LÀNG CHIẾN ĐẤU, CUNG CỐ HẬU PHƯƠNG, ĐẤU TRANH THU HẸP VÙNG ĐỊCH CHIẾM ĐÓNG (12-1946 ĐẾN 5-1950)**

Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi “*Toàn quốc kháng chiến*”. Ngày 22-12-1946, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “*Toàn dân kháng chiến*”, nêu rõ mục đích của cuộc kháng chiến là giành độc lập và thống nhất Tổ quốc, với phương châm kháng chiến “*Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh*” với tinh thần “*Mỗi phố phường là một trận địa*”, “*Mỗi làng là một pháo đài*”.

Thực hiện đường lối kháng chiến của Trung ương Đảng, Tỉnh uỷ Hà Nam đã triệu tập Hội nghị cán bộ tại huyện Duy Tiên để triển khai các nhiệm vụ kháng chiến. Hội nghị quyết định phổ biến sâu rộng Chỉ thị “*Toàn dân kháng chiến*” của Đảng trong nhân dân và chuyển hướng mọi hoạt động thời bình sang thời chiến.

Trước ngày 19-12-1946, Uỷ ban Hành chính tỉnh Hà Nam đã động viên nhân dân thị xã Phủ Lý tản cư về nông thôn, thực hiện tiêu thổ kháng chiến. Đêm 19-12-1946, hoà cùng tiếng súng chống Pháp của quân dân Hà Nội và thành phố Nam Định, quân dân Hà Nam đã đánh sập cầu Phủ Lý, cầu Guột, cầu Sắt, cầu Họ, cắt đứt con đường huyết mạch số 1 và số 21 chặn bước tiến của quân thù.

Qua hai tháng thực hiện tiêu thổ kháng chiến (12/1946 - 2/1947), nhân dân tỉnh Hà Nam đã đóng góp hàng triệu ngày công, hàng triệu cây tre, gỗ, đào 40 km hào giao thông ven đê sông Hồng - đoạn từ Đức Thông (huyện Lý Nhân) đến Hoàn Dương (huyện Duy Tiên); đào 5 km hào nối liền các khu phố trong thị xã Phủ Lý. Nhân dân đã tự tay phá huỷ một số thị trấn, đánh sập nhiều ngôi nhà lớn, chặt cây, dỡ nhà để cắm kè trên sông như kè Đức Thông trên sông Hồng ở đoạn Lý Nhân, kè Đoan Vĩ trên sông Đáy ở đoạn Thanh Liêm. Nhân dân đã đào hàng chục vạn hố hoả mai trên các đường giao thông lớn (các đường số 1, 21, 60, 62, 64), đắp hàng trăm ụ đất trên đê sông Hồng.

Các cơ quan đầu não của tỉnh đã nhanh chóng chuyển về nông thôn. Tháng 2-1947, Ban tản cư - di cư của tỉnh, huyện được thành lập, tổ chức nhiều trạm đón tiếp đồng bào tản cư. Nhiều trại sản xuất được lập ở Bồng Lạng, Trà Châu (huyện Thanh Liêm); Cốc Thôn, Khuyến Công (huyện Kim Bảng); Ngọc Động (huyện Duy Tiên). Nhân dân ở các địa phương đã hết lòng giúp đỡ đồng bào tản cư về mọi mặt, nhờ đó đời sống của đồng bào tản cư ngày càng được ổn định.

Tiểu đoàn 129 của Hà Nam đã được điều xuống thành phố Nam Định, hợp sức chiến đấu với các lực lượng vũ trang tỉnh bạn. Các ban vận động *ủng hộ tiền tuyến, ủng hộ binh sĩ* của Hà Nam hoạt động rất tích cực. Nhân dân trong tỉnh đặc biệt là hai huyện Lý Nhân và Bình Lục, đã quyên góp lương thực, quà bánh, thuốc men tiếp tế cho mặt trận.

Để đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất các lực lượng vũ trang trong tỉnh, đầu tháng 3-1947 cơ quan Tỉnh đội Dân quân Hà Nam được thành lập. Các cơ quan

huyện đội và xã đội dân quân cũng lần lượt ra đời. Tự vệ chiến đấu ở các xã được tổ chức lại và chuyển thành dân quân du kích, số lượng lúc này lên tới 3.840 đội viên, trong đó có 157 nữ du kích.

Ngày 12-3-1947, đại đội Lê Hồ, đại đội du kích tập trung đầu tiên của tỉnh Hà Nam được thành lập. Đến giữa năm 1947 tỉnh thành lập thêm đại đội 39 (Lương Khánh Thiện) và đại đội 25 (Trần Hưng Đạo). Tỉnh còn chỉ đạo mỗi xã thành lập một trung đội du kích tập trung.

Các trận chiến đấu của lực lượng vũ trang Hà Nam chống Pháp bắt đầu diễn ra từ tháng 3-1947 khi thực dân Pháp tập trung 1.500 quân, 120 xe cơ giới, 4 ca nô từ Hà Nội qua Hà Nam về giải vây cho quân lính của chúng ở Nam Định. Vừa đặt chân lên đất Hà Nam, địch đã vấp phải sức chiến đấu quyết liệt của các lực lượng vũ trang. Một tiểu đội cảm tử của huyện Lý Nhân đã phục kích đánh địch, cản bước tiến của chúng, đại bộ phận các chiến sĩ đã hy sinh rất anh dũng. Phải mất bốn ngày địch mới tới được Tảo Môn (xã Nhân Hoà, huyện Lý Nhân), đến ngày 11-3-1947 chúng mới giải vây được cho quân ở Nam Định.

Sau khi quân Pháp vào được thành phố Nam Định, ngày 21-3-1947 chúng tập trung 2 tiểu đoàn, 300 xe từ Hà Nội, Hưng Yên mở đợt tấn công vào Hà Nam. Chúng đổ quân lên Yên Lệnh và tấn công vào thị xã, đóng quân ở Phủ Lý hai ngày rồi chia hai mũi theo đường 22 về Hà Đông, một mũi theo đường 21 về Chi Nê (châu Lạc Thủy) rồi rút về Hà Đông. Các đơn vị tự vệ chiến đấu của tỉnh ở Trì Xá, Mộc Hoàn, Tường Thủy (huyện Duy Tiên); Bích Trì (huyện Thanh Liêm); Quyển Sơn (huyện Kim Bảng) đã đánh trả quyết liệt, gây thiệt hại cho địch. Trận đánh mưu trí của bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương tại Trì Xá (xã Chuyên Nội, huyện Duy Tiên) tiêu diệt gần một đại đội lính Âu - Phi; thu 6 trung liên, 8 tiểu liên. Ở Kim Bảng một trung đội chủ lực của ta bị một tiểu đoàn địch vây tại Cốc Nội đã anh dũng chiến đấu, diệt nhiều địch và bắn rơi một máy bay.

Chiến sự ngày càng lan nhanh trên địa bàn Hà Nam. Sau khi chiếm thành phố Nam Định, địch mở nhiều cuộc càn quét uy hiếp các xã cuối tỉnh thuộc hai huyện Lý Nhân và Bình Lục. Chiếm được Bảo Long (xã Mỹ Lộc, thành phố Nam Định), tháng 10-1947 địch thành lập quận hành chính Bình - Lý và phân khu Bảo Long để chỉ đạo việc chuẩn bị chiếm đóng một số xã thuộc hai huyện Bình Lục và Lý Nhân. Tháng 11-1947, địch từ Bảo Long chia hai mũi tiến đánh

xã Vũ Bản, lập bột Đa Côn (Bình Lục), đánh vào Nhân Mỹ, lập bột ở Vĩnh Đà (thuộc huyện Lý Nhân).

Thực hiện phương châm “kháng chiến, kiến quốc” của Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân Hà Nam vừa tổ chức chiến đấu, vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế. Về sản xuất nông nghiệp, năm 1947 diện tích cấy lúa của tỉnh đạt 63.000 ha, tổng sản lượng đạt 68.000 tấn, tăng hơn năm 1946; chăn nuôi trâu bò, gia cầm cũng tăng nhanh. Các ngành sản xuất than ở Đồi Hoa (châu Lạc Thủy), gạch ngói ở Trung Thứ, đá ở Kiện Khê và 19 ngành nghề thủ công được phục hồi và đi vào sản xuất, trong đó xã An Lão có phong trào trồng bông kéo sợi dệt vải; An Đổ, Ngọc Lũ (huyện Bình Lục) đẩy mạnh phong trào dệt vải bằng khung cửi tay. Nhân dân Bình Lục tích cực tăng gia sản xuất, cấy hết diện tích ven đường giao thông, chống bỏ ruộng hoang. Nhờ vậy, mà hai vụ lúa chiêm năm 1947 - 1948, năng suất thu hoạch khá cao, đạt bình quân từ 70 - 76kg một sào.

Công tác văn hoá - xã hội vẫn được duy trì, phát triển. Tháng 6-1947, Hội văn hoá kháng chiến tỉnh Hà Nam được thành lập. Hội đã xuất bản 2.000 cuốn *Đời sống mới*, 2.000 cuốn *Việt Nam chiến đấu*, *Thơ ca chiến đấu*. Ngoài ra, Hội còn tổ chức một cuộc triển lãm lưu động *Một năm kháng chiến* nhằm giới thiệu rộng rãi thành tích của các ngành, các giới trong tỉnh. Ngành Bình dân học vụ được đẩy mạnh, năm 1947 có thêm 10 vạn người thoát nạn mù chữ. Công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh ngày càng phát triển. Ngày 14-9-1947, Hội Việt Nam Y dược của tỉnh được thành lập. Sau một thời gian hoạt động, Hội có hơn 1.000 hội viên ở khắp các cơ sở trong tỉnh và đã bào chế được 112 loại thuốc bán phục vụ nhân dân với giá phù hợp.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công cuộc kháng chiến, các cấp uỷ đảng từ tỉnh đến huyện không ngừng được củng cố và kiện toàn. Tính đến cuối năm 1947, toàn đảng bộ đã có 1.333 đảng viên. Chi bộ được xây dựng ở hầu hết các xã, làm cho sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở nông thôn thêm vững chắc.

Tháng 11-1947, Uỷ ban Kháng chiến và Uỷ ban Hành chính các cấp tỉnh, huyện, xã hợp nhất thành Uỷ ban Kháng chiến Hành chính để tập trung chỉ đạo công cuộc kháng chiến, kiến quốc trong toàn tỉnh.

Khối đại đoàn kết toàn dân càng được củng cố, mở rộng. Tháng 12-1947, Tỉnh đoàn Thanh niên cứu quốc và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh được thành lập. Tổng số đoàn viên thanh niên toàn tỉnh là 37.612 người (trong đó có 23.942 Thanh niên cứu quốc). Hội Liên hiệp Phụ nữ vận động hội viên tham gia công

tác xã hội, giúp đỡ bộ đội, ủng hộ phong trào *Mùa đông binh sĩ*, luyện tập quân sự, gia nhập dân quân du kích... Liên hiệp Công đoàn tỉnh có 3.819 công đoàn viên. Mặt trận Việt Minh có cơ sở vững chắc từ xã đến tỉnh. Ở những xã giáp vùng địch tạm chiếm, cán bộ Việt Minh đã hướng dẫn nhân dân đấu tranh chống địch cướp bóc và khủng bố, lập kế hoạch canh gác bảo vệ trật tự trị an. Hội Liên Việt có 83.343 hội viên, Hội đã vận động nhân dân hưởng ứng *Tuần lễ thương binh* và *Mùa đông kháng chiến*, quyên góp được 470 nghìn đồng.

Bị thất bại nặng nề trong cuộc tiến công quy mô lớn lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến của ta, *chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh* của thực dân Pháp bị phá sản. Từ cuối năm 1947, thực dân Pháp buộc phải thực hiện đánh lâu dài, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, mở nhiều cuộc hành quân quy mô nhỏ nhằm phá cơ sở kháng chiến, củng cố nguy quyền, mở rộng sự chiếm đóng, thực hiện chiến thuật *vết dầu loang*.

Để đối phó với âm mưu của địch, ngay từ tháng 11-1947, sau Hội nghị vùng tiền tuyến, Ban chỉ đạo tiền phương của Hà Nam đã được thành lập, do Tỉnh uỷ trực tiếp lãnh đạo. Chủ trương của Tỉnh uỷ là cán bộ, đảng viên phải lãnh đạo nhân dân đấu tranh với địch, không lập tề, không đi phu đi lính, không nộp sưu tre. Đồng thời Tỉnh uỷ ra Chỉ thị thành lập các đội tuyên truyền vũ trang, đưa vào hoạt động trong vùng tạm chiếm, vừa đánh địch, vừa giúp cơ sở gây dựng lại phong trào. Nhờ đó phong trào dần dần được phục hồi. Chỉ trong 3 tháng đầu năm 1948, hầu hết vùng tạm chiếm đều có cơ sở đảng với 10 chi bộ chính thức, 4 chi bộ dự bị gồm 400 đảng viên. Ban chỉ đạo tiền phương đã hai lần chỉ đạo tổng phá tề, đến cuối năm 1948, ta đã phá và làm tan rã 70% hội tề, bắt gần 300 tên, trong đó có một số tề gian ác.

Để tăng cường sức mạnh của chính quyền cách mạng trong vùng tạm chiếm, Tỉnh uỷ chủ trương thành lập Ban đặc biệt gồm đại biểu Uỷ ban Kháng chiến Hành chính, đại biểu Tỉnh đội Dân quân, Ty Công an, cùng với đại biểu Uỷ ban Kháng chiến Hành chính hai huyện Lý Nhân và Bình Lục, có nhiệm vụ giúp đỡ các xã củng cố chính quyền, trấn áp bọn phản cách mạng, củng cố lực lượng dân quân du kích.

Đầu năm 1948, được sự giúp đỡ của Bộ Tư lệnh Liên khu III, tỉnh đã lãnh đạo nhân dân tổ chức chống càn, xây dựng thêm công binh xưởng để sản xuất vũ khí. Trong năm 1948, xưởng đã sản xuất được 18 súng phóng lựu đạn, 200 quả đạn phóng, 1.235 quả mìn muối, 200 súng bắn đạn ghém.

Đến cuối năm 1948, toàn tỉnh đã xây dựng được 14 làng chiến đấu ở Hưng Công, Bối Cầu, Yên Nội (huyện Bình Lục); Yên Từ, Tường Thụy, Trì Xá, Bút Đông (huyện Duy Tiên); Nhật Tựu, Lưu Xá, Đặng Xá (huyện Kim Bảng); Nhân Nghĩa, Chung Lý, Mạc Hạ, Mai Xá (huyện Lý Nhân).

Để đáp ứng yêu cầu ngày một cao của cuộc kháng chiến, tỉnh đã phát động cuộc vận động “Rèn luyện cán bộ, cải tiến công tác”. Tiếp đó, phong trào “Thử lửa” của du kích cũng được phát động, và cùng với phong trào “Thử lửa”, nhân dân và các đoàn thể cứu quốc các huyện, xã thành lập “Hội bảo trợ du kích”, ủng hộ kháng chiến. Đến tháng 12-1948, Hội đã vận động quyên góp được 270.000 đồng, 27 mẫu ruộng, 14 con trâu, 654 con gà, 15 ao thả cá, 4.000 cây ăn quả. Trong “Tuần lễ vũ khí” do Tỉnh uỷ phát động ngày 24-5-1949, nhân dân một mặt tự sắm sửa vũ khí để chiến đấu, mặt khác tích cực ủng hộ tiền bạc cho du kích mua sắm vũ khí. Phong trào mua “Công phiếu kháng chiến” cũng được đẩy mạnh. Tính đến cuối 1948, số tiền nhân dân Hà Nam mua công trái lên tới 1.050.600 đồng.

Nhờ sự chỉ đạo sát sao của tỉnh và sự ủng hộ tích cực của nhân dân, đến quý I năm 1949, số du kích trong toàn tỉnh đã lên tới 16.692 đội viên. Trong đợt tuyển quân tháng 8-1949, Hà Nam đã có 8.000 thanh niên lên đường tòng quân giết giặc. Bộ đội địa phương và du kích đã chiến đấu dũng cảm, đánh bại nhiều cuộc tấn công lấn chiếm của địch. Đầu tháng 12-1948, địch dùng 17 máy bay Đacota có 4 máy bay B26 yểm trợ, thả 400 quân dù xuống xã Bình Cách (huyện Ý Yên), Trà Châu, càn quét vùng Núi Đất (huyện Thanh Liêm), phối hợp với cánh quân đường thủy đổ bộ lên bến Khuốt và cánh quân từ Vân Đình (Hà Đông) tiến đánh cơ quan đầu não của tỉnh và các kho tàng của ta ở hai huyện Thanh Liêm, Kim Bảng. Lực lượng vũ trang của hai huyện Thanh Liêm, Kim Bảng đã chiến đấu dũng cảm, diệt 144 tên địch, làm bị thương 99 tên, đập tan cuộc hành quân càn quét của địch, bảo vệ cơ sở kháng chiến.

Đồng thời với việc xây dựng lực lượng vũ trang, chiến đấu chống địch lấn chiếm, phong trào đẩy mạnh tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân được phát động sâu rộng. Tháng 2-1949, tỉnh Hà Nam quyết định thành lập Ban vận động hợp tác xã trong tỉnh. Cuối năm 1949, toàn tỉnh có 54 hợp tác xã nông nghiệp, 3 hợp tác xã thủ công nghiệp, đến tháng 3 năm 1950 toàn tỉnh đã có 76 hợp tác xã.





Nhân dân tặng hoa bộ đội giữ cầu Phủ Lý (1949)  
(Ảnh: Bảo tàng Cách mạng Việt Nam)

Trên lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tính đến năm 1950 toàn tỉnh có 150 xí nghiệp và xưởng sản xuất.

Trên mặt trận văn hoá - giáo dục và y tế, đến cuối năm 1949, toàn tỉnh đã thanh toán xong nạn mù chữ trong nhân dân và được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất. Toàn tỉnh có 277 trường tiểu học, 12 trường trung học và xây dựng được 15 nhà hộ sinh, mỗi huyện có 1 y tá.

Để tăng cường bồi dưỡng sức dân, đẩy mạnh sản xuất đáp ứng nhu cầu kháng chiến và kiến quốc, thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước, chính quyền tỉnh đã tạm cấp 983 mẫu ruộng của thực dân Pháp và Việt gian cho 1.063 gia đình. Đồng thời, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh đã có nhiều biện pháp kiên quyết, buộc địa chủ phải giảm tô cho tá điền. Tuy việc thực hiện chính sách giảm tô đã đạt được nhiều kết quả, nhưng có nơi thi hành chưa triệt để, nên toàn tỉnh mới thực hiện giảm tô được 20%.

Trong thời gian này, công tác trừ gian, diệt phản động, cũng được đẩy mạnh. Tháng 12-1949, Công an Hà Nam đã triệt phá tổ chức Mặt trận dân chúng liên hiệp, một tổ chức phản động đội lột Thiên chúa giáo do Nguyễn Văn Thuyết ở Vũ Điện (huyện Lý Nhân), Đình Thành Chung ở Dương Thọ (Duy Tiên) cầm đầu. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã kết án tử hình tên Bạch Văn Sam về tội phản quốc.

Thực hiện việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tháng 2-1950, Tỉnh uỷ Hà Nam đã chỉ đạo tiến hành Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh - Liên Việt. Đại hội đã đề ra phương hướng công tác, chú trọng công tác mặt trận trong các vùng tạm bị chiếm, vùng có đồng bào theo đạo Thiên chúa và vùng dân tộc thiểu số. Sau Đại hội, mặt trận đã kết nạp thêm 5.000 hội viên mới, mở 990 lớp huấn luyện cho 44.700 hội viên, tranh thủ mọi tầng lớp nhân dân như thanh niên, phụ nữ, trí thức, tôn giáo, nhân sĩ tiến bộ, động viên họ tích cực tham gia kháng chiến.

Giữa lúc tình hình trong nước và địa phương có nhiều chuyển biến, Đại hội Đại biểu đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ II khai mạc vào ngày 10-9-1949 tại thôn Văn Lâm (xã Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm). Thay mặt cho 15.214 đảng viên trong toàn Đảng bộ, các đại biểu đã thảo luận và tham gia ý kiến vào các đề án của Trung ương Đảng, cử đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ Liên khu III và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II. Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành mới gồm 13 ủy viên do đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng (tức Ngô Duy Đông) làm Bí thư.

Trước những thất bại nặng nề của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ ngày càng tăng cường can thiệp vào Đông Dương. Được Mỹ viện trợ, thực dân Pháp tăng quân từ Pháp sang, củng cố và khoá chặt biên giới Việt - Trung, đánh chiếm đồng bằng Bắc Bộ, củng cố nguy quyền, xây dựng nguy quân hùng dũng đội quân này làm nhiệm vụ bình định, chiếm đóng để có thể tập trung phần lớn quân viễn chinh thành lập những binh đoàn cơ động ứng chiến.

Thực hiện kế hoạch Rove, ở Liên khu II, tháng 9-1949 thực dân Pháp đánh chiếm phía nam tỉnh Nam Định, Phát Diệm (tỉnh Ninh Bình). Tháng 2-1949, chúng đánh chiếm tỉnh Hưng Yên và hoạt động ráo riết chuẩn bị đánh chiếm tỉnh Hà Nam, nơi có vị trí giao thông chiến lược và là mục tiêu cuối cùng nằm trong kế hoạch bình định đồng bằng của chúng. Tháng 2-1950, khi đánh chiếm Thái Bình, thực dân Pháp cho một mũi tấn công vào Hà Nam, chiếm đóng hai vị trí Như Trác và Vũ Điện (huyện Lý Nhân), nhằm bảo vệ đường vận chuyển trên sông Hồng và làm bàn đạp đánh sâu vào nội địa của tỉnh sau này.

Nhận rõ âm mưu chiếm đóng đồng bằng của địch, Liên khu uỷ Khu III nhận định, rồi đây địch sẽ đánh chiếm Hà Nam và chỉ thị cho Tỉnh uỷ Hà Nam phải tích cực chuẩn bị chiến đấu. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã họp để ra nghị quyết về chuẩn bị chống địch đánh chiếm Hà Nam, nêu rõ phải tăng cường công tác phòng gian, tuyên truyền sắc lệnh tổng động viên, vận động nhân dân phá kế hoạch chiếm đóng đồng bằng của địch.

Như vậy là trong khoảng thời gian gần 5 tháng, kể từ ngày cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ (19-12-1946) đến tháng 5-1950, Đảng bộ, chính quyền cách mạng và nhân dân Hà Nam đã kịp thời chuyển hướng hoạt động từ thời bình sang thời chiến, xây dựng hậu phương trong điều kiện đầy khó khăn, gian khổ; vận dụng linh hoạt chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng vào địa phương, xây dựng và phát triển kinh tế, chính trị, quân sự và văn hoá xã hội. Đảng bộ và nhân dân Hà Nam đã vững vàng, chủ động bước vào thời kỳ trực tiếp chiến đấu chống thực dân Pháp, bảo vệ và tiến tới giải phóng quê hương.

### III. CHỐNG ĐỊCH MỞ RỘNG VÙNG CHIẾM ĐÓNG, ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, TIẾN TỚI GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (5-1950 ĐẾN 7-1954)

Thực hiện âm mưu chiến lược đánh chiếm đồng bằng, đế quốc Pháp đã mở cuộc tiến công *Tia chớp* với cuộc hành quân Đavít 3 đánh chiếm Hà Nam. Ngày 21-5-1950, thực dân Pháp đánh vào Hà Nam từ nhiều hướng.

Trước sức tiến công ồ ạt của địch ngày 22-5-1950, Tỉnh uỷ đã họp bất thường đặt kế hoạch đối phó và đề ra nhiệm vụ chung là *xiết chặt hàng ngũ, giữ vững khối đoàn kết toàn dân, dốc mọi khả năng vào cuộc chiến đấu chống giặc, bảo vệ và giữ vững cơ sở, phá kế hoạch chiếm đóng Hà Nam của địch*. Và ra lời kêu gọi cán bộ, đảng viên toàn tỉnh *tích cực diệt địch, giữ vững cơ sở*, đồng thời cho thành lập cấp tốc các đội tuyên truyền vũ trang.

Mặc dù tương quan lực lượng hết sức chênh lệch, song bộ đội và du kích đã chặn đánh quyết liệt các cánh quân địch từ Hà Đông tiến xuống, dùng bom, mìn diệt địch ở Tiên Nội (huyện Duy Tiên), Hồng Phú (huyện Thanh Liêm), Nhật Tựu (huyện Kim Bảng). Tại xã Tượng Lĩnh (huyện Kim Bảng), tiểu đoàn Lê Lợi đã phục kích diệt gọn 2 trung đội địch. Các mũi tiến công khác của địch đều bị quân dân ta chặn đánh. Đặc biệt, ở Lý Nhân, chớp thời cơ quân địch ở

Vĩnh Đà (xã Nhân Mỹ) kéo đi càn quét, chi bộ xã đã kịp thời huy động dân quân, du kích và nhân dân ở đây đã phá tan bột của giặc, để khi chúng quay về không còn chỗ đóng quân.

Trong cuộc đánh chiếm quy mô lớn, địch đã nhanh chóng chiếm đóng các vị trí then chốt ở thị xã Phủ Lý, dọc đường giao thông lớn ở ven sông Đáy. Với hệ thống đồn bốt và mạng lưới tề, địch đã kiểm soát được các đường giao thông quan trọng, một số cao điểm và tuyến sông Đáy. Toàn bộ châu Lạc Thủy, vùng bán sơn địa của hai huyện Thanh Liêm, Kim Bảng và nhiều nơi trong tỉnh còn là khu vực tự do.

Sau khi thiết lập được hệ thống cứ điểm ven sông Đáy vào cuối tháng 6-1950, địch thực hiện kế hoạch bình định Hà Nam. Tháng 7-1950 dựa vào lực lượng quân sự mạnh, địch mở nhiều cuộc càn quét theo kiểu *Vết dầu loang*, đánh phá cơ sở, tìm diệt lực lượng của ta, lùng bắt, tàn sát cán bộ và những người tham gia hoặc có cảm tình với kháng chiến, cướp nguyên vật liệu, bắt phu về xây đồn bốt. Đồng thời chúng dùng chính sách mị dân, đề cao “độc lập” giả hiệu, đề cao bù nhìn Bảo Đại, vực dậy các đảng phái phản động, bọn đội lốt tôn giáo, địa chủ cường hào, để lập ra nguy quyền, nguy quân. Chỉ trong vòng 2 tháng, địch đã lập được một hệ thống nguy quyền từ tỉnh đến xã và một lực lượng nguy quân bao gồm 251 hội tề - với gần 1.000 tên trong đó có 75 thôn tề ác, 35 thôn tề vũ trang, được trang bị 429 súng trường, 8 tiểu liên, 1 trung liên.

Để phá âm mưu chiếm đóng và bình định của giặc, Liên khu uỷ Khu III đã phát động đợt hoạt động mạnh lấy tên là *Lương giáo đoàn kết thi đua giết giặc* trong toàn Liên khu. Hà Nam được tăng cường một tiểu đoàn chủ lực cho khu vực hai huyện Bình Lục và Lý Nhân để hỗ trợ cho cuộc phát động.

Thi hành Chỉ thị của Liên khu uỷ, Tỉnh uỷ và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Hà Nam đã phát động *Hai tháng lương giáo đoàn kết, thi đua giết giặc* (từ 25-7 đến 25-9-1950), nhằm củng cố khối đoàn kết lương giáo; phá nguy quân, nguy quyền; đẩy mạnh xây dựng cơ sở. Vào lúc 11 giờ đêm ngày 25-7-1950, các lực lượng của ta đồng loạt nổ súng, ném lựu đạn, quấy rối các vị trí, các thôn có tề vũ trang trong toàn tỉnh. Đồng thời nhiều thôn, xã khác đã nổi chiêng, trống, mõ, kèn hỗ trợ. Có nơi dân quân du kích đốt đuốc tuần hành vũ trang, đột nhập vị trí địch treo cờ, rải truyền đơn, dán khẩu hiệu. Bị tấn công đồng loạt và bất ngờ, địch hoang mang lo sợ, cố thủ trong vị trí suốt 3 ngày đêm, không dám ra ngoài.

Bộ đội chủ lực đã cùng với bộ đội địa phương vũ trang tiến công diệt tề, hỗ trợ cho phong trào kháng chiến. Đêm 30-7-1950, tại Khắc Cần (huyện Thanh Liêm) ta đã tấn công diệt tề vũ trang, bắt sống một số vệ sỹ, thu toàn bộ vũ khí. Đêm 2-8-1950, ta diệt 3 vị trí Tàng, Khoái, Văn Quán (huyện Thanh Liêm), bắt sống 80 tên; đêm 6-8-1950, tiêu diệt vị trí Võ Giang (huyện Thanh Liêm), bắt 37 tên. Nhân đà thắng lợi, quân dân huyện Thanh Liêm tiến lên phá 84 ban tề, toàn huyện chỉ còn lại 16 thôn có tề vũ trang. Quân và dân ta mở rộng hoạt động sang hai huyện Lý Nhân và Bình Lục, tấn công đồng loạt 12 vị trí tề vũ trang, nhưng kết quả đạt không cao vì bọn chúng ra sức cố thủ trong các công sự.

Nhân dịp Quốc khánh 2-9-1950, đội *Thiết Dũng* của Ty Công an Hà Nam, làm nhiệm vụ diệt tề trừ gian, đã hoạt động mạnh mẽ, táo bạo, lập nhiều chiến công vang dội. Đội đã bí mật vào cắm cờ ở xung quanh nhà thờ Kiện Khê, phối hợp với bộ đội xoá tổ chức phản động Sui (huyện Thanh Liêm), chôn mìn ở gần vị trí Ngô Khê (huyện Bình Lục), diệt và làm bị thương hàng trăm tên địch, đồng thời rải truyền đơn và giải thích chủ trương của Chính phủ.

Qua đợt hoạt động *Lương giáo đoàn kết, thi đua giết giặc*, ta đã phá được 168 trong số 251 ban tề trong tỉnh, diệt và bức rút 14 trong 36 ban tề vũ trang, diệt 110 tên địch, bắt sống 409 tên, thu nhiều vũ khí. Hơn 100 vệ sỹ, bảo an bỏ ngũ trở về gia đình.

Sau hai tháng chiến đấu liên tục, tình thế ở Hà Nam đã thay đổi. Từ chỗ bị địch tấn công, lấn chiếm, ta chủ động tiến công địch, phá vỡ từng mảng nguy quân, nguy quyền, phục hồi cơ sở, tạo nên một khí thế đấu tranh mới cho cán bộ, nhân dân. Bước đầu ta đã làm phá sản âm mưu chia rẽ lương giáo của địch, củng cố thêm một bước khối đoàn kết toàn dân.

Tháng 9-1950, Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một phần quan trọng sinh lực địch, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc; nối liền nước ta với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa; giải phóng một phần đất đai, tiến tới giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường.

Để phối hợp với chiến dịch, Tỉnh uỷ và Ủy ban Kháng chiến Hành chính chủ trương đẩy mạnh hoạt động quân sự, tích cực phá tề, phục hồi cơ sở, xây dựng các khu du kích liên hoàn phía nam tỉnh. Một trung đoàn chủ lực được điều về mở đầu đợt hoạt động. Ngày 9-10-1950, sau 36 giờ tiến công vây hãm, chặn viện, bộ đội ta đã tiêu diệt căn cứ Hồi Trung (huyện Kim Bảng), diệt 30

tên địch, bắt 44 tên, thu 1 khẩu pháo 37 ly, 3 trung liên, 5 tiểu liên, nhiều súng trường và đạn dược. Thừa thắng, ta đánh liên tiếp nhiều vị trí tề vũ trang ở Bèo, Bài Lễ (Duy Tiên); Mã Nỗ, Quế (huyện Kim Bảng); Trung Lương (huyện Bình Lục). Ở nhiều nơi, cơ sở đảng và cơ sở quần chúng được phục hồi, nhân dân nô nức đi dân công phục vụ chiến dịch, phá đường giao thông, tích cực đào hầm bí mật, rào làng kháng chiến. Nguy quân, nguy quyền hoang mang, lo sợ. Có nơi chúng ra đầu thú chính quyền cách mạng (huyện Kim Bảng), có nơi trả súng về nhà làm ăn (xã Bạch Thượng, huyện Duy Tiên).

Quân và dân Hà Nam còn tự hào là đã góp phần xứng đáng vào việc bảo vệ an toàn các cơ quan của Liên khu III, phục vụ đắc lực tuyến giao thông, vận tải từ Việt Bắc vào Khu IV, đặc biệt là giữa tả ngạn và hữu ngạn sông Hồng. Trong nhiều chiến dịch, dân công Hà Nam đã không sợ gian khổ, không ngại hy sinh, giữ vai trò chủ yếu trong công tác hậu cần, đã bố trí nhân viên và phương tiện đưa đón các đoàn cán bộ, bộ đội bảo đảm an toàn vượt qua sông Hồng, sông Đáy và các đoạn đường địch hay phục kích.

Sau thất bại trong Chiến dịch Biên giới, được Mỹ tăng cường viện trợ, thực dân Pháp lại tiếp tục mở rộng chiến tranh. Tháng 12-1950, Pháp cử Đại tướng Đờ-lát Đờ Tát-xi-nhi sang Đông Dương nắm mọi quyền hành về quân sự và chính trị hòng xoay chuyển tình thế. Thực dân Pháp ra sức tăng viện binh từ Pháp sang, ra sức bắt thanh niên vùng tạm chiếm đi lính, tăng cường càn quét, bình định vùng chiếm đóng, xây dựng hệ thống boong ke, lập vành đai trắng bảo vệ đồng bằng Bắc bộ.

Thực hiện kế hoạch của Đờ Tát-xi-nhi, ở Hà Nam, ngày 14-12-1950, quân Pháp tập trung lực lượng mở trận càn vào 5 xã thuộc khu bắc huyện Duy Tiên với chiến thuật bao vây lớn kết hợp với bao vây nhỏ, chia cắt các thôn xã, đánh úp lực lượng kháng chiến, tàn phá làng mạc, cướp của, bắt thanh niên đi lính.

Sau khi đánh chiếm xong khu bắc huyện Duy Tiên, địch lại điều 3.000 quân mở cuộc hành quân càn quét lớn mang tên là *Quốc gia* kéo dài từ ngày 7 đến ngày 20-4-1951, đánh chiếm vùng tự do còn lại thuộc ba huyện Lý Nhân, Bình Lục, Thanh Liêm nhằm chiếm toàn bộ năm huyện đồng bằng trong tỉnh, lập phòng tuyến sông Hồng, sông Đáy, cắt đứt giao thông giữa tả ngạn và hữu ngạn sông Hồng, giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm Liên khu III. Tính đến thời gian này, ở Hà Nam có 37 vị trí quân Pháp đóng, 47 vị trí tề vũ trang, 332 ban tề, hình thành hệ thống nguy quyền từ tỉnh xuống xã; kiểm soát 3/4 đất đai và

4/5 dân số. Khu tự do trong tỉnh chỉ còn Lạc Thủy, một số xã thuộc hữu ngạn sông Đáy như Khả Phong, Thanh Sơn, Thi Sơn, Ba Sao, Châu Sơn của huyện Kim Bảng và một số xã thuộc huyện Thanh Liêm.

Từ sau cuộc càn quét mang tên Quốc gia của địch, phong trào kháng chiến trong tỉnh gặp rất nhiều khó khăn, không khí bị quan bao trùm khắp các huyện, xã. Có thể nói đây là thời kỳ khó khăn nhất của cách mạng Hà Nam. Ngày 17-5-1951, Tỉnh uỷ họp Hội nghị mở rộng nhằm đánh giá tình hình, phân tích những thuận lợi, khó khăn, đề ra nhiệm vụ trước mắt cho quân dân trong tỉnh. Hội nghị đã ra Nghị quyết về nhiệm vụ chuẩn bị chiến trường, vạch kế hoạch phối hợp với chủ lực, đẩy mạnh chiến tranh du kích, phát động nhân dân phá ách kìm kẹp của địch; phục hồi cơ sở, tổ chức tốt việc thu chiêm, làm mùa.

Sau hội nghị, mọi công tác đều được tiến hành khẩn trương, sôi động. Nhân dân các huyện đã huy động được gần 3.000 chiếc thuyền vừa và nhỏ, chở gần 300 tấn thóc ra vùng tự do; góp gần 1 vạn cây tre, luồng làm cầu, lán trú quân; hơn 10 vạn ngày công tham gia khai thông đường vận chuyển, đào hầm hố, chuẩn bị lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh cho bộ đội. Cơ quan quân sự tỉnh cũng khẩn trương vạch kế hoạch tác chiến cho các lực lượng vũ trang, bán vũ trang, sẵn sàng phối hợp chiến đấu.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, chiến dịch Quang Trung đã diễn ra từ 28-5 đến 20-6-1951, trên địa bàn ba tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình<sup>1)</sup>, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của địch, làm tan rã nguy quân, nguy quyền, đẩy mạnh chiến tranh nhân dân.

Hà Nam nằm trong hướng phụ của chiến dịch, là địa bàn hoạt động của hai trung đoàn chủ lực. Do có nhiều điều kiện thuận lợi về địa hình, châu Lạc Thủy - căn cứ địa của Hà Nam và Liên khu III, trở thành nơi tập trung nhiều kho tàng, trú quân và xuất kích của bộ đội tham gia chiến dịch. Nhân dân Hà Nam đã đóng góp một phần đáng kể trong công cuộc xây dựng kho tàng, vận chuyển vũ khí, làm lán trại, bắc cầu, sửa đường, nhiều người đã anh dũng hy sinh khi làm nhiệm vụ.

Hoà cùng chiến dịch Hà - Nam - Ninh, đêm 28-5-1951, một bộ phận của Đại đoàn 320 phối hợp với quân dân Hà Nam, nổ súng tiêu diệt các vị trí Quân

---

1. Còn gọi là chiến dịch Hà - Nam - Ninh.

(huyện Bình Lục); Hương Cát, Thân Nữ (huyện Duy Tiên); Võ Giang, Kỳ Cầu (huyện Thanh Liêm). bức địch phải bỏ vị trí Đuan Vĩ, chọc thủng một mảng lớn tuyến phòng thủ sông Đáy, phía nam huyện Thanh Liêm. Cùng một lúc nhiều vị trí địch ven đường 21 như cầu Sắt, An Tập, (huyện Bình Lục) cũng bị tiêu diệt. Ngày 29 và 30-5, quân ta giành thắng lợi lớn trong hai trận phục kích địch ở Mai Cầu, Trung Thứ (huyện Thanh Liêm).

Những hoạt động quân sự của ta đã làm cho hàng ngũ nguy quân, nguy quyền trong tình hoang mang dao động. Tên đồn trưởng Lạc Tràng (thị xã Phủ Lý) vội vã cho vợ con di tản. Nguy binh ở bốt Quế (huyện Kim Bảng) và thị xã Phủ Lý, tìm đường thoát thân hoặc đầu hàng. Bọn tề vũ trang ở Ngọc Thị (huyện Duy Tiên), tối đến kéo nhau lên bốt ngủ, sáng sớm mới dám về nhà. Nguy quyền ở xã không dám hoạt động; nhiều ban tề vũ trang bị ta phá. Đặc biệt toàn bộ hội tề ở các xã trong huyện Lý Nhân, 80% số ban tề ở huyện Bình Lục và một số ban tề huyện Thanh Liêm bị giải tán. Chớp thời cơ thuận lợi này, nhiều cán bộ, đảng viên bị bật đất trước đây, nay nhanh chóng trở về xây dựng, củng cố lại phong trào. Cơ sở Đảng, cơ sở kháng chiến phía nam huyện Thanh Liêm và hầu hết ở các huyện Bình Lục, Lý Nhân, Duy Tiên được phục hồi.

Các đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, huyện, cũng phân tán về các xã cùng với du kích đánh địa lôi chống càn, xây dựng khu du kích. Nhiều khu du kích rộng lớn đã được xây dựng ở ba huyện Duy Tiên, Lý Nhân, Bình Lục. Huyện uỷ Lý Nhân đã chỉ đạo xây dựng khu du kích Hoà - Hậu - Thắng, trở thành căn cứ vững nhất tỉnh. Chiến tranh du kích phát triển mạnh ở nhiều nơi như Xuân Khê (huyện Lý Nhân), Hưng Công (huyện Bình Lục), Mộc Bắc (huyện Duy Tiên), Liêm Trục (huyện Thanh Liêm), du kích đã có thể chủ động chống những cuộc càn quét nhỏ của địch, bảo vệ dân thu hoạch vụ chiêm thắng lợi.

Như vậy, sau thắng lợi của chiến dịch Quang Trung, phong trào cách mạng ở Hà Nam đã được khôi phục và tiếp tục phát triển. Đúng như nhận định của Tỉnh uỷ trong cuộc họp ngày 18-7-1951: “Thắng lợi của chiến dịch Quang Trung đã làm cho phong trào tỉnh ta hết đà suy sụp, bắt đầu tiến lên và có triển vọng tiến bộ mạnh hơn nữa”<sup>1)</sup>.

Để giành lại quyền chủ động đã mất trên chiến trường Bắc Bộ, chặn đường vận chuyển tiếp tế của ta giữa Việt Bắc với Trung Bộ, tháng 11-1951, thực dân

---

1. Nghị quyết số 06. NQ - TƯ ngày 18-7-1951 của Tỉnh uỷ Hà Nam.



Pháp tập trung 20 tiểu đoàn bộ binh cơ động chiến lược, có đủ cơ giới, pháo binh, máy bay, mở chiến dịch đánh chiếm Hoà Bình.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và Liên khu uỷ III, cơ quan quân sự tỉnh đã khẩn trương củng cố lực lượng vũ trang và bán vũ trang, đề ra phương án phối hợp tác chiến với bộ đội chủ lực. Hội đồng cung cấp của tỉnh cũng đã huy động nhân tài, vật lực, thực hiện đầy đủ kế hoạch được giao.

Đầu tháng 12-1951, Trung đoàn 4 thuộc Đại đoàn 320 được điều về hoạt động trên địa bàn Hà Nam. Sau khi khảo sát, nghiên cứu tình hình, Đảng uỷ mặt trận đã quyết định đánh vị trí Ngô Khê (huyện Bình Lục), mở màn cho các hoạt động quân sự, tiến lên mở rộng các khu du kích. Đây là một cứ điểm trọng yếu của địch ở Hà Nam, kẻ sát sông Châu, án ngữ các đường giao thông lớn nối liền ba huyện Lý Nhân, Bình Lục, Duy Tiên và nối tỉnh Hà Nam với các tỉnh tả ngạn sông Hồng. Đánh vị trí Ngô Khê sẽ có tác động mạnh đến hệ thống chiếm đóng của địch ở Hà Nam.

Được nhân dân huyện Bình Lục nuôi dưỡng, giúp đỡ, vào lúc 1 giờ 45 phút ngày 11-12-1951, hai tiểu đoàn Hưng Công và Đồng Mít thuộc Trung đoàn 64 đã phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương, bí mật bao vây quân địch và bất ngờ nổ súng tấn công vị trí Ngô Khê. Kết hợp với binh vận, sau 4 giờ chiến đấu, quân ta đã tiêu diệt vị trí, giết 50 tên địch, bắt 75 tên, thu nhiều súng đạn.

Chiến thắng Ngô Khê đã gây một tiếng vang lớn trong toàn tỉnh, làm rung chuyển hệ thống nguy quân, nguy quyền. Tỉnh trưởng Hà Nam hoảng sợ bỏ chạy về Hà Nội. Bọn chỉ huy ở Sái (huyện Bình Lục), Bích Trì (huyện Thanh Liêm) và quân lính ở vị trí Ba Đa chạy về thị xã Phủ Lý. Nhiều ban tề vũ trang phải lánh vào các bốt.

Phát huy thắng lợi, quân dân ta tiếp tục bao vây tiêu diệt vị trí tề vũ trang Bèo (huyện Duy Tiên). Bọn tề vũ trang ở Thượng Vĩ (huyện Lý Nhân) vốn nổi tiếng gian ác lúc này cũng phải rút chạy. Ở huyện Lý Nhân ta tiến đánh Mạc Thượng, uy hiếp một loạt vị trí Mạc Hạ, Phú Đa, Công Xá. Khu du kích bắc Lý Nhân được nối liền với du kích Duy Tiên.

Sang năm 1952, trên đà thắng lợi, quân và dân ta tiến công bao vây buộc địch ở nhiều vị trí như Thượng Vĩ (huyện Lý Nhân); Tiêu Động, Cầu Sắt (huyện Bình Lục) phải đầu hàng. Đêm 14-2-1952, quân ta tiêu diệt vị trí Bối Kênh (huyện Bình Lục), mở rộng khu du kích Bình Lục nối liền với khu du kích Thanh Liêm.

Trong lúc địch hoang mang, quân ta tiếp tục tiến công cùng một lúc diệt các vị trí quan trọng của chúng ở Bằng Ba, Phú Cốc (nam Lý Nhân), sau đó chuyển sang dùng địch vận diệt gọn bót Bảo Long, một vị trí lớn giáp ranh huyện Bình Lục và Mỹ Lộc (tỉnh Nam Định). Như vậy khu du kích nam Lý Nhân đã được mở thông với vùng du kích C Bình Lục.

Ở huyện Thanh Liêm, lực lượng vũ trang tiêu diệt địch ở Lác Nội. Tại huyện Kim Bảng ta đánh địch ở Đức Mộ, Chợ Đại; phá vỡ tề vũ trang ở Lác Nhuế, Thịnh Đại, vây chặt địch ở vị trí Cát Nguyên. Các ban huyện uỷ Bình Lục, Lý Nhân, Thanh Liêm, Kim Bảng đã kịp thời lãnh đạo nhân dân nổi dậy phá hầu hết các ban tề, mở thông các vùng du kích.

Tiếp đó, ngày 7-2-1952, tại Lạc Tràng bằng một trận nội công, ngoại kích, các lực lượng vũ trang của ta diệt gọn đội biệt kích Rútscôni nổi tiếng tàn ác, là một trong những đội quân mạnh nhất, được địch tin cậy nhất ở Hà Nam. Tiếp đó, ta lại tấn công tiêu diệt vị trí Vũ Điện, mở rộng thêm khu du kích huyện Lý Nhân.

Như vậy, chỉ trong vòng hơn một tháng, lực lượng vũ trang và nhân dân trong tỉnh vừa tấn công, vừa nổi dậy, kết hợp với địch vận đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.000 tên địch, tiêu diệt, bức hàng, bức rút 45 trong số 50 vị trí tề vũ trang; phá 342 trong tổng số 380 ban tề, xây dựng được 10 khu du kích ở hầu hết các huyện trong tỉnh, mở thông với khu du kích các tỉnh Hà Đông, Nam Định, hình thành thế liên hoàn giữa các vùng du kích ở Liên khu III.

Song song với các mũi tấn công quân sự, các cuộc nổi dậy và công tác binh vận cũng được đẩy mạnh. Công tác địch vận đã thực sự trở thành một mũi tiến công lợi hại. Trong số 45 ban tề vũ trang đã bị ta tiêu diệt, có 41 ban tề do kết hợp giữa tấn công quân sự với công tác địch vận.

Ngày 23-2-1952, địch rút chạy khỏi tỉnh Hoà Bình, âm mưu giành lại quyền chủ động trên chiến trường Bắc Bộ của thực dân Pháp hoàn toàn thất bại. Ở mặt trận sau lưng địch, từng mảng lớn hệ thống đồn bót bị phá vỡ. Để củng cố lại vùng chiếm đóng, thực dân Pháp đã điều các binh đoàn chủ lực về càn quét đồng bằng, tìm diệt chủ lực ta, khủng bố nhân dân, vơ vét tài sản, bắt thanh niên bổ sung quân, dựng lại nguy quyền.

Thực hiện chủ trương chống càn của Liên khu uỷ, Tỉnh uỷ Hà Nam đã ra chỉ thị *Tích cực chống càn, giữ vững khu du kích*. Chỉ thị nêu rõ: “Chống càn là nhiệm vụ của toàn dân, không phải chỉ riêng của bộ đội và dân quân du kích. Phải cương quyết chống càn, có kế hoạch cụ thể cho từng trường hợp”.

Ngày 9-3-1952, địch tập trung hơn 5.000 quân phần lớn là lính Âu Phi có xe tăng, xe lội nước, máy bay, pháo binh yểm trợ, mở cuộc càn mang tên *Amphibi*, quây quét toàn bộ huyện Lý Nhân, phía nam huyện Bình Lục và một phần huyện Duy Tiên, nhằm đánh phá khu du kích, tiêu diệt chủ lực ta, củng cố tuyến sông Hồng, giải vây các vị trí, bắt thanh niên sung quân số và củng cố tinh thần binh lính đang bị sa sút nghiêm trọng.

Đây là một trận càn lớn nhất từ trước đến nay trên đất Hà Nam. Dựa vào sức mạnh cơ giới, địch mở nhiều mũi tiến công, chiếm các trục giao thông, tiến sâu vào nội địa, bao vây chà đi xát lại từng khu vực. Quân dân các địa phương đã chống trả rất anh dũng. Sáng ngày 9-3, tàu chiến của địch đổ hơn 1.000 quân lên Hữu Bị, vây khu Hoà - Hậu - Thắng (huyện Lý Nhân). Du kích ba xã này đã chặn đánh địch liên tục, loại khỏi vòng chiến đấu một số tên, kìm bước tiến của chúng trong hai ngày, tạo điều kiện cho nhân dân sơ tán, cất giấu tài sản.

Ở phía Nam của tỉnh, hơn 1.000 tên địch, phần lớn là lính Âu Phi hùng hổ kéo vào Ngọc Lũ (huyện Bình Lục) đã bị bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương chặn đánh, giết và làm bị thương gần 200 tên. Sáng ngày 12-3 một cánh quân của địch do đích thân tướng Bécsu chỉ huy tiến vào thôn Vạn Thọ (xã Nhân Bình, huyện Lý Nhân). Suốt từ sáng đến tối, quân ta đã anh dũng chiến đấu, đánh tan nhiều đợt phản công của địch buộc chúng phải rút chạy. Quân ta thắng lớn, loại khỏi vòng chiến đấu 160 tên địch, thu nhiều vũ khí.

Trong một số trận đánh, nhân dân đã dũng cảm tham gia chiến đấu cùng với bộ đội như đuổi địch, tước vũ khí, bắt tù binh. Nhiều tấm gương anh dũng chiến đấu, hy sinh còn sống mãi trong lòng nhân dân Hà Nam như tấm gương kiên cường, bất khuất của 30 cụ già và 2 thiếu niên thôn Đức Bản (xã Nhân Nghĩa, huyện Lý Nhân) trong cuộc chiến đấu ngày 18-3-1951.

Ngày 23-3-1952, cuộc càn *Amphibi* kết thúc. Sau 15 ngày chống càn quyết liệt, quân và dân trong tỉnh đã làm thất bại mọi âm mưu của thực dân Pháp, tiêu diệt 500 tên địch. Các khu du kích không những được giữ vững mà

còn mở rộng thêm. Địch không lập lại được nguy quyền, không gỡ được thế bị bao vây uy hiếp, tinh thần binh lính của chúng càng sa sút nghiêm trọng.

Ngày 28-5-1952, địch lại mở tiếp cuộc càn lớn thứ hai, mang tên Ăngtilốp, vào hai tỉnh Hà Đông và Hà Nam. Ở Hà Nam, địch tập trung càn quét các huyện Duy Tiên, Lý Nhân với lực lượng 3.000 quân, ba tiểu đoàn pháo binh, có xe tăng và tàu chiến phối hợp, nhằm tiếp tục đánh phá khu du kích, tiêu diệt lực lượng ta, gỡ thế bị bao vây cô lập cho một số vị trí đóng quân.

Trong trận chống càn lần này, chỉ có các lực lượng vũ trang địa phương độc lập tác chiến. Suốt sáu ngày đêm, địch đi đến đâu cũng bị quân ta chặn đánh. Tại xã Nguyên Lý (huyện Lý Nhân), 160 tên đa số là lính Âu Phi bị loại khỏi vòng chiến đấu. Ngày 3-6, bộ đội và du kích thôn Đồng Phú (xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân) đã đánh địch liên tục từ 8 giờ sáng đến 1 giờ chiều, diệt 1 đại đội. Khi địch rút chạy, du kích xã Công Lý phục kích ở bến đò Cánh Diềm, diệt thêm 100 tên. Đồng thời, du kích các xã Công Lý, Chính Lý (huyện Lý Nhân); Tiên Nội, Mộc Bắc, Bạch Sam (huyện Duy Tiên), Liêm Trục (huyện Thanh Liêm); Hưng Công, Ngọc Lũ, An Lão (huyện Bình Lục) đã phát huy tinh thần độc lập tác chiến, bẻ gãy nhiều mũi tiến công của địch.

Bảo vệ tính mạng và tài sản cho nhân dân, bảo vệ thanh niên không cho địch bắt lính, là nét nổi bật trong cuộc chống càn Ăngtilốp. Tại Phú Thứ (huyện Duy Tiên), ta đã đánh địch, giải thoát hơn 100 người dân. Ở khu Bắc Sơn (huyện Duy Tiên) ta phá vòng vây của địch, đưa hơn 400 thanh niên thoát ra ngoài, phá vỡ âm mưu vét lính tăng cường nguy quân của địch đã bị thất bại.

Qua các cuộc chiến đấu trên, lực lượng vũ trang của tỉnh ngày càng được củng cố, tăng cường về trang bị cũng như quân số. Tỉnh thành lập thêm được một đại đội, mỗi huyện đều thành lập và kiện toàn ba trung đội mạnh. Đội ngũ dân quân du kích cũng được tăng cường về số lượng và vững vàng trong chiến đấu. Năm 1952, Hà Nam tuyển được 1.400 tân binh bổ sung cho bộ đội chủ lực.

Tháng 9-1952, phát huy thắng lợi của chiến dịch Hoà Bình, với phương châm *đánh chỗ yếu, tránh chỗ mạnh, tìm nơi sơ hở của địch* mà đánh, quân ta mở cuộc tấn công lên Tây Bắc nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng một phần đất đai. Đồng thời ta chủ trương để lại một bộ phận chủ lực đi sâu vào sau lưng địch ở đồng bằng, mở rộng các khu du kích và đẩy mạnh chiến tranh du kích.

Để đối phó với chủ trương của ta, địch vội vã điều hai binh đoàn cơ động về Hà Nam. Đồng thời với việc tăng cường phòng thủ, củng cố tuyến sông Đáy, chặn giữ các tuyến giao thông, chúng còn mở những cuộc nhằm tiêu diệt lực lượng của ta. Dựa vào sức mạnh cơ giới, địch liên tục mở các cuộc hành quân càn quét, cướp phá. Các lực lượng vũ trang của ta tập trung sử dụng lối đánh phục kích bằng địa lôi.

Đội đánh mìn Quang Trung do đồng chí Trần Văn Chuông phụ trách đã liên tiếp đánh địch trên đường số 1 từ Đông Văn đi Phủ Lý, đường 21 từ Phủ Lý đi Bằng Khê và đường số 10 qua huyện Vụ Bản, làm cho địch thiệt hại nặng nề. (Trong 3 tháng đầu năm 1953, đội đã đánh 72 trận, phá huỷ 55 xe, diệt và làm bị thương hàng trăm tên địch. Đội còn dìm đất nhiều đội du kích ở các xã ven đường giao thông lớn, đánh nhiều trận, lập được nhiều chiến công).

Để cứu nguy cho chiến trường Tây Bắc, địch lại vội vã điều hai binh đoàn cơ động đang đóng ở Hà Nam đi ứng cứu. Nắm được ý đồ của địch, một tiểu đoàn chủ lực của ta được lệnh đã cấp tốc về Hà Nam hoạt động, theo phương châm *chặn đánh nhỏ, ăn chắc, có điều kiện thì đánh to, đánh liên tục, vây điểm, diệt viện*. Sáng ngày 15-11-1952, Tiểu đoàn 738 chủ lực đã cùng với các lực lượng vũ trang địa phương tổ chức đánh một trận vận động chiến xuất sắc ở Mậu Chủ (huyện Thanh Liêm), diệt hơn 200 tên địch, thu nhiều vũ khí. Từ đó tiểu đoàn được vinh dự mang tên *Tiểu đoàn Mậu Chủ*.

Trận Mậu Chủ làm cho quân địch đang chiếm đóng ở Hà Nam rất hoang mang. Tranh thủ thời cơ, quân ta đánh liên tiếp các vị trí Bằng Khê, Thạch Tổ (huyện Thanh Liêm), Hoàn Dương (huyện Duy Tiên), Ngô Khê (huyện Bình Lục), Vĩnh Trụ (huyện Lý Nhân) gây cho địch nhiều thiệt hại. Chỉ trong một đêm, bằng cách dùng nội ứng, ta đã diệt gọn hai vị trí Cà và Thanh Khê thuộc hệ thống phòng thủ tuyến sông Đáy của địch. Nổi bật nhất là trận nội công ngoại kích vị trí núi Bô, giáp ranh huyện Thanh Liêm và huyện Ý Yên, bắt sống 35 tên, diệt 4 sỹ quan Âu Phi ngoan cố, thu hàng trăm súng các loại.

Trước sự uy hiếp ngày càng tăng của ta, hơn 1.000 lính nguy ở thị xã đòi giải ngũ. Lính Âu Phi ở Vũ Điện, Đông Thủy (huyện Lý Nhân) cũng đòi hỏi hương. Trước tình hình đó, tháng 12-1952 địch buộc phải rút một loạt vị trí lớn nằm giữa các khu du kích như Cát Nguyễn, Phú Khê, An Bài, Điệp Sơn, Hòa Mạc, Đa Còn...

Để đảm bảo thuận lợi cho việc chỉ đạo kháng chiến của hai tỉnh Nam Định và Hà Nam, tháng 3-1953, Hội đồng Chính phủ đã quyết định cắt ba huyện Ý Yên, Vụ Bản, Mỹ Lộc, nằm ở phía bắc sông Đào thuộc tỉnh Nam Định sáp nhập vào Hà Nam, làm tăng thêm nguồn nhân lực, vật lực cho tỉnh. Trên địa bàn tỉnh, chiến tranh du kích được phát triển lên một bước mới, dồn địch vào thế bị bao vây uy hiếp, buộc địch phải rút thêm ba vị trí quan trọng ở Cầu Không (1-1953), Chi Long (5-1953) và Ngô Khê (5-1953).

Cuối tháng 3-1953, hoà cùng chiến thắng của chiến dịch Thượng Lào, quân ta tiến công phòng tuyến sông Đáy của địch nằm trong khu vực Hà Đông - Bắc Hà Nam. Trong các trận đánh vào phòng tuyến sông Đáy của địch, trận Vân Chu (xã Phù Vân, huyện Kim Bảng) là trận đánh xuất sắc nhất. Vị trí Vân Chu nằm giáp thị xã Phủ Lý, có hoả lực mạnh, có hệ thống boongke kiên cố và 9 hàng rào thép gai bao bọc. Cuối tháng 3-1953, Tiểu đoàn Thanh Lũng (Trung đoàn 4) của ta đã nổ súng tấn công và tiêu diệt hoàn toàn vị trí này. Sau đó, lực lượng vũ trang của ta chặn đánh quyết liệt lực lượng ứng cứu diệt 2 đại đội Âu Phi, bắt sống 126 tên, thu 8 đại liên, 15 trung liên, gần 100 súng trường và nhiều quân trang quân dụng. Chiến thắng Vân Chu đã làm rung chuyển tuyến phòng thủ sông Đáy của địch trên đất Hà Nam.

Phát huy chiến thắng giòn giã trên phòng tuyến sông Đáy, ngày 30-3-1953 bộ đội chủ lực lại cùng với các lực lượng vũ trang địa phương tập kích tiểu đoàn 6e BNV trú quân ở An Nhân, Ngọc Động (xã Hoàng Đạo, huyện Duy Tiên) diệt 135 tên, bắt sống 118 tên, thu nhiều vũ khí, xoá sổ tiểu đoàn 6e BNV của địch trên đất Hà Nam.

Song song với những cuộc hành quân càn quét, cướp phá, địch đã dùng thủ đoạn vô cùng thâm độc là dụ dỗ, dồn làng tập trung để dễ bề kìm kẹp, kiểm soát. Đầu năm 1953, địch thành lập làng *Đại Xá Đông Văn*<sup>(1)</sup> (huyện Duy Tiên), với luận điệu bịp bợm, tuyên truyền cho cuộc sống phồn vinh trong Đại Xá. Tính đến tháng 5-1953 đã có 6.000 người đã bị dồn vào Đại Xá Đông Văn, đem theo 400 tấn thóc. Chúng còn bắt thành lập ở một số nơi các tổ chức Ngũ gia liên kết (tổ chức năm gia đình kiểm soát lẫn nhau), để ngăn không cho cán bộ đi sâu vào hoạt động trong nhân dân.

---

1. Còn gọi là trại tập trung Đông Văn.

Nhận rõ tính chất nguy hại của Đại Xá Đông Văn, Tỉnh uỷ Hà Nam đã thành lập một đoàn công tác do đồng chí Nguyễn Văn Ngọ, tỉnh uỷ viên phụ trách, để cùng với huyện uỷ Duy Tiên tổ chức vận động nhân dân trở về quê cũ làm ăn. Đến cuối năm 1953, Đại Xá Đông Văn hoàn toàn tan rã, âm mưu mang tính chiến lược của địch hoàn toàn bị phá sản.

Trước thất bại ngày càng nặng nề, từ giữa năm 1953, Pháp cử tướng Nava sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh ở Đông Dương. Nava chủ trương tập trung xây dựng một lực lượng cơ động chiến lược thật mạnh, đủ sức tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta. Đồng thời, phát triển nguy quân với quy mô rộng lớn, dùng nguy quân làm lực lượng chiếm đóng, rút các lực lượng Âu Phi để thành lập các binh đoàn cơ động, dự tính trong vòng 18 tháng sẽ giành thắng lợi quyết định.

Để đối phó với kế hoạch Nava, thực hiện chủ trương của Trung ương, Tỉnh uỷ Hà Nam đề ra hai nhiệm vụ trọng tâm trong Đông - Xuân năm 1953-1954 là: phối hợp với chiến trường chính, phát triển chiến tranh du kích, đẩy mạnh tấn công tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch; đẩy mạnh việc thực hiện chính sách ruộng đất. Tỉnh uỷ còn cho triển khai hai nhiệm vụ lớn trước mắt cho toàn quân, toàn dân trong tỉnh là chống địch bắt đi lính và tập trung lực lượng dân công phục vụ chiến trường.

Bước vào chiến cuộc Đông - Xuân năm 1953 - 1954, toàn tỉnh có 1.167 thôn thì chỉ còn 88 thôn và thị xã Phủ Lý là vùng tạm chiếm, chiến tranh du kích phát triển mạnh mẽ khắp nơi. Các lực lượng vũ trang của ta càng đánh càng mạnh, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Cuối năm 1953, quân ta tập kích binh đoàn số 5 của địch. Bộ đội huyện Duy Tiên đã tiêu diệt 110 tên, du kích các xã Hoàng Đông, Tiên Nội, Trác Văn (huyện Duy Tiên) đã chặn đánh cả một tiểu đoàn Âu Phi, diệt 35 tên, phá huỷ một xe tăng. Ở huyện Thanh Liêm, một binh đoàn địch bị du kích xã Liêm Túc tấn công ba ngày đêm liền, diệt 35 tên; hàng trăm xe địch đã bị bom mìn của du kích lật đổ. Nhiều đoạn đường giao thông quan trọng bị phá huỷ nặng như đoạn Phủ Lý - Ngô Khê, đoạn đường 60 thuộc huyện Duy Tiên. Trên sông Hồng, tàu chiến và ca nô của địch cũng bị quân ta tấn công ở các đoạn sông thuộc Yên Lệnh (huyện Duy Tiên), Như Trác (huyện Lý Nhân). Du kích các xã ven sông Hồng đã làm chủ được nhiều đoạn sông, kiểm soát được tàu, thuyền qua lại.

Được chiến thắng của chiến cuộc Đông - Xuân năm 1953 - 1954 cổ vũ, bộ đội chủ lực và các lực lượng vũ trang địa phương Hà Nam liên tục bao vây, tấn công các vị trí trên phòng tuyến sông Đáy của địch. Ngày 6-2-1954, quân ta tiêu diệt vị trí Hoàng Đan, Kinh Thanh (huyện Ý Yên). Ngày 15-2, ta đón đánh binh đoàn số 4 của địch ở Phù Lão (huyện Kim Bảng), giết và làm bị thương 400 tên. Quân địch ở Thanh Khê, Mai Cầu (huyện Thanh Liêm) hoảng sợ rút chạy. Phòng tuyến sông Đáy dài 30 km từ Phủ Lý đi Ninh Bình của địch bị phá vỡ.

Trên tuyến đường thủy sông Hồng, ngày 22-2-1954, đơn vị do đồng chí Trần Văn Chuông chỉ huy ở đoạn ven thôn Từ Đài (xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên) đã lập được chiến công xuất sắc, bắn cháy 1 tàu chiến và 4 ca nô địch<sup>1</sup>.

Trên đà thắng lợi, kết hợp nội công ngoại kích, lực lượng vũ trang và du kích tiêu diệt vị trí Đồng Văn (huyện Duy Tiên); bao vây, bức rút vị trí Quế (huyện Kim Bảng); tiêu diệt vị trí Kiện Khê (huyện Thanh Liêm) bắt sống 216 tên. Thị xã Phủ Lý bị cô lập, địch phải điều hai binh đoàn về giữ đường giao thông Phủ Lý - Nam Định. Đêm 27-2, vị trí chùa Ông (huyện Kim Bảng) do lính Âu Phi chiếm giữ, là vị trí cuối cùng của phòng tuyến sông Đáy trên đất Hà Nam bị quân ta tấn công, tiêu diệt. Ta đã mở thông được con đường vận chuyển người và của cải từ đồng bằng Liên khu III lên Tây Bắc, phục vụ đắc lực cho chiến trường Điện Biên Phủ.

Công tác địch vận chống bắt lính, phong trào đòi chồng con bỏ ngũ trong tỉnh được đẩy mạnh, góp phần làm cho tinh thần binh lính địch suy sụp nghiêm trọng. Đến năm 1954, đã có 6.437 lính nguy trở về nhà làm ăn, 27 lính Âu Phi ra hàng. Hệ thống nguy quyền suy sụp, tên tỉnh trưởng Hà Nam xin đổi đi nơi khác không dám ở lại Phủ Lý.

Sau chiến thắng của quân dân ta ở Điện Biên Phủ (7-5-1954), kế hoạch Nava hoàn toàn bị phá sản. Hệ thống chiếm đóng của địch ở phía nam đồng bằng Bắc Bộ bị uy hiếp nghiêm trọng. Nava vội vã cho rút toàn bộ lực lượng ra khỏi đồng bằng.

Ngày 21-6-1954, nhận được điện của Bộ Tư lệnh Liên khu III, cơ quan quân sự tỉnh đã vạch kế hoạch thu hồi các vùng được giải phóng. Trong một

---

1. Năm 1952, đồng chí Trần Văn Chuông được bầu là Chiến sỹ thi đua của tỉnh Hà Nam. Năm 1953, đồng chí được bầu là Chiến sỹ thi đua của Liên khu III. Sau ngày hy sinh, đồng chí được Chính phủ truy tặng danh hiệu Anh hùng Quân đội và Huân chương Quân công hạng Hai.



ngày, du kích các huyện Ý Yên. Duy Tiên bắn tã, làm chết và bị thương hàng chục tên địch, du kích huyện Lý Nhân dựng vật cản làm tắc đường xe chạy trong 10 tiếng đồng hồ. Mìn của du kích huyện Mỹ Lộc đã phá hỏng 7 xe địch. Du kích ở đường 10 bắn cháy một máy bay, lật đổ 8 xe. Các lực lượng vũ trang huyện Ý Yên phá huỷ 1 xe tăng, 1 pháo, gọi được 10 lính ra hàng. Du kích huyện Vụ Bản còn bao vây vị trí Gôi, gọi hàng được 42 tên địch.

Ngày 2-7-1954, khi địch rút khỏi Phủ Lý đã bị các lực lượng vũ trang ba huyện Thanh Liêm, Duy Tiên, Kim Bảng cùng phối hợp chặn đánh. Hơn 1.000 lính ngụy nghe theo lời kêu gọi đã bỏ hàng ngũ địch quay về gia đình, mang nộp nhiều vũ khí cho cách mạng. Vào lúc 21 giờ ngày 3-7-1954, trên đất Hà Nam không còn bóng một tên xâm lược, Hà Nam đã được hoàn toàn giải phóng.

Tiến hành cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện trong gần 7 năm trời, quân và dân Hà Nam đã đánh 10.000 trận lớn nhỏ, diệt hơn 40.000 tên địch. Trong kháng chiến, nhân dân Hà Nam đã tích cực tăng gia sản xuất, xây dựng nền kinh tế tự cấp, tự túc để nuôi quân kháng chiến và đóng góp cho Nhà nước hàng ngàn tấn lương thực để bộ đội ăn no đánh thắng, góp hàng triệu ngày công phục vụ chiến trường, tiễn đưa hàng vạn con em lên đường nhập ngũ.

### *Chương XIII*

## **HÀ NAM THỜI KỲ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 - 1975)**

### **I. HÀ NAM THỜI KỲ CẢI TẠO VÀ BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1954 - 1965)**

#### **1. Khôi phục và bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội (1955-1957)**

Ngày 3-7-1954, tỉnh Hà Nam được hoàn toàn giải phóng. Hơn 4 năm bị thực dân Pháp chiếm đóng, tình hình kinh tế - xã hội Hà Nam lâm vào tình trạng khó khăn và phức tạp. Hà Nam là tỉnh nông nghiệp, sản xuất phụ thuộc phần lớn vào thiên nhiên. Sau chiến tranh, toàn tỉnh có tới 8.390 mẫu ruộng bị hoang hoá do địch lập vành đai trắng dọc sông Đáy và ven trục đường giao thông. Những hậu quả nặng nề của chiến tranh và thiên tai khiến cho nạn đói xảy ra từ những tháng cuối năm 1954 đến tháng 3-1955. Tháng 9-1954, toàn tỉnh có 8.675 hộ gia đình bị đói, đến tháng 3-1955, số người bị đói lên tới 170.000 người. Trên lĩnh vực công nghiệp và thủ công nghiệp, hàng ngàn khung dệt vải, hàng chục lò gốm, lò đúc gang, lò gạch cùng các nghề làm khuy trai, quản bút, gò, hàn bị đình đốn, khiến hàng ngàn thợ thủ công rơi vào tình cảnh thất nghiệp, nghèo khổ. Thị xã Phủ Lý bị tàn phá nặng nề, lúc tiếp quản chỉ còn 80 gia đình. Hàng ngàn người phải tản cư khi trở về không còn tài sản, nhà ở. Cơ sở vật chất như đường sá, cầu, cảng, phương tiện giao thông bị phá hoại. Chợ Bàu (chợ lớn nhất thị xã) và các cửa hàng, cửa hiệu không hoạt động, hàng hoá trở nên khan hiếm, giá cả tăng vọt. Trên thị trường, tiền Đông Dương và tiền Ngân hàng Việt Nam lưu hành cùng lúc, tỷ giá hỗn loạn, ảnh hưởng đến lưu thông, mua bán và đời sống nhân dân.

Với một thị xã và 8 huyện (Kim Bảng, Duy Tiên, Thanh Liêm, Lý Nhân, Bình Lục, Ý Yên, Vụ Bản, Mỹ Lộc), toàn tỉnh có trên 50 vạn người, trong đó

hơn 7 vạn là giáo dân, sống rải rác hầu hết các huyện, trong đó có nhiều thôn toàn tông, dân đạo gốc lâu đời. Hầu hết giáo dân kính chúa, yêu nước nhưng có một bộ phận lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng, dựa vào giáo lý thân quyền phản lại lợi ích quốc gia, dân tộc.

Khi rút đi thực dân Pháp để lại một số nguy quân, nguy quyền, mà đại bộ phận là nông dân lao động bị ép buộc, còn lại là con em địa chủ và đảng phái phản động. Sau khi tiếp quản, tại Hà Nam vẫn còn một số tổ chức đảng phái phản động lén lút hoạt động như “Việt Nam quốc dân Đảng”, “Việt Nam phục quốc” ở Châu Sơn, “Đại Việt duy tân” ở Đọi Sơn, “Đại Việt quốc gia liên minh” ở Yên Nam (huyện Duy Tiên); “Hoàng thân Bảo Đại” ở Văn Lý, “Hội đoàn Nam Thanh” ở Thượng Vỹ (huyện Lý Nhân); “Minh thân nghĩa dũng” ở Đồng Du (huyện Bình Lục) v.v... Chúng liên kết với bọn phản động đội lốt Thiên chúa giáo tiến hành âm mưu dụ dỗ, cưỡng ép giáo dân di cư vào Nam, xúi giục bọn xấu gây ra hàng loạt vụ trộm cắp, phá hoại sản xuất, gây mất trật tự an ninh xã hội trên địa bàn tỉnh.

Nhằm thực hiện âm mưu tiếp tục chống phá cách mạng Việt Nam, đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành chiến dịch dụ dỗ, cưỡng ép nhân dân di cư vào Nam. Ở Bàng Ba (huyện Lý Nhân), Đồng Văn (huyện Duy Tiên) chúng cưỡng ép giáo dân tập trung vào nhà thờ hoặc tổ chức đi ào ạt trên 4.000 người như xứ Bút Đông (huyện Duy Tiên). Lợi dụng nạn đói và lúc ta thực hiện chính sách giảm tô, cải cách ruộng đất, bọn phản động tăng cường dùng thân quyền đe dọa, cưỡng ép đồng bào di cư vào Nam. Tính đến tháng 5-1955, toàn tỉnh đã có tới 15.279 giáo dân và 3 linh mục bị cưỡng ép vào Nam.

Trong khi đó, sau ngày giải phóng, các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở lại chưa được kiện toàn, củng cố. Đội ngũ cán bộ thiếu và yếu, chưa thể đáp ứng kịp thời yêu cầu mới của cách mạng. Tình hình đó đặt ra cho đảng bộ và chính quyền Hà Nam vừa phải giải quyết những vấn đề bức xúc, bộn bề sau giải phóng, vừa tăng cường củng cố, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới.

Trong tháng 7-1954, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp và quyết định một số nhiệm vụ trước mắt nhằm ổn định tinh thần nhân dân, trấn áp bọn phản động; thực hiện chính sách cải huân đối với tề đồng, nguy quân, nguy quyền; phục hồi sản xuất và thi hành chính sách ruộng đất vùng mới giải phóng; đẩy mạnh xây dựng cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng và lực lượng vũ trang.

Việc phục hồi và phát triển ngành nghề thủ công cũng được chú trọng. Tính đến tháng 9-1954, toàn tỉnh đã phục hồi được 13 ngành nghề gồm các ngành sản xuất nông cụ, vật liệu xây dựng, gốm, đồ sành, dệt vải, làm ghế mây, thuộc da, đường mật, dăng ten và khuy trai; giải quyết việc làm cho 4.355 người.

Nhiệm vụ khôi phục giao thông, vận tải được tiến hành khẩn trương. Trong 3 tháng 7, 8, 9 năm 1954, nhân dân Hà Nam đóng góp 29.169 ngày công đào đắp 165.000 m<sup>3</sup> đất, sửa chữa phục hồi toàn bộ hệ thống đường bộ, cầu phà các tuyến giao thông liên tỉnh, liên huyện như đường 60, 21, 22 và quốc lộ số 1. Cùng với việc khôi phục 263km trên các tuyến đường bộ, 34km đường sắt và một số nhà ga xe lửa trên địa bàn tỉnh cũng được phục hồi. Tháng 10-1955, hoàn thành việc sửa chữa cầu Phủ Lý - chiếc cầu lớn nhất trong tỉnh.

Ngày 5-7-1954, Hà Nam tiến hành thu đổi tiền Đông Dương. Đến ngày 13-7, toàn tỉnh đã thu đổi được 300 triệu đồng tiền Ngân hàng. Riêng thị xã Phủ Lý, trong 2 ngày thu đổi được 100 nghìn đồng.

Công tác chống âm mưu địch dụ dỗ cưỡng ép đồng bào di cư là nhiệm vụ quan trọng của đảng bộ và chính quyền Hà Nam trong thời kỳ này. Bên cạnh việc tổ chức tuyên truyền giáo dục, học tập trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, tỉnh đã tổ chức Hội nghị Linh mục, có hơn 20 vị tham dự. Thực hiện chỉ đạo của tỉnh uỷ, tháng 3-1955, tỉnh thành lập 2 đội công tác gồm 26 cán bộ cử về 2 xã Kim Thái (Vụ Bản) và Mỹ Hà (Mỹ Lộc) để vận động nhân dân chống phá âm mưu địch dụ dỗ cưỡng ép đồng bào di cư vào Nam. Ngoài hai xã điểm Kim Thái và Mỹ Hà, thời gian này tỉnh còn tổ chức 8 đội công tác chuyên trách gồm hàng trăm cán bộ các xã trọng điểm khác. Tỉnh đội Hà Nam điều động 4 đại đội bộ đội huyện và tiểu đoàn 73 bộ đội tỉnh đi làm nhiệm vụ vận động nhân dân chống phá âm mưu địch.

Bằng những biện pháp kiên quyết kịp thời, cuộc đấu tranh chống địch dụ dỗ cưỡng ép đồng bào di cư vào Nam, từ tháng 8 đến tháng 12-1954, toàn tỉnh đã vận động được 500 gia đình gồm 6.000 người trở về quê cũ. Tính đến tháng 7-1955, ta đã tuyên truyền vận động hàng ngàn người tự nguyện rút đơn, trả lại giấy thông hành trở lại quê hương, yên tâm xây dựng cuộc sống mới.

Sang năm 1955, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khoá II) và Nghị quyết kỳ họp thứ 4 Quốc hội khoá I, ngày 7-6-1955, Tỉnh uỷ Hà Nam ra Nghị quyết về nhiệm vụ công tác năm 1955 là *Tăng cường lãnh đạo nông thôn, chủ yếu là hoàn thành phát động quán chúng*

*giảm tô và tiến hành cải cách ruộng đất, đồng thời vẫn không coi nhẹ công tác thị xã.*

Ngày 4-2-1955, đội giảm tô đã về 6 huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Thanh Liêm, Bình Lục, Lý Nhân và Ý Yên để thực hiện nhiệm vụ phát động nông dân thực hiện chính sách triệt để giảm tô, giảm tức của Đảng và Chính phủ. Cuối tháng 7-1955, Đoàn uỷ cải cách ruộng đất Trung ương đã cử 98 đội cải cách ruộng đất về 98 xã thuộc các huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Thanh Liêm, Bình Lục và Lý Nhân tiến hành tuyên truyền chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, thực hiện cải cách ruộng đất. Sau đợt này, đội cải cách ruộng đất tiếp tục về các xã còn lại trong tỉnh, phát động quần chúng đấu tranh đánh đổ giai cấp địa chủ, đem lại ruộng đất cho nông dân.

Đến tháng 1-1956 cải cách ruộng đất ở Hà Nam căn bản hoàn thành. Kết quả, quy 4.563 địa chủ<sup>(1)</sup>; tịch thu, trưng thu, trưng mua 29.786 mẫu ruộng, 2.472 con trâu, bò, 31.015 nông cụ, 6.326 gian nhà ở, 1.223 tấn thóc, gạo, 68 tấn ngô, khoai, 651 chỉ vàng và gần 14 triệu đồng chia cho nông dân<sup>(2)</sup>.

Tuy nhiên, cũng như nhiều địa phương khác, cải cách ruộng đất ở Hà Nam đã phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng. Các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng từ tỉnh đến cơ sở hầu hết bị cô lập, nhiều hoạt động của các đội cải cách ruộng đất trở nên quá tá, dẫn đến nghi kỵ, ngờ vực nội bộ. Việc tổ chức đấu tố tràn lan đã đánh cả vào tổ chức Đảng và cán bộ đảng viên, gây nhiều tổn thất cho Đảng bộ. Việc quy định thành phần tuy có điều tra nghiên cứu nhưng do làm ẩu, dẫn đến quy oan, xử lý sai một số người, gây ra tình trạng căng thẳng, oán thù không đáng có ở nông thôn. Vì vậy, kết quả của cải cách ruộng đất bị hạn chế; vai trò, vị trí lãnh đạo và uy tín của Đảng bộ bị giảm sút.

Khi phát hiện sai lầm đã phạm phải trong cải cách ruộng đất, từ tháng 4-1956, Đảng ta chủ trương kiên quyết sửa chữa. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, ngày 10-11-1956, Hội nghị Tỉnh uỷ Hà Nam đề ra nhiệm vụ và 10 biện pháp cụ thể để sửa sai.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam. T1 (1927 - 1975). Hà Nam, 2000, tr. 270, 273.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam... Sdd, tr.273.

Với phương châm *sai đâu sửa đấy, có sai có sửa*, đến tháng 10-1957, công tác sửa sai được hoàn thành trên phạm vi toàn tỉnh. Qua 3 bước sửa sai, tỉnh đã trả tự do cho 1.407 trong số 1.838 người bị bắt trong giam tô, cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Những người bị quy oan, xử lý sai được hạ thành phần và trả lại tài sản. Đoàn kết nội bộ Đảng và trong nhân dân, giữa cán bộ cũ và mới được củng cố, tăng cường.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn cách mạng mới, tháng 4-1956, các huyện Vụ Bản, Ý Yên, Mỹ Lộc, sau ba năm sáp nhập với Hà Nam đã được quyết định nhập trở lại tỉnh Nam Định. Từ đấy, tỉnh Hà Nam còn lại 5 huyện là Bình Lục, Lý Nhân, Duy Tiên, Kim Bảng, Thanh Liêm và thị xã Phủ Lý.

Đi đôi với việc tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành TƯ Đảng về kế hoạch khôi phục kinh tế, ngày 1-4-1955, Tỉnh uỷ Hà Nam ra chỉ thị, nêu rõ “Lấy tổ đổi công làm trung tâm vận động sản xuất, làm cơ sở thực hiện kế hoạch khôi phục kinh tế, phát triển văn hoá”. Thực hiện chỉ thị của Tỉnh uỷ, đến hết tháng 6-1956, trong số 5.062 tổ đổi công ở 94 xã có 926 tổ được củng cố và hoạt động tốt. Hai huyện Duy Tiên và Thanh Liêm có phong trào tổ đổi công khá của tỉnh. Cuối tháng 12-1957, toàn tỉnh đã củng cố và xây dựng được 2.700 tổ đổi công, góp phần giải quyết tốt những vấn đề trong sản xuất, làm thuỷ lợi, chống hạn, úng lụt.

Bước vào thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp hai năm (1956-1957), thời tiết thất thường gây ra hạn hán nặng nề. Chỉ riêng năm 1957, toàn tỉnh có 34.000 mẫu ruộng bị khô hạn và 8.949 mẫu ruộng bị úng ngập. Trước những khó khăn do thiên tai, các cấp uỷ Đảng và chính quyền trong tỉnh đã chú trọng chỉ đạo làm công tác thuỷ lợi. Từ ngày 9-1 đến 16-4-1956, hàng triệu công lao động được huy động đào 21 con ngòi dài 11.076 mét, đắp mới 21 con mương với tổng chiều dài 12.721 mét; sửa, nạo vét 9 con mương khác dài 5.750 mét. Nhờ làm tốt công tác thuỷ lợi, diện hạn úng từng bước được thu hẹp. Năm 1957, vụ chính toàn tỉnh cấy được 20.284 ha, tăng 3.784 ha so với năm 1956 đưa diện tích cây trồng trên từ 1 vụ lên 2 vụ và thêm 1 vụ mầu trong 1 năm. Diện tích cây công nghiệp cũng tăng, trong đó mía trồng được 838 ha (102%), lạc 301 ha (119%) và thầu dầu 840 ha (115% kế hoạch). Các biện pháp kỹ thuật như chọn giống lúa, làm phân, dùng cào cỏ, cày, bừa cải tiến được thực hiện, đưa năng suất vụ chiêm năm 1957 lên 1.843 kg/ha (vượt 143 kg), vụ mùa đạt 2.035 kg/ha

(vượt 35 kg so với kế hoạch). Sản lượng lúa tăng 23% so với năm 1956, 37% so với năm 1954 và 46% (gần gấp đôi) so với năm 1939<sup>1)</sup>.

Trên mặt trận giáo dục, năm học 1955-1956, toàn tỉnh đã có 156 trường cấp I gồm 997 lớp với 34.139 học sinh và 1.279 lớp vỡ lòng, gồm 27.081 học sinh; 15 trường cấp II và 1 trường cấp III gồm 61 lớp với 2.858 học sinh. Việc dạy và học ở các trường dần dần đi vào nề nếp, chất lượng từng bước được nâng lên. Phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hoá được chú trọng. Năm 1957, cả tỉnh vận động được 12.000 người đi học, 2.500 người thoát nạn mù chữ<sup>2)</sup>.

Với truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, nhân dân Hà Nam đóng góp công sức xây dựng nghĩa trang liệt sỹ, giúp đỡ anh chị em thương binh ổn định cuộc sống, xây dựng trại thương binh của tỉnh. Vào dịp Ngày Thương binh, liệt sỹ (27-7-1957) trại thương binh Hà Nam rất phấn khởi và vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư thăm hỏi động viên. Trong thư, Người căn dặn và chúc cho Trại thương binh Hà Nam sẽ là một trại gương mẫu.

Trong 3 năm (1955-1957), cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Hà Nam đã khôi phục được kinh tế địa phương, từng bước ổn định cuộc sống của nhân dân những năm chiến tranh ác liệt.

## **2. Cải tạo xã hội chủ nghĩa, từng bước phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội (1958 - 1960)**

Qua hai năm tiến hành khôi phục kinh tế, đời sống kinh tế, chính trị, xã hội ở miền Bắc đã có nhiều thay đổi. Nhưng vào thời kỳ này, các ngành kinh tế ở miền Bắc còn có nhiều thành phần cá thể của nông dân, thợ thủ công và tiểu thương, tiểu chủ. Hình thức bóc lột tư bản chủ nghĩa đối với công nhân trong một số xí nghiệp tư nhân vẫn chưa được xóa bỏ.

Từ thực tế và yêu cầu của cách mạng, Hội nghị lần thứ 14 - Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11-1958) đã xác định: “Nhiệm vụ cơ bản của chúng ta ở miền Bắc là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là đẩy nhanh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nhân dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế

1. *Lịch sử Đảng bộ Hà Nam*. Sdd. tr. 277.

2. *Lịch sử Đảng bộ Hà Nam*. Sdd. tr. 279.

tư bản tư doanh; đồng thời phải ra sức phát triển kinh tế quốc doanh là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân”.

Trong lúc nhân dân Hà Nam đang sôi nổi bước vào thời kỳ cải tạo, phát triển kinh tế, thì ngày 14-1-1958, tại Hội nghị bàn về công tác chống hạn của tỉnh với gần 4.000 cán bộ tham dự, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện với hội nghị. Trong lời phát biểu, Người đã khen cán bộ và nhân dân Hà Nam trong kháng chiến vừa sản xuất vừa chiến đấu anh dũng, lại có nhiều thành tích chống hạn. Nhân dịp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao cờ *Chống hạn khá nhất* cho huyện Bình Lục và 9 Huy hiệu của Người để làm phần thưởng cho những cá nhân có thành tích xuất sắc nhất. Tiếp đó, Người đến thăm cán bộ và nhân dân xã An Hoà (nay là xã An Mỹ, huyện Bình Lục) đang lao động đắp đập Cát Tường để lấy nước cứu hàng ngàn mẫu lúa chiêm đang bị khô hạn.

Thực hiện lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phong trào thi đua làm thủy lợi chống hạn, ứng lựt được đẩy mạnh. Toàn tỉnh đã góp 434.721 ngày công lao động, đào 486 con ngòi và đắp 57 con đường với tổng chiều dài 414.982 mét, hoàn thành những công trình lớn như: đập Cát Tường, mương Mạc Thượng, kênh Ben để lấy nước. Nhờ vậy, diện tích cây chiêm năm 1958 của tỉnh đạt 97,35% kế hoạch<sup>(1)</sup>.

Quán triệt Nghị quyết 14 và Chỉ thị 57 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nhiệm vụ xây dựng tổ đổi công, năm 1958, tỉnh Hà Nam đề ra chủ trương củng cố đi đôi với phát triển tổ đổi công, đồng thời xây dựng thí điểm hợp tác xã nông nghiệp và mở rộng phong trào hợp tác hoá trong toàn tỉnh. Tính đến cuối năm 1958, Hà Nam xây dựng được 7.700 tổ đổi công, thu hút 76% số hộ nông dân tham gia; trong đó có 1.511 tổ thực hiện bình công chấm điểm. Về việc xây dựng hợp tác xã, đến cuối năm 1958, Hà Nam đã xây dựng được 105 hợp tác xã nông nghiệp gồm 3.911 hộ xã viên (đạt 3,81% số hộ nông dân), bình quân 37 hộ/hợp tác xã.

Ngày 6-10-1958, tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết vụ chiêm 1958 và phát động sản xuất Đông - Xuân năm 1958 - 1959, với sự tham gia của 820 đại biểu, trong đó có 699 đại biểu các xã. Đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ về thăm và dự hội nghị. Hội nghị khẳng định tuy bị hạn hán, sâu bệnh nghiêm trọng nhưng Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh đã có

---

1. *Lịch sử Đảng bộ Hà Nam*. Sđd, tr. 289.



nhiều biện pháp để hạn chế thiệt hại tới mức thấp nhất, bảo đảm diện tích cấy đạt 97,75 và năng suất đạt 84,15 kế hoạch.

Do có nhiều thành tích trong phong trào thi đua xây dựng tổ đổi công, hợp tác xã và đẩy mạnh sản xuất vụ mùa 1958, Đảng bộ và nhân dân Hà Nam được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì.

Trên lĩnh vực cải tạo thương nghiệp, tính đến cuối năm 1957, tư thương ở Hà Nam còn 7.158 người, đại bộ phận là buôn bán nhỏ, số đông đều có ruộng đất ở nông thôn. Năm 1958, toàn tỉnh đã vận động 601 tư thương chuyển sang sản xuất; 1.591 người vào các tổ chức mua chung bán riêng; 331 người làm đại lý cho mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán. Năm 1958, hợp tác xã mua bán được củng cố và phát triển rất nhanh, đầu năm mới có 26 cửa hàng (7 hỗn hợp và 19 chuyên doanh), đến cuối năm đã có 63 cửa hàng (27 hỗn hợp, 36 chuyên doanh) và 20 tổ lưu động. Hoạt động của thương nghiệp quốc doanh và tập thể đã chiếm 51,1% lượng hàng hoá trên thị trường, đạt 93,57% kế hoạch, hàng hoá bán lẻ tăng 102,8%, bán buôn tăng 18,58% và tổng doanh thu tăng 44,66% so với năm 1957.

Từ ngày 23 đến 27-1-1959, đảng bộ tỉnh Hà Nam tiến hành Đại hội toàn thể lần thứ III. Đại hội bầu ban Chấp hành đảng bộ tỉnh gồm 25 đồng chí, trong đó có 19 uỷ viên chính thức. Đồng chí Lê Quang Tuấn được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ. Đây là Đại hội đầu tiên kể từ sau giải phóng, có ý nghĩa quan trọng trong việc đề ra phương hướng, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ trong giai đoạn mới của cách mạng. Đại hội đã đề ra phương hướng cho tỉnh trong những năm tới là: Tiến hành cải tạo, phát triển kinh tế trên cả 3 mặt: Nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp. Trên 3 mặt đó, lấy cải tạo và phát triển nông nghiệp là trọng tâm; giữa cải tạo và phát triển, lấy cải tạo nông nghiệp là chính để đẩy mạnh phong trào đổi công, hợp tác.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, phát huy thắng lợi của phong trào hợp tác hoá nông nghiệp đến cuối năm 1960, Hà Nam căn bản hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp với 1.145 hợp tác xã vừa và nhỏ, gồm 89.717 hộ xã viên, đạt 90% tổng số hộ nông dân, bình quân 78 hộ/hợp tác xã. Trong tổng số trên 1.000 hợp tác xã có 75,81% hợp tác xã quy mô thôn. Xã Mộc Bắc (huyện Duy Tiên) là hợp tác xã quy mô xã đầu tiên của tỉnh với 1.187 hộ xã viên.

Bên cạnh việc tập trung cao độ cho phong trào hợp tác hoá, việc củng cố và phát triển tổ đổi công vẫn được chú trọng. Đến cuối năm 1960, toàn tỉnh có 1.706 tổ đổi công ở 85/133 xã gồm 2.700 hộ, trong đó có 1.469 tổ vụ việc và 237 tổ thường xuyên. Các huyện Kim Bảng, Thanh Liêm, Bình Lục có 1.275 tổ vụ việc gồm 18.174 hộ và 184 tổ thường xuyên, thu hút 2.320 hộ. Tuy nhiên, trong thời kỳ này hoạt động của tổ đổi công còn yếu<sup>(1)</sup>.

Công tác cải tạo các thành phần kinh tế cá thể ở Hà Nam đến năm 1960 đã căn bản hoàn thành. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập dưới 2 hình thức sở hữu Nhà nước và tập thể thay thế sở hữu tư nhân, xoá bỏ chế độ người bóc lột người. Khối đoàn kết liên minh công nông được củng cố và tăng cường. Phong trào “3 ngọn cờ hồng”<sup>(2)</sup> ở nông thôn được hoàn thiện, làm cho các hoạt động kinh tế trở nên phong phú đa dạng, sản xuất tiếp tục phát triển, bộ mặt nông thôn và đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

Trong những năm 1958 - 1960, Hà Nam vừa cải tạo, vừa tổ chức sản xuất, trong điều kiện nông nghiệp liên tiếp gặp khó khăn. Tuy vậy, sản xuất nông nghiệp vẫn đạt kết quả khả quan. So với 3 năm 1955 - 1957, diện tích các loại cây trồng đạt 247.052 ha, tăng 4,5%; giá trị tổng sản lượng nông nghiệp tăng 38,8%; bình quân lương thực năm 1959 đạt 324,81 kg/người.

Về công nghiệp, năm 1959 tỉnh đã hoàn thành việc xây dựng nhà máy đường Vĩnh Trụ, với công suất 25 tấn mía/ngày. Trong 3 năm 1958 - 1960, Hà Nam đã xây dựng được 13 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, giải quyết công ăn việc làm cho 1.377 công nhân, tăng 43,78% so với năm 1957, riêng công nhân công nghiệp có 762 người tăng hơn 42 lần; tổng sản lượng công nghiệp tăng 14,8% so với năm 1957.

Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế được đẩy mạnh. Đảng bộ và Chính quyền tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành liên tiếp mở những đợt thi đua diệt dốt. Nhờ vậy, đến ngày 5-11-1958, Hà Nam hoàn thành thanh toán nạn mù chữ cho toàn dân, vượt thời hạn 55 ngày. Với thành tích trên, Hà Nam được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì. Trong 3 năm 1958 - 1960, hệ thống

---

1. Báo cáo của Tỉnh uỷ về tình hình và nhiệm vụ hợp tác hoá nông nghiệp 6 tháng cuối năm 1960.

2. Gồm hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã nông nghiệp.

giáo dục phổ thông Hà Nam phát triển nhanh, mạnh đáp ứng được yêu cầu của con em trong tỉnh. Đến năm 1960, cả tỉnh có 172 trường, trong đó có 38 trường phổ thông cấp II và 1 trường phổ thông cấp III.

Mạng lưới y tế được củng cố và mở rộng. Bệnh viện tỉnh được hoàn thành gồm 200 giường bệnh. Trong 3 năm (1958 - 1960), toàn tỉnh xây dựng được 118 trạm y tế dân lập, 3.434 tủ thuốc của hợp tác xã; xây dựng 10 cơ sở quỹ y tế dân lập.

Trải qua hơn 6 năm từ tháng 7-1954 đến tháng 1-1960, vừa khắc phục hậu quả chiến tranh, nhanh chóng ổn định tình hình và phục hồi kinh tế, vừa thực hiện một loạt nhiệm vụ như cải cách ruộng đất, cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhân dân Hà Nam đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và thu được những thành quả rất quan trọng. Sau 3 năm khôi phục 1955 - 1957, tình hình sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp đã phục hồi nhanh chóng; văn hoá, giáo dục, y tế bước đầu phát triển; đời sống kinh tế - văn hoá của nhân dân từng bước được cải thiện. Từ năm 1958 đến 1960, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, trong đó chủ yếu là hợp tác hoá nông nghiệp, đã thu được kết quả tốt đẹp, liên minh công nông được củng cố vững chắc. Thắng lợi của 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa đã làm chuyển biến căn bản nền kinh tế của tỉnh, đời sống của nhân dân được cải thiện, quốc phòng an ninh được củng cố và tăng cường, trật tự trị an xã hội được giữ vững.

### **3. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)**

Tháng 9-1960, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã diễn ra tại Hà Nội. Đại hội đề ra đường lối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới với hai nhiệm vụ: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đại hội thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ nhất về phát triển kinh tế - văn hóa theo con đường của chủ nghĩa xã hội.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ III, miền Bắc nước ta chuyển sang thời kỳ lấy nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, đồng thời tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất. Quá trình thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là quá trình đồng thời tiến hành 3 cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt.

Cụ thể hóa đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đề ra, từ ngày 20-2-1961, Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ IV vòng II được tổ chức. Tham dự Đại hội có 199 đại biểu chính thức và 28 đại biểu dự khuyết. Các đại biểu đã nghiên cứu Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 về kế hoạch Nhà nước, kiểm điểm tình hình mọi mặt trong hai năm 1959 - 1960 và đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 1961 - năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành mới của Đảng bộ tỉnh gồm 25 uỷ viên chính thức và 4 uỷ viên dự khuyết. Đồng chí Trần Đoàn được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Để tăng cường tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và chỉ đạo các hoạt động trong tỉnh, năm 1961 Tỉnh uỷ Hà Nam xuất bản các tờ báo như tờ *Tin Hà Nam*, *Thông tin nội bộ*, *Tin giáo dục Hà Nam*, *Tập san văn hoá*... Tháng 7-1962, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định xuất bản *Báo Hà Biên*, cơ quan ngôn luận của Đảng bộ tỉnh Hà Nam.

Về sản xuất nông nghiệp, trong năm 1961, tỉnh đã mở chiến dịch “*Đông xuân Hà Nam - Biên Hoà quyết tiến quyết thắng*”, chiến dịch “*Mùa Đại Phong*”. Trong sản xuất nông nghiệp, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ giữ vai trò xung kích. Hội liên hiệp Phụ nữ Hà Nam đã tổ chức cho chị em học tập, thảo luận nội dung và đăng ký thi đua “5 tốt”<sup>1</sup>. Đoàn thanh niên tỉnh đã phát động phong trào “*Những người xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất*”. Những tháng cuối năm 1961, toàn tỉnh dấy lên phong trào thi đua trở thành “*Trai gái Đại Phong*”, “*Xã viên Đại Phong*” và “*Đội sản xuất Đại Phong*”. Các đợt thi đua tiếp theo liên tục được phát động như tháng 10 thi đua “6 tốt”, tháng 11 thi đua “*Sản xuất đông xuân Đại Phong vượt mức kế hoạch*”, tháng 12 thi đua “*Đông xuân Hà Biên anh dũng*”. Trong chiến dịch “*Đông xuân Hà Biên anh dũng*” đã có hàng trăm người đạt danh hiệu kiện tướng, cá nhân xuất sắc, danh hiệu “*Trai gái Đại Phong*”.

Tính đến cuối năm 1961, toàn tỉnh xây dựng được 837 hợp tác xã với 95.011 hộ nông dân (chiếm 94,53% số hộ nông dân trong tỉnh). Có 145 hợp tác

---

1. “5 tốt”: 1. Chấp hành chính sách tốt; 2. Tham gia quản lý tốt; 3. Lao động sản xuất tốt; 4. Học tập tốt; 5. Nuôi dạy con cái, sắp xếp gia đình tốt.

xã chuyển lên bậc cao với 22.458 hộ, chiếm 22,34% tổng số hộ xã viên (năm 1960 có 89,22% số nông hộ vào hợp tác xã trong đó có 5,6% số hộ trong hợp tác xã bậc cao). Việc mở rộng quy mô hợp tác xã theo đơn vị thôn đã cơ bản hoàn thành. Đến năm 1961, toàn tỉnh có 527/666 thôn xây dựng hợp tác xã toàn thôn, chiếm 84%. Toàn tỉnh đã xây dựng 53 hợp tác xã liên thôn với quy mô 2 - 3 thôn và 3 hợp tác xã toàn xã. Tỉnh đã được Nhà nước tặng hai Huân chương Lao động hạng Ba về thành tích sản xuất và thuỷ lợi.

Tại Đại hội liên hoan anh hùng chiến sỹ thi đua toàn quốc lần thứ III (tháng 5-1962), các hợp tác xã Minh Tiến, hợp tác xã Đình Ngọ (huyện Duy Tiên) và hợp tác xã Thôn Bùi (huyện Bình Lục) được tuyên dương và tặng cờ đơn vị tiên tiến.

Đến cuối năm 1962, nhờ phát động liên tục các phong trào thi đua sản xuất và củng cố hợp tác xã, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp của Hà Nam đã có một bước tiến mới. Toàn tỉnh đã có 95,75% số hộ nông dân tham gia vào 750 hợp tác xã nông nghiệp. Tỷ lệ các hợp tác xã bậc cao tăng lên 33,1%. Quy mô hợp tác xã đã được mở rộng, bình quân mỗi hợp tác xã có 128 hộ.

Trong phong trào thi đua với Đại Phong, xuất hiện nhiều hợp tác xã tiên tiến. Hợp tác xã thôn Bùi được công nhận là một trong 250 “Hợp tác xã Đại Phong” của toàn miền Bắc.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về phân bố hợp lý lao động và phát triển kinh tế - xã hội miền núi, trong hai năm 1961-1962, Hà Nam chú ý lãnh đạo công tác đưa người đi khai hoang trong và ngoài tỉnh.

Tháng 4-1961, Tỉnh uỷ thành lập Ban lãnh đạo khai hoang và nêu rõ phương châm công tác khai hoang là “lấy ngắn nuôi dài”, “lấy rừng nuôi rẫy”, “kết hợp chặt chẽ giữa trồng trọt và chăn nuôi”. Hướng khai hoang ngoài tỉnh là các tỉnh Phú Thọ, Bắc Giang, trong tỉnh là các huyện Kim Bảng, Thanh Liêm.

Qua 2 năm triển khai công tác khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới, đến tháng 11 năm 1962, Hà Nam đã khai hoang nội tỉnh được 1.411 ha, thu được 1.663 tấn lương thực quy ra thóc. Tỉnh cũng đã đưa 1.040 lao động đi xây dựng các cơ sở độc lập và xen kẽ ở các huyện Thanh Sơn, Hạ Hoà, Thanh Thủy (tỉnh Phú Thọ), Đa Phúc (tỉnh Vĩnh Phúc), Đại Từ (tỉnh Thái Nguyên) và tỉnh Lào Cai. Tính từ năm 1961 đến hết năm 1964, toàn tỉnh có 12.984 nhân khẩu tham gia cuộc vận động phát triển kinh tế, văn hoá miền núi ở 36 xã thuộc 4 tỉnh Phú

Thọ, Lào Cai, Thái Nguyên và Hà Bắc, đạt 76% kế hoạch 5 năm, 15.556 người đi các công, nông, lâm trường, đạt 518% kế hoạch.

Tính đến cuối năm 1962, giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp Hà Nam đạt 13.810.646 đồng, bằng 100,21% kế hoạch. Riêng công nghiệp quốc doanh có 39 cơ sở sản xuất với 2.000 công nhân (năm 1960 có 20 cơ sở và 1.041 công nhân). Ngành công nghiệp quốc doanh Hà Nam đã hoàn thành vượt mức kế hoạch 20,9%.

Cùng với những tiến bộ về kinh tế, sự nghiệp giáo dục, văn hoá, y tế cũng đạt được những thành tựu đáng khích lệ, đáp ứng yêu cầu nâng cao đời sống tinh thần, văn hoá của nhân dân.

Bắt đầu từ năm học 1960 - 1961, được Cấp ủy và Chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo, trường phổ thông cấp II Bắc Lý (huyện Lý Nhân) đã có nhiều cải tiến trong dạy và học. Trường đã có những hoạt động tích cực, tổ chức những đội học sinh "*Học tốt, làm tốt*". Quá trình hoạt động của trường phổ thông cấp II Bắc Lý là quá trình thầy và trò sáng tạo trong giảng dạy, học tập và lao động theo nguyên lý và phương châm "*Học đi đôi với hành*", "*gắn nhà trường với thực tiễn xã hội*".

Bằng những hoạt động tích cực với những kết quả xuất sắc trong giảng dạy, học tập và lao động, tháng 9-1961, trường cấp II Bắc Lý được Bộ Giáo dục công nhận là đơn vị lá cờ đầu của ngành Giáo dục Hà Nam và toàn miền Bắc. Phong trào thi đua "*Hai tốt*" (giảng dạy tốt - học tập tốt), thi đua với trường Bắc Lý được phát động trên toàn miền Bắc. Đó là phần thưởng xứng đáng và cũng đồng thời đặt ra cho cán bộ giáo viên và học sinh Bắc Lý nói riêng và toàn tỉnh Hà Nam trách nhiệm nặng nề hơn.

Bước vào năm học mới 1962 - 1963, toàn tỉnh có 85.812 học sinh phổ thông các cấp, tăng 31,5%. Ngoài ra, toàn tỉnh còn có 738 lớp vỡ lòng, 196 lớp mẫu giáo với 240.798 trẻ. Phong trào thi đua "*Hai tốt*" được phát triển rộng rãi. Trường cấp II Kim Bảng, trường cấp II Đông Lý (huyện Lý Nhân) và trường cấp III Biên Hòa là những đơn vị có phong trào thi đua sôi nổi nhất trong tỉnh.

Từ ngày 26-6 đến 2-7-1963, Hà Nam tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ V, với sự tham dự của 207 đại biểu chính thức và 12 đại biểu dự khuyết.

Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong 3 năm 1963 - 1965 là: *Tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là trọng tâm, làm cơ sở thuận lợi để phát triển công nghiệp, đồng thời ra sức đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp và các ngành kinh tế, văn hoá, phấn đấu khắc phục dần sự mất cân đối, đảm bảo các ngành kinh tế, văn hoá tiếp tục phát triển theo phương châm tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, góp phần đấu tranh thống nhất nước nhà.* Đại hội đã bầu Ban chấp hành mới gồm 23 uỷ viên. Đồng chí Trần Đoàn đã được bầu lại làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Thực hiện phương hướng phát triển kinh tế - xã hội mà Đảng bộ tỉnh đã đề ra, trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, tỉnh đã phát động các phong trào thi đua “*Đông xuân Đại Phong lập công dâng Đảng*”, “*Thi đua vụ mùa Đại Phong chống Mỹ - Diệm*”, “*Làm mùa thực hiện Nghị quyết Trung ương 8*”, “*Đông - Xuân vì miền Nam quyết thắng*”, chiến dịch “*Đông Nai quật khởi*”, cuộc vận động “*Năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi*” v.v... với những nội dung cụ thể về làm đất, gieo trồng, chăm sóc trâu bò, củng cố hợp tác xã, đoàn kết ở nông thôn...

Trên mặt trận thuỷ lợi, ngày 25-9-1964, trạm bơm điện Cổ Đàm (thuộc địa bàn huyện Thanh Liêm) với công suất thiết kế 5 triệu m<sup>3</sup>/ngày được khởi công xây dựng. Đây là công trình đại thuỷ nông, có vị trí rất quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp của hai tỉnh Hà Nam và Nam Định. Công trình sẽ đảm bảo tiêu úng cho 18.000 ha lúa mùa, chống hạn cho 12.600 ha vụ chiêm, thuộc 3 huyện Bình Lục, Thanh Liêm (Hà Nam) và Ý Yên (Nam Định).

Đến cuối năm 1964 toàn tỉnh có 132 xã và 99,5% số hợp tác xã đã xây dựng xong quy hoạch thuỷ lợi, 97,5% số hợp tác xã đã tổ chức 729 đội thuỷ lợi chuyên môn. Tỉnh cũng đã xây dựng được 11 trạm bơm điện với 89 máy bơm, 144 máy bơm dầu và đã huy động hàng chục vạn nhân dân tham gia các đợt chống úng, chống hạn, chủ động tưới tiêu 37.457 ha đất canh tác.

Trên lĩnh vực công nghiệp và thủ công nghiệp, trong 3 năm (1963 - 1965) sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp có bước phát triển mạnh. Năm 1964, giá trị tổng sản lượng công nghiệp, thủ công nghiệp vượt 4,8% so với kế hoạch. Công nghiệp địa phương đã sản xuất một số sản phẩm mới như máy xay xát gạo, máy tuốt lúa chạy động cơ điện, máy nghiền thức ăn gia súc và trang bị cơ khí nhỏ cho 27 hợp tác xã.

Trong hai năm 1963 - 1964, sự nghiệp giáo dục, văn hoá, y tế của Hà Nam tiếp tục có những chuyển biến đáng kể. Đến cuối năm 1964, Hà Nam căn bản hoàn thành phổ cập cấp I và vỡ lòng trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Trường Bác Lý vẫn phát huy tác dụng lá cờ đầu trong ngành giáo dục.

Ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ dựng lên “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ” và tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc. Từ đây nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng càng được đẩy mạnh hơn. Miền Bắc chuyển từ thời bình sang thời chiến, vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu cao.

Đến cuối năm 1964, các phương án phòng thủ tác chiến, phòng không, chống gián điệp, biệt kích và kế hoạch lập khu căn cứ của tỉnh đã được xây dựng, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới. Lực lượng dân quân tự vệ phát triển thêm 6.870 người, đạt tỷ lệ 151% so với chỉ tiêu và chiếm 9% dân số, trong đó có 2.089 nữ dân quân, 1181 nữ tự vệ. Bộ máy chỉ huy quân sự các cấp được kiện toàn. Công tác phòng không được triển khai rộng rãi. Những khẩu hiệu “Tay cày, tay súng”, “Vừa sản xuất, vừa chiến đấu” bắt đầu đi vào đời sống hàng ngày của nhân dân toàn tỉnh.

Từ tháng 2-1965, đế quốc Mỹ chính thức mở rộng quy mô chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Nhờ có sự chuẩn bị từ nhiều năm trước đây, đến 30-4-1965, Hà Nam đã nhanh chóng chuyển hướng chỉ đạo mọi mặt công tác từ thời bình sang thời chiến.

Tỉnh uỷ phân công 3 đồng chí ủy viên Thường vụ và 2 đồng chí Tỉnh uỷ viên chỉ đạo công tác phòng không chuẩn bị chiến đấu. Thị xã Phủ Lý nhanh chóng sơ tán hơn 2.000 dân và 3.000 tấn hàng hoá về nông thôn. Hơn 1.500 chiến sỹ tự vệ thị xã đã thay nhau trực chiến ngày đêm, sẵn sàng chiến đấu. Nhiều trận địa phòng không được xây dựng, hệ thống hầm hố cá nhân, hào giao thông phát triển mạnh mẽ khắp nơi. Cán bộ, đảng viên và nhân dân toàn tỉnh tích cực chuẩn bị, bình tĩnh, kiên quyết, sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới. Thực hiện lệnh động viên thời chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hàng loạt cán bộ được điều động sang quân đội, hàng ngàn thanh niên nhập ngũ, tái ngũ bổ sung cho các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng đi B với tinh thần “Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước”.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, chính quyền, một khí thế cách mạng mạnh mẽ, sôi nổi với tinh thần “Vừa sản xuất, vừa chiến đấu” được phát động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân Hà Nam. Với những thành tựu đạt



được trong hơn 10 năm xây dựng (1954 - 1964), cán bộ và nhân dân Hà Nam sẵn sàng vững bước vào thời kỳ mới đầy khó khăn và thử thách.

## **II. HÀ NAM CÙNG CẢ NƯỚC VỪA SẢN XUẤT VỪA CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, CHI VIỆN CHO SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG MIỀN NAM (1965 - 1975)**

### **1. Vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965 - 1972)**

Ngày 21 tháng 4-1965, tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa III, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết số 103-NQ-TVQH phê chuẩn việc lập tỉnh mới Nam Hà trên cơ sở sáp nhập hai tỉnh Hà Nam và Nam Định.

Ngày 4-5-1965, Ban Chấp hành Đảng bộ hai tỉnh đã họp phiên đầu tiên bàn và ra Nghị quyết về việc tiến hành kiện toàn, hợp nhất tổ chức bộ máy của hai tỉnh:

- Về tổ chức đảng bộ: Căn cứ vào ý kiến của Trung ương Đảng, Hội nghị quyết định Tỉnh ủy Nam Hà gồm toàn bộ các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam và Nam Định đã bầu ra, tổng số là 53 đồng chí. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm có 13 đồng chí. Hội nghị Ban Chấp hành sẽ cử ra Bí thư và 2 Phó Bí thư.

- Về tổ chức chính quyền tỉnh: Sau khi phân công xong, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ họp để cử ra Ủy ban Hành chính tỉnh. Dựa trên cơ sở phân công Thường vụ Tỉnh ủy và tỉnh ủy viên, cần kiện toàn Ủy ban hành chính tỉnh, trước hết là bộ phận Thường trực ủy ban gồm 5 đồng chí (1 Chủ tịch, 3 Phó Chủ tịch và 1 Ủy viên thư ký).

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị và Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất của Tỉnh ủy Nam Hà, ngày 28 tháng 5-1965 Tỉnh ủy đã có Thông báo số 16/TB-TU nêu rõ: Kể từ ngày 1-6-1965, Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh Nam Hà sẽ chính thức làm việc theo tỉnh mới.

Như vậy, từ tháng 6-1965, Hà Nam sáp nhập cùng Nam Định thành tỉnh Nam Hà. Tỉnh Nam Hà lúc này gồm 14 huyện, 1 thành phố và 1 thị xã.

Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, khu vực Hà Nam là một hướng chiến lược quan trọng với một hệ thống đường sắt,

đường bộ và đường thủy mà điểm nút là thị xã Hà Nam - yết hầu của trục giao thông chiến lược và cửa ngõ phía nam của thủ đô Hà Nội. Ngay từ những trận đánh mở đầu cuối tháng 5-1965, địch đã tập trung đánh phá hàng loạt địa điểm cầu đường trên địa bàn Hà Nam, nhất là cầu Đuan Vĩ (thuộc địa phận huyện Thanh Liêm). Để giữ vững mạch máu giao thông trong điều kiện bị địch đánh phá ác liệt, ngành giao thông của tỉnh đã tập trung xây dựng thêm 10 bến phà mới, 500 mét cầu phao gỗ, 270 mét cầu phao thuyền tre. Ngày 9-7-1965, địch tiếp tục đánh cầu Đuan Vĩ, cầu Gián Khẩu cùng nhiều cầu phà, các phương tiện vận tải trên sông, trên bộ. Ngày 15-7, địch tập trung máy bay thả nhiều bom cỡ lớn, bắn nhiều tên lửa để phá bằng được cầu Đuan Vĩ. Ngành giao thông vận tải của tỉnh đã mạnh dạn nghiên cứu và thiết kế cầu phao hoàn toàn bằng gỗ, đảm bảo lưu thông cho hàng ngàn chuyến xe qua lại mỗi ngày.

Chiến tranh ngày càng trở nên ác liệt. Ngoài việc chủ động sơ tán nhân dân về vùng nông thôn, chỉ đạo việc đào hầm hố phòng tránh, thị uỷ Hà Nam cùng với các cơ quan của tỉnh chỉ đạo việc di chuyển các cơ sở công nghiệp đóng trên địa bàn như Nhà máy điện Phú Lý, Xí nghiệp cơ khí nông cụ Hà Nam, Xưởng sửa chữa ca nô - ô tô Hà Nam, Xí nghiệp đóng thuyền 1-5 Hà Nam, Xưởng gỗ Hà Nam v.v... Các huyện cũng có kế hoạch phân tán hoặc bảo vệ các cơ sở sản xuất của mình như hợp tác xã ngôi Bình Lục, hợp tác xã ngôi Duy Tiên, Xí nghiệp đá Kiện Khê, Xí nghiệp giấy Sông Châu, Xưởng gỗ Vĩnh Trụ, Xí nghiệp đường Vĩnh Trụ v.v... Ngày 7-12-1965, Tỉnh uỷ ra chỉ thị giao hẳn các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp ở thành phố, thị xã sơ tán về nông thôn cho các huyện quản lý.

Trong quý III-1965, đế quốc Mỹ cho 1.662 tốp máy bay đánh phá miền Bắc, trong đó có 16 lần đánh tuyến giao thông vận tải trên địa bàn Hà Nam. Nhân dân hai huyện Kim Bảng, Duy Tiên đã tham gia sửa chữa, đắp mới được hàng chục ngàn mét khối đất và hàng chục km đường. Tháng 10-1965, địch cho 201 tốp máy bay và tháng 11-1965 có 303 tốp đánh phá quốc lộ 1A, đường 10 và 21. Thị xã Hà Nam bị địch oanh tạc 6 lần, có trận kéo dài trên 1 tiếng đồng hồ.

Sau 7 tháng (từ 25-5 đến 4-12-1965), đế quốc Mỹ tạm thời ngừng oanh kích miền Bắc nhưng vẫn cho máy bay tiến hành trinh sát. Qua 78 ngày tạm yên, đến 13-3-1966, đế quốc Mỹ tiếp tục đánh phá trở lại với mức độ ngày càng dày đặc (số trận đánh tăng gấp 5,53 lần so với năm 1965), phạm vi ngày càng rộng (từ 75 xã lên 182 xã, gấp 2,43 lần so với năm 1965) và tính chất ngày càng ác liệt.

Mục tiêu đánh phá của không quân Mỹ tập trung ở khu tam giác: thị xã Hà Nam, thành phố Nam Định, thị xã Ninh Bình, trong đó trọng điểm là thị xã Hà Nam. Tháng 6-1966, máy bay Mỹ đánh vào thị xã liên tiếp 4 ngày đêm liền. Ngày 1-8-1966, địch đánh thị xã và 17 điểm phụ cận, riêng thị xã Hà Nam chúng dùng 30 lần chiếc, thả trên 1.000 quả bom. Có những tháng, địch đánh đến 144 trận (10-1966), 153 trận (1-1967) nhắm vào đê điều, kho tàng, cơ sở sản xuất và khu dân cư của tỉnh. Bước vào năm 1967, mức độ đánh phá của địch ngày càng ác liệt. Chỉ tính riêng trong quý III-1967, địch đã huy động 856 lần chiếc máy bay đánh 261 trận, trong đó có 13 trận đánh vào ban đêm. Đến đầu xuân năm 1968, khi quân dân miền Nam tấn công mạnh mẽ trên khắp chiến trường thì việc đánh phá của địch mới giảm xuống.

Đảm bảo giao thông vận tải trong chiến tranh phá hoại là nhiệm vụ trung tâm mang tính chiến lược của toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn này. Ở những trọng điểm giao thông như Đuan Vĩ, Gián Khẩu, thị xã Hà Nam, các đội công binh nhân dân, các đội Thanh niên xung phong đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị pháo cao xạ chiến đấu bảo vệ mục tiêu, với các đội chuyên đảm bảo giao thông để khắc phục hậu quả, giải phóng mặt đường. Khi các cầu Đuan Vĩ, Gián Khẩu trên tuyến quốc lộ 1A bị đánh hỏng, hệ thống phà vượt sông không đáp ứng được lưu lượng xe qua (1.000 - 1.500 chiếc/ngày), thì từ đầu năm 1965, hàng loạt cầu phao đã ra đời trên tất cả các tuyến đường. Dọc quốc lộ 1A, nhân dân đã huy động dự trữ được hàng triệu mét khối đất đá. Mỗi khi cầu đường bị địch đánh phá, các xã và khu phố đã trực tiếp huy động lực lượng, phương tiện của nhân dân san lấp mặt đường, lấp hố bom, đảm bảo cho xe thông suốt.

Trong thời gian khó khăn nhất (1965 - 1966), lực lượng vũ trang địa phương đã đảm nhiệm việc bảo đảm giao thông trong những chốt quan trọng như thị xã Hà Nam, cầu Gián Khẩu. Nhờ kết hợp tốt việc sử dụng lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động, thị xã Hà Nam đã khắc phục nhanh chóng mặt đường, bảo đảm được giao thông thông suốt trong mọi tình huống. Cùng với việc san lấp đường, làm cầu bảo đảm giao thông, các lực lượng vũ trang và dân quân tỉnh đã anh dũng chiến đấu, bắn rơi 1 máy bay Mỹ, phối hợp với các đơn vị khác bắn rơi 4 chiếc khác. Đơn vị bảo vệ cầu phà Đuan Vĩ đã không để xảy ra sự cò, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Với thành tích chiến đấu và phục vụ chiến đấu, tháng 9-1965, 6 đơn vị dân quân của Hà Nam được tặng thưởng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng, đó là dân

quân xã Liêm Trực, dân quân thôn Chanh Thượng xã Liên Minh (huyện Thanh Liêm); dân quân xã Nguyễn Bình, trung đội nữ dân quân thôn Bùi xã Trịnh Xá (huyện Bình Lục); dân quân xã Đọi Sơn (huyện Duy Tiên); trung đội Quyết Thắng xã Nhân Phúc (huyện Lý Nhân) và trung đội tự vệ hợp tác xã cơ khí Quyết Tiến (thị xã Hà Nam).

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, những tháng đầu năm 1968, máy bay địch vẫn đánh phá ác liệt, thêm vào đó vật tư cung cấp cho sản xuất lại không đủ, thời tiết diễn biến vô cùng phức tạp, mưa lớn, làm ngập úng 71% diện tích lúa màu. Riêng các huyện Bình Lục, Thanh Liêm, Lý Nhân bị úng nặng từ 70 - 80%, 12.559 ngôi nhà của dân bị đổ. Nhiều người chết, hàng trăm người bị thương, hàng ngàn trâu bò bị nước cuốn trôi. Trước sự phá hoại ghê gớm của thiên tai, nhờ tinh thần phấn đấu quyết thắng của nhân dân và sự lãnh đạo sát sao của các cấp ủy Đảng và chính quyền nên đã hạn chế được tác hại, sản xuất vẫn được tiếp tục phát triển. Có 6 xã đạt năng suất từ 5 - 6 tấn/ha/năm như Nguyễn Lý, Nhân Long, Nhân Tiến, Nhân Hậu (huyện Lý Nhân); Duy Hải, Trác Bút (huyện Duy Tiên).

Công nghiệp địa phương qua 3 năm đã có những chuyển hướng kịp thời và tiếp tục phát triển, bước đầu có những đổi mới về cơ cấu, thiết bị và sản phẩm. Ngoài việc tập trung khắc phục những khó khăn về vận chuyển, địa điểm, tiến hành phân tán, sơ tán nhanh gọn, Tỉnh còn chỉ đạo bảo vệ và mở rộng cơ sở cũ, từng bước tăng cường thiết bị và xây dựng một số xí nghiệp mới. Trong những năm này, hoạt động trên địa bàn Hà Nam có các Xí nghiệp cơ khí Hà Nam, Xưởng gỗ Hà Nam, Xí nghiệp cơ khí Kim Bảng, Xí nghiệp đá Kiện Khê, Xí nghiệp voi Kiện Khê, Xí nghiệp đá Núi Bùi, Xí nghiệp gỗ Hồng Phú, Xí nghiệp Xi măng 3 - 2, Xí nghiệp xi măng Kim Bảng, Gạch Khả Phong, Giấy Sông Châu, Nước chàm Hà Nam, Đường Vĩnh Trụ, Lò mổ Hà Nam, Than Yên Thủy và nhiều xí nghiệp, công tư hợp doanh khác. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp của tỉnh trong năm 1967 tăng 13,6% so với năm 1965.

Giao thông vận tải được coi là công tác trung tâm đột xuất của toàn Đảng, toàn dân. Hầu hết các đường liên tỉnh, liên huyện bị địch phá hoại đều đã được củng cố và mở rộng. Hệ thống đường vòng, đường tránh, cầu, phà được xây dựng thêm, hình thành tuyến hướng có nhiều đường. Nhờ vậy, mặc dù bị địch đánh phá liên tục và hết sức ác liệt nhưng giao thông vẫn bảo đảm thông suốt; các kế hoạch vận chuyển đều hoàn thành vượt mức và tăng nhanh qua các năm.

Tổng khối lượng hàng vận chuyển năm 1967 tăng 51,9% so với năm 1965, trong đó khối lượng hàng tự vận chuyển từ ngoài tỉnh về ngày càng chiếm tỷ lệ cao (75% tổng số). Đặc biệt các yêu cầu trung chuyển và vận chuyển phục vụ tiên tuyến đều đảm bảo hoàn thành vượt mức, kể cả các yêu cầu đột xuất do Trung ương giao.

Với tinh thần quyết chiến quyết thắng trên mặt trận giao thông, nhân dân địa phương đã tranh thủ mọi thời cơ thuận lợi để bắc xong cầu mới Hoà Mạc và cầu cáp Xuân Khê; tu sửa xong 3 cầu (cầu cáp, cầu phao Đoàn Vĩ và cầu ngầm Phù Lý), xây dựng và sửa chữa bến phà, làm mới và rải đá 17km đường vòng tránh, làm mới 55km đường liên huyện, 103km đường liên xã; rải đá nâng cấp mặt đường cho 125km; kết hợp với ngành thuỷ lợi làm mới 911 cống và tu sửa 807km đường từ xóm ra đồng. Mạng lưới giao thông trong tỉnh đã hình thành suốt từ xã lên huyện, nối liền và khép kín với các tuyến đường chính.

Mặc dù trong điều kiện có chiến tranh, các lĩnh vực giáo dục, văn hoá vẫn tiếp tục được đẩy mạnh.

Ngành giáo dục đã hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm học. Đến 1968, có 170 trường được công nhận là trường tiên tiến; 1.168 giáo viên dạy giỏi, 108 học sinh tham gia cuộc thi học sinh giỏi toàn miền Bắc, và đoạt 23/46 giải.

Mạng lưới y tế không ngừng được củng cố. Đã có gần 100% trạm xá xã có y sĩ phụ trách. Số bệnh viện, giường bệnh tăng nhanh. Đến 1968, bình quân cứ 10 nghìn dân có 4,8 y, bác sỹ và 28,7 giường bệnh.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chuyển sang giai đoạn mới, từ ngày 3 đến ngày 8 tháng 6-1968, Đại hội Đảng bộ Nam Hà lần thứ nhất được triệu tập. Trên cơ sở đánh giá lại chặng đường đã qua, Đại hội đã tập trung thảo luận, ra Nghị quyết về phương hướng và nhiệm vụ chung của Đảng bộ trong 3 năm (1968 - 1970) với “Quyết tâm xây dựng nền kinh tế địa phương lớn mạnh, có nông nghiệp và công nghiệp phát triển, tăng cường công tác quân sự địa phương và giữ vững trật tự an ninh, sẵn sàng đáp ứng tốt nhất mọi yêu cầu chỉ viện tiên tuyến, chú trọng bồi dưỡng sức dân; ra sức xây dựng chính quyền, đoàn thể quần chúng và xây dựng Đảng bộ vững mạnh; bảo đảm chiến đấu, chiến thắng địch hoạ, thiên tai trong mọi tình huống và tích cực chuyển hướng kịp thời khi có điều kiện thuận lợi<sup>122</sup>”.

---

1. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ nhất.

Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ mới gồm 35 ủy viên do đồng chí Phan Điền làm Bí thư, các đồng chí Trần Đoàn và Vũ Thiện làm Phó Bí thư.

Từ cuối 1968, do thất bại nặng nề trên chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố chấm dứt cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc. Cùng với nhân dân miền Bắc, nhân dân Hà Nam bắt tay vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ nhất đề ra.

Giữa lúc nhân dân Nam Hà cùng cả nước đang ra sức thi đua sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh thì ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Biến đau thương thành hành động cách mạng, Tỉnh uỷ phát động đợt sinh hoạt chính trị “Học tập và làm theo Di chúc của Hồ Chủ Tịch” cho toàn thể Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh.

Một trong những nhiệm vụ lớn của tỉnh Nam Hà trong 3 năm từ 1969 - 1971 là phải động viên toàn bộ sức người, sức của vào công cuộc chống thiên tai bão lụt. Đầu tháng 8-1969, một đợt lũ lớn và kéo dài chưa từng có kể từ 21 năm trước đó. Tỉnh uỷ và chính quyền tỉnh đã huy động 367.968 cán bộ, công nhân, bộ đội, học sinh lên đê chống lũ. Nhân dân khắp nơi trong tỉnh đã đóng góp 126.670 cây tre, trên 7.000 cây xoan và 140 nghìn bó rào cùng 20 nghìn bao tải đất để hộ đê; bảo vệ tốt các tuyến đê trên sông Hồng và sông Đáy.

Năm 1970, tỉnh đã chủ động tổ chức lực lượng hộ đê gồm 55.000 người chia thành 2.171 đội - trong đó có 79 đội xung kích được trang bị đủ các loại phương tiện, dụng cụ phòng chống lụt; bồi đắp được 1.062.144 m<sup>3</sup> đất cho các quãng đê xung yếu; hoàn thiện và sửa chữa 73 kè cống, bố trí 355 cán bộ làm công tác hộ đê túc trực ở nơi quy định.

Vụ mùa năm 1971 thiên tai lớn lại xảy ra, diễn biến rất phức tạp và ác liệt, vượt xa nhiều so với dự đoán. Có 3 cơn bão trực tiếp tràn vào tỉnh, uy hiếp nặng đê điều và gây ra mưa lớn làm cho gần 30 nghìn ha của các huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Lý Nhân, Thanh Liêm và Bình Lục bị ngập sâu trong nước.

Lũ trong năm 1971 cũng xuất hiện sớm, đỉnh lũ lên rất cao và kéo dài trong nhiều ngày. Đến tháng 8-1971, toàn bộ đê sông Hồng chảy qua hai huyện Lý Nhân, Duy Tiên bị tràn 21 đoạn, sạt 18 đoạn; đê Hoàng Đông, Hoàng Tây trên sông Nhuệ bị vỡ, nhiều đoạn đê của các sông khác bị nước tràn, bị sạt lở.

Đợt lũ năm 1971 gây tổn thất nặng làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân nhiều huyện. Sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại nặng, nhất là các xã có bồi, xã hữu ngạn sông Đáy và xã ven sông Nhuệ. Kim Bảng là huyện bị ngập nặng nhất, tới 78% diện tích cấy, huyện Duy Tiên 22,9%. Nhà cửa trong vùng bị ngập khoảng 31.207 hộ, gồm 145.312 người. Ở Trung Hạ (huyện Duy Tiên) có hàng chục ngôi nhà bị trôi, hàng trăm tấn thóc và phân bón bị mất.

Sang năm 1972, đúng vào ngày kỷ niệm lần thứ 42 thành lập Đảng (3-2-1972), Đại hội Đảng bộ Nam Hà lần thứ II khai mạc. Đại hội đã tập trung đánh giá tình hình, nhận rõ bước trưởng thành đi lên, phân tích khó khăn khách quan và khuyết điểm chủ quan, khẳng định thành tựu, đồng thời đi sâu phân tích những vấn đề mấu chốt nhất và đề ra những mục tiêu cần tập trung phấn đấu trong 2 năm 1972 - 1973 là: Tăng nhanh thu nhập quốc dân, nông sản hàng hoá và xuất khẩu; bảo đảm tích luỹ và gia tăng đóng góp cho Nhà nước; phấn đấu đạt 3 mục tiêu (1,3 - 1,5 lao động, 5,4 tấn thóc và 2,5 con lợn/ha gieo trồng); phục vụ đầy đủ và kịp thời nhu cầu của tiền tuyến, xây dựng kinh tế địa phương gắn với củng cố quốc phòng; tích cực xây dựng, nâng cao chất lượng sức mạnh chiến đấu toàn lực lượng vũ trang địa phương, đánh thắng địch trong mọi tình huống, bảo đảm an ninh xã hội, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội; phấn đấu bảo đảm nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân (ăn, mặc, học, ở và sức khoẻ). Đại hội Đảng bộ Nam Hà lần thứ II đã bầu Ban Chấp hành mới gồm 55 uỷ viên, đồng chí Phan Điền được bầu lại làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Để chủ động chống thiên tai và địch hoạ, thị hành Chỉ thị số 46 TTg (23-2-1972) của Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh uỷ đã cử 30 đồng chí tỉnh uỷ viên tham gia công tác chỉ đạo đê, kè, cống ở các huyện. Mỗi huyện dự trữ một lực lượng từ 250 - 300 người để ứng cứu, tiếp viện khi đê điều bị đánh phá hoặc có báo động cấp 3. Lực lượng hộ đê của tỉnh gồm trên 1.000 người biên chế thành 5 đại đội xung kích và 1 đội cơ giới bố trí thường trực ở các khu vực xung yếu.

Nhờ có sự chỉ đạo kịp thời, đến trước mùa bão lũ toàn tỉnh đã hoàn thành khối lượng đê, kè, cống gấp 3 lần năm 1971. Các huyện Kim Bảng, Thanh Liêm, Duy Tiên, Lý Nhân thực hiện vượt thời gian. Riêng thị xã Hà Nam đắp được 6.300m<sup>3</sup>, đạt khối lượng lớn nhất so với các năm đã qua.

Để chuẩn bị đối phó với âm mưu tiếp tục gây chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và để tăng cường chi viện cho chiến trường miền Nam, từ tháng 3-1972, căn cứ vào nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang mà Nghị quyết Đại

hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã đề ra, toàn tỉnh đã thành lập xong 5 tiểu đoàn tăng cường và các đơn vị pháo cao xạ của dân quân, kiện toàn các hệ thống thông tin liên lạc, đài quan sát; tổ chức lại các lực lượng phục vụ chiến đấu, các tổ chức công binh, cứu hoả, cứu thương; hoàn thành phương án tác chiến và tổ chức diễn tập ở một số khu vực. Cuối tháng 3-1972 tỉnh còn tổ chức các đơn vị công binh trong lực lượng dân quân mang tên là “công binh nhân dân”.

Cũng trong tháng 3-1972, có năm đơn vị bộ đội địa phương và một đơn vị pháo của dân quân gồm 222 chiến sĩ đã lên đường vào Nam chiến đấu.

Bị thất bại liên tiếp trước các cuộc tiến công của quân dân miền Nam, đầu xuân 1972, Tổng thống Mỹ Níchxơn liều lĩnh gây lại chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Ngày 17-4, sau khi nhận được điện của Ban Bí thư và Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ, Thường vụ Tỉnh uỷ và chính quyền tỉnh đã mở đợt sinh hoạt chính trị nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác, tư tưởng quyết chiến quyết thắng trong các lực lượng vũ trang và nhân dân trong tỉnh.

Công tác phòng không nhân dân được tiến hành một cách khẩn trương. Công tác giao thông vận tải sẵn sàng bảo đảm thông suốt trong mọi tình huống. Các cấp uỷ đảng và chính quyền cùng với ngành giao thông kiểm tra, xem xét và lên kế hoạch đảm bảo huyết mạch trên các quốc lộ chính; quản lý và nắm chắc lực lượng, phương tiện vận tải, bốc dỡ trong ngành và các cơ quan để khi cần có thể huy động lực lượng được nhanh chóng.

Thực hiện Chỉ thị 182 của Ban Bí thư về *Tăng cường lãnh đạo những công tác trọng yếu trong tình hình mới*, trong hai ngày 10 và 11 tháng 5, Thường vụ Tỉnh uỷ đã họp bàn về chống địch phá hoại đê điều và đảm bảo giao thông trong mọi tình huống. Đối với địa bàn Hà Nam, Tỉnh uỷ nhận định trên quốc lộ 1A địch sẽ tập trung đánh phá vào khu vực cầu Đuan Vĩ, đầu mối giao thông Phú Lý và Hồng Phú; còn trên đường 21 chúng sẽ tập trung vào khu vực cầu Sắt, cầu Hộ vì các tuyến đường này có ý nghĩa rất lớn đối với sự chi viện cho chiến trường.

Từ thực tiễn trên, Tỉnh uỷ cũng đề ra nhiệm vụ của công tác đảm bảo giao thông, vận tải trên địa bàn Hà Nam là:

- Giữ bằng được tuyến quốc lộ để đảm bảo cho việc chi viện đối với tiền tuyến (quốc lộ 1A, quốc lộ 21), quan trọng nhất là quốc lộ 1A và các bến vượt sông.



- Giữ kỳ được quốc lộ 21 để bảo vệ vùng bán sơn địa nhằm đảm bảo giao thông thông suốt trên các tuyến đường khác, cố gắng cao nhất để phục vụ bộ đội cơ động chiến đấu trên các địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo thông suốt các luồng sông, các cửa sông để đảm bảo vận tải thủy dù địch phong tỏa bằng bất kỳ loại vũ khí nào; phương châm thực hiện các nhiệm vụ trên là: *Bám tuyến chính, sẵn sàng chuẩn bị các tuyến tránh*. Các huyện và thị xã Hà Nam phải chuẩn bị sẵn các phương án để đảm bảo giao thông, dự kiến các tình huống địch phá hoại, dựa vào lực lượng tại chỗ để khắc phục hậu quả.

Cuộc đánh phá bằng không quân của đế quốc Mỹ trên địa bàn Hà Nam ngày một ác liệt hơn. Suốt trong 188 ngày đêm từ giữa tháng 4 đến tháng 10 năm 1972, đế quốc Mỹ đã huy động 1.345 lần chiếc máy bay đánh vào 893 mục tiêu trên đất Nam Hà trong đó có 633 trận đánh vào địa bàn Hà Nam. Riêng tháng 7-1972, địch đã huy động 554 lần chiếc, tập trung đánh vào quốc lộ 1A nhất là các đoạn đường Đông Văn, Phù Lý; 50 lần máy bay đánh vào đê điều, 350 lần đánh vào khu dân cư. Đối với hệ thống giao thông, vận tải, tính đến 20 tháng 10-1972 địch đã đánh 202 trận vào 247 điểm với 2.084 quả bom phá, 712 quả bom nổ chậm và bom từ trường, 106 quả bom xuyên và 19 tên lửa, làm thiệt hại 2.340 mét đường, phá hỏng 13 cầu, 62 phương tiện (420 mã lực), 2.284 tấn sà lan và thuyền các loại.

Trong mọi tình huống, quân và dân Hà Nam đã kiên cường dũng cảm đánh trả máy bay địch, giữ vững mạch máu giao thông và đê điều, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ sản xuất. Đến tháng 7-1972, toàn tỉnh đã xây dựng được 275 tổ trực chiến bắn máy bay tầm thấp và 19 đơn vị pháo cao xạ, trong đó có loại 100mm của dân quân tự vệ. Nhiều đơn vị dân quân ở các xã Thanh Lưu, Liêm Thuận, Liêm Cần (huyện Thanh Liêm); Phù Vân, Châu Sơn (huyện Kim Bảng) lập nhiều đội trực chiến bắn máy bay, bắt giặc lái Mỹ; đồng thời triển khai diễn tập theo phương án cụm chiến đấu và kiểm tra việc bảo vệ tốt vũ khí, sẵn sàng chiến đấu.

Đơn vị nữ pháo thủ xã Phù Vân, xã liền kề thị xã Hà Nam, được thành lập từ tháng 12-1965 gồm 8 chiến sỹ. Đến năm 1967, đơn vị phát triển thành một trung đội với 49 chiến sỹ, được trang bị một khẩu 37mm và một khẩu 57mm. Đơn vị đã bố trí lực lượng từ xa, phục kích ở núi Ba Sao bắn cháy một phân lực Mỹ. Ngày 2-6-1972, khẩu đội pháo 57mm của đơn vị do đồng chí Lê Thị Thoa

làm khẩu đội trưởng đã chiến đấu quyết liệt với một tốp phản lực đang đánh phá thị xã Hà Nam; phối hợp cùng đơn vị bắn rơi một máy bay Mỹ ngay loạt đạn đầu. Từ khi thành lập đến năm 1972, đơn vị đã đánh 91 trận, góp phần cùng lực lượng phòng không thị xã Hà Nam bắn rơi, bắn cháy 18 máy bay Mỹ.

Phong trào thanh niên tòng quân của tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh. Qua 3 đợt tuyển quân, toàn tỉnh vượt 2,5% kế hoạch về số lượng, dẫn đầu là huyện Thanh Liêm đạt 107,2% và thị xã Hà Nam đạt 124,7%.

Trong tháng 5-1972, tỉnh đã tuyển 2.000 thanh niên xung phong, tháng 6 tuyển 1.200 dân công hoả tuyến phục vụ chiến trường.

Mặc dù trong điều kiện chiến tranh ác liệt, phong trào thi đua 2 tốt theo gương các đơn vị tiên tiến, phát huy truyền thống về giáo dục của tỉnh, phát cao lá cờ Bác Lý tiếp tục được đẩy mạnh. Do có sự chuẩn bị tốt, cho nên nhiều lần địch ném bom, bắn phá vào các thôn xóm và trường học nhưng ta vẫn đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh.

Trong năm 1972 trường phổ thông cấp II Bác Lý được nhận cờ Đơn vị dẫn đầu của ngành Giáo dục; tập thể và cá nhân của trường được tặng 5 Huân chương Lao động các loại và nhiều Bằng khen của Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ. Công tác bổ túc văn hoá có nhiều tiến bộ, số cán bộ chủ chốt của xã và hợp tác xã tốt nghiệp cấp II tăng gấp 14 lần so với 3 năm trước cộng lại.

Năm 1972, trong điều kiện vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ vừa chống thiên tai, nhân dân Hà Nam vẫn hoàn thành nghĩa vụ đóng góp lương thực với Nhà nước. Các huyện đều huy động vượt mức kế hoạch. Trong đó huyện Duy Tiên vượt 848 tấn; huyện Kim Bảng huy động gấp đôi năm 1971.

Mặc dù so với yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra, kết quả đạt được trong năm 1972 chưa cao, thắng lợi chưa vững chắc, việc phục vụ tiền tuyến chưa đồng đều, nhưng những thắng lợi mà đảng bộ và nhân dân địa phương đã giành được là hết sức to lớn và rất cơ bản. Thắng lợi này đánh dấu bước trưởng thành lớn lao của đảng bộ và nhân dân trong việc kết hợp xây dựng kinh tế với tăng cường tiềm lực quốc phòng, giữa sản xuất và chiến đấu góp phần cùng quân và dân miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta sang một giai đoạn mới.

## **2. Đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hoá - xã hội, chi viện cho cách mạng miền Nam hoàn thành sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước (1973 - 1975)**

Trước những thất bại nặng nề ở hai miền Nam - Bắc, đế quốc Mỹ buộc phải ký kết Hiệp định Pari, chấm dứt chiến tranh và lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Hoà bình trở lại trên miền Bắc, nhiệm vụ cấp thiết đối với đảng bộ và nhân dân các địa phương là khôi phục, ổn định sản xuất và đời sống.

Đối với tỉnh Nam Hà, nhiệm vụ trước mắt là tập trung khôi phục toàn diện trên các mặt sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, vận tải, lưu thông phân phối, văn hoá - xã hội, nội chính, mà trọng tâm là công nghiệp - thủ công nghiệp và giao thông, vận tải. Trong việc khôi phục các vùng bị đánh phá, tỉnh tập trung cho việc xây dựng lại thị xã Hà Nam.

Chỉ trong một thời gian ngắn, việc san lấp hố bom trên quốc lộ 1A và đường 21 đã cơ bản hoàn thành, góp phần đưa lưu lượng xe thông tuyến từ 300 lên 800 xe/ngày; các đội rà phá bom từ trường, thuỷ lôi trên sông Đáy ngày đêm tích cực hoạt động làm cho đường thuỷ sớm được khai thông. Tốc độ xây dựng cơ bản được đẩy mạnh, các huyện đã huy động tới 10.000 xã viên cùng nhiều nguyên vật liệu tham gia xây dựng nhà tạm cho nhân dân thành phố, thị xã.

Ngoài số nhà tạm được xây dựng để giải quyết chỗ ở bước đầu cho nhân dân, chính quyền các cấp còn ổn định được 338 lớp học phổ thông, bảo đảm nơi học cho 17.091 học sinh trong năm học 1972 - 1973. Ngành thương nghiệp tổ chức chu đáo việc phân phối hàng tết bảo đảm đúng tiêu chuẩn và chính sách cho nhân dân; tổ chức giúp đỡ gia đình liệt sĩ, thương binh, bộ đội được 182 tấn thóc. Đồng thời, để triển khai tốt việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội, tỉnh uỷ đã cho kiểm tra phát hiện và giải quyết 3.374 trường hợp thực hiện chính sách chưa chu đáo, đưa 122 thương binh, bệnh binh đủ điều kiện vào học các trường trung học, đại học; 203 đồng chí vào công tác ở các cơ quan thương nghiệp; 244 đồng chí về cơ sở công tác và làm những nghề thích hợp. Các bệnh viện đã khám và chữa bệnh cho nhiều thương binh, bệnh binh, gia đình bộ đội. Các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ cơ sở còn tiến hành làm thêm giờ để giúp các gia đình neo đơn. Hội phụ lão mở cuộc vận động làm nhà cửa, đóng giường ủng hộ thương binh. Uỷ ban Hành chính tỉnh chi 490 nghìn đồng trợ cấp các gia đình liệt sĩ, thương binh gặp khó khăn.

Đi đôi với việc xây dựng và phát triển kinh tế tại địa phương, tỉnh tiếp tục vận động, tổ chức nhân dân đi xây dựng, phát triển kinh tế - văn hoá miền núi và khai thác kinh tế trong tỉnh. Đến năm 1972, tỉnh đã vận động được 95.731 người đi xây dựng kinh tế ở các tỉnh trung du, miền núi và 13.185 người đi khai thác kinh tế vùng biển trong tỉnh theo 2 hình thức: tổ chức thành những xã, hợp tác xã độc lập hoặc xen ghép vào các xã, hợp tác xã sẵn có ở địa phương. Năm 1974, được Trung ương cho phép, tỉnh Nam Hà đã kết nghĩa với 2 tỉnh Lào Cai và Yên Bái. Theo sự thoả thuận giữa huyện Lý Nhân với huyện kết nghĩa Bảo Thắng (tỉnh Lào Cai), trong năm 1974 huyện Lý Nhân đưa lên Bảo Thắng khoảng 10 nghìn nhân khẩu để xây dựng thí điểm vùng kinh tế mới. Các huyện khác trong tỉnh tùy điều kiện cụ thể, tích cực chuẩn bị để năm 1975 và các năm sau vận động nhân dân đi xây dựng kinh tế mới ở các tỉnh Lào Cai và Yên Bái.

Sang năm 1974, kế hoạch được thực hiện trong hoàn cảnh vụ mùa năm trước bị sút kém, tình trạng thiếu lương thực xảy ra gay gắt trên phạm vi toàn tỉnh. Thêm vào đó là sự khắc nghiệt của thời tiết: đầu vụ đông xuân rét sớm và kéo dài, đầu vụ mùa tiếp tục bị hạn. Bằng quyết tâm vốn có, nhân dân trong tỉnh cố gắng khắc phục khó khăn, giành thắng lợi trên mặt trận nông nghiệp. Năm 1974, giá trị tổng sản lượng lương thực của tỉnh đạt tới 658.508 tấn, trong đó thóc đạt 609.753 tấn, là năm có tốc độ tăng trưởng cao. Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu khác đều vượt kế hoạch.

Sản xuất công nghiệp tuy còn nhiều khó khăn do hậu quả nặng nề của chiến tranh, nhưng nhờ chuẩn bị tích cực và sớm khôi phục nền nếp quản lý nên nhịp độ tăng đều ở cả hai khu vực quốc doanh và hợp tác xã thủ công nghiệp. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp cả năm đạt 177 triệu đồng bằng 105% kế hoạch, tăng 16,8% so với năm 1973, trong đó quốc doanh tăng 24,9% và thủ công nghiệp tăng 12,1%. Toàn tỉnh có 6/10 ngành đạt và vượt kế hoạch từ 3 - 10% và có 35 xí nghiệp xấp xỉ hoàn thành các chỉ tiêu được giao.

Từ đầu năm 1975, cách mạng miền Nam bước sang một giai đoạn mới với thế tiến công, áp đảo quân thù trên toàn bộ chiến trường. Tình thế cách mạng mới đòi hỏi nhân dân miền Bắc đẩy mạnh sản xuất, tích cực chi viện cho cách mạng miền Nam tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn.

Trước những thắng lợi đã giành được qua 2 năm khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội cũng như yêu cầu ngày càng lớn của cách mạng miền Nam, Đảng bộ và các cấp chính quyền trong tỉnh đã chỉ đạo và khẩn trương tổ chức đợt cung

cấp 8.600 tấn lương thực, hàng ngàn tấn thực phẩm cho chiến trường miền Nam. Đồng thời, để thực hiện kế hoạch đột xuất do Trung ương giao, trong tháng 1-1975, Tỉnh uỷ đã cử một đoàn cán bộ vào nghiên cứu khu vực bãi Cát Tiên - nơi giáp giới 3 tỉnh Bình Phước, Lâm Đồng và Long Khánh. Tại địa điểm này, đoàn công tác đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của đảng bộ và nhân dân địa phương. Đoàn đã vạch ra kế hoạch để chuẩn bị lực lượng đi xây dựng vùng kinh tế mới ngay từ khi miền Nam chưa được hoàn toàn giải phóng. Đảng bộ coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của năm 1975, hạ quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ của Trung ương giao, thể hiện ý chí và tình cảm sâu sắc của nhân dân trong tỉnh đối với sự nghiệp cách mạng chung của cả nước.

Việc tổ chức và động viên một lực lượng lao động lớn đi chiến đấu và xây dựng kinh tế là một nhiệm vụ quan trọng của tỉnh. Hội nghị Tỉnh uỷ lần thứ 12 đã xác định vị trí quan trọng của công tác này: “coi là một trong bốn vấn đề máu chốt của nhiệm vụ chính trị năm 1975 và hạ quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ của Trung ương giao”<sup>1)</sup>. Với quyết tâm đó, ngay trong quý I-1975, đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã tiễn hơn 4 vạn con em của mình bổ sung cho tiền tuyến. Đến 15-4-1975, toàn tỉnh đã hoàn thành vượt chỉ tiêu tuyển quân cả năm, đạt 115,49% và tuyển lao động đi xây dựng kinh tế vùng mới giải phóng ở miền Nam, vượt 0,44%.

Trong không khí sôi sục của cuộc tổng tấn công và nổi dậy khắp miền Nam, ngày 16-4-1975, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ra Chỉ thị phát động phong trào quần chúng *Thi đua với miền Nam, mỗi người làm việc bằng hai*, động viên mọi tầng lớp nhân dân hăng hái lao động, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1975 .

Hưởng ứng phong trào thi đua, nhiều cơ quan và đơn vị công tác đã có phong trào *Giờ làm việc giải phóng miền Nam*, thanh niên có phong trào *Tình nguyện vượt mức kế hoạch*. Các hợp tác xã nông nghiệp đã bán cho Nhà nước hơn 400 tấn vịt, đưa hàng ngàn tấn thóc tiết kiệm chi viện cho vùng mới giải phóng ở miền Nam. Trong công tác thuỷ lợi có phong trào *Nhớ công ơn Bác Hồ và Mừng miền Nam đại thắng*.

1. Nghị quyết số 01-NQ/TV ngày 17- 2-1975 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác tuyển quân năm 1975.

Ngày 30-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta. Đất nước ta chuyển sang một thời kỳ mới, thời kỳ cả nước thống nhất cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong không khí phấn khởi mừng ngày thống nhất đất nước, từ ngày 23 đến 28 tháng 6 năm 1975, Đại hội đảng bộ Nam Hà lần thứ III đã được tiến hành tại thành phố Nam Định với sự tham gia của 402 đại biểu. Đại hội đã nhất trí khẳng định những thành tựu đã đạt được từ 1972 - 1975 và nhấn mạnh: Trong tình hình cách mạng mới, đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết chiến đấu, phấn đấu vươn lên, khắc phục mọi khó khăn giành nhiều thắng lợi lớn hơn trong sản xuất, chiến đấu, cùng cả nước tiến lên Chủ nghĩa xã hội. Đại hội Đảng bộ Nam Hà lần thứ III đã bầu ra Ban Chấp hành mới gồm 37 uỷ viên. Đồng chí Phan Điền được tái cử chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ.

Ngày 22-12-1975, Tỉnh uỷ Nam Hà đã tiến hành tổng kết công tác thương binh, liệt sĩ và chính sách hậu phương quân đội trong những năm chống Mỹ, cứu nước (1965 - 1975). Riêng địa bàn Hà Nam, Tỉnh uỷ đã biểu dương các xã có tỷ lệ nhập ngũ cao như Phù Vân (huyện Kim Bảng): 85% gia đình có người đi bộ đội; Liêm Cần (huyện Thanh Liêm): 83%; Nhân Thắng (huyện Lý Nhân): 73%; Chuyên Ngoại (huyện Duy Tiên): 73%. Nhiều gia đình có đông con cháu nhập ngũ như gia đình ông Thành (xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên) có 7 con nhập ngũ; gia đình cụ Đỗ Thị Nguyệt (xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân) có 16 con cháu vào bộ đội. Nhiều gia đình có 5 con là liệt sĩ như gia đình cụ Trần Thị Tốn (xã Thanh Bình, huyện Thanh Liêm), gia đình cụ Tạ Văn Liêm (xã Hoà Lý, huyện Lý Nhân). Trong quá trình giáo dục, động viên người thân lên đường đánh Mỹ, các huyện Thanh Liêm, Lý Nhân được đánh giá là những nơi liên tục hoàn thành nhiệm vụ. Các xã Liêm Cần, Thanh Hà (huyện Thanh Liêm); Nhân Đạo, Nhân Hậu, Nguyên Lý (huyện Lý Nhân); Trác Văn (huyện Duy Tiên); Phù Vân, Khả Phong (huyện Kim Bảng) đã được tặng thưởng Huân chương Lao động về thành tích chính sách hậu phương quân đội.

Như vậy, từ năm 1975, đất nước ta bước sang giai đoạn cách mạng mới: cả nước thống nhất cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lịch sử Hà Nam cũng bước sang một giai đoạn mới - giai đoạn hợp nhất trong tỉnh lớn Hà Nam Ninh.

## Chương XIV

# HÀ NAM TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 ĐẾN NAY)

## I. VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, THỬ THÁCH, ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HOÁ - XÃ HỘI (1975 - 1985)

### 1. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai, góp phần bảo vệ biên giới Tổ quốc (1975 - 1980)

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc ta. Từ đây, đất nước ta bước sang một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, thống nhất và vững bước tiến lên theo con đường chủ nghĩa xã hội.

Chuyển sang thời kỳ mới, cùng với việc sắp xếp lại tổ chức hành chính các địa phương, ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TW về việc hợp nhất hai tỉnh Nam Hà và Ninh Bình thành tỉnh Hà Nam Ninh. Ngày 27-12-1975, tại kỳ họp thứ 2 khoá V, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã ra Nghị quyết *hợp nhất tỉnh Nam Hà và tỉnh Ninh Bình thành một tỉnh mới lấy tên là tỉnh Hà Nam Ninh.*

Việc thành lập một tỉnh Hà Nam Ninh đất rộng, người đông, nhiều tiềm năng là một trong những điều kiện thuận lợi cho việc tập trung phát triển kinh tế, văn hoá và khả năng tăng cường an ninh quốc phòng ở địa phương. Nhưng cũng như các địa phương khác, Hà Nam Ninh vẫn còn nhiều khó khăn, đó là cơ sở vật chất nghèo nàn, trình độ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế còn thấp, hậu quả chiến tranh nặng nề, thiên tai liên tiếp xảy ra, đời sống nhân dân còn chưa được cải thiện.

Xuất phát từ những đặc điểm đó, Nghị quyết của Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh chỉ rõ: Hoàn thành quan hệ sản xuất theo

hướng tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý từ cơ sở, tổ chức và phân bổ sức lao động. Tiến hành cơ giới hoá nông nghiệp, đưa sản xuất nông nghiệp và công nghiệp địa phương phát triển mạnh mẽ theo hướng đi lên hiện đại hoá. Đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu. Tăng cường khả năng đóng góp, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, giữ gìn trật tự trị an. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, tạo điều kiện thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ II.

Quán triệt Nghị quyết 24 của Trung ương và thực hiện nhiệm vụ trọng tâm mà Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ Hà Nam Ninh đã đề ra, Hà Nam Ninh tập trung sức mạnh phấn đấu giành thắng lợi cao nhất trong “Chiến dịch Hà Nam Ninh” trên mọi lĩnh vực.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp với trọng tâm là giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm, Hà Nam Ninh phát động phong trào thi đua tiên kíp và vượt Hợp tác xã Hải Quang<sup>(1)</sup>. Phong trào “Học tập và làm theo Hợp tác xã Hải Quang” được đẩy lên mạnh mẽ trong các hợp tác xã nông nghiệp ở Hà Nam. Các hợp tác xã nông nghiệp ở các huyện Bình Lục, Lý Nhân, Duy Tiên, Kim Bảng, Thanh Liêm và thị xã Phủ Lý... đã tập trung lực lượng hoàn chỉnh thủy nông, xây dựng lại trạm trại, tổ chức lại các hợp tác xã, mở rộng diện tích trồng hoa màu, phát triển chăn nuôi, ứng dụng khoa học kỹ thuật để sản xuất thâm canh, tăng vụ.

Do cấu tạo của địa hình, đất trồng trọt của Hà Nam luôn bị ảnh hưởng nặng nề của thời tiết. Vùng trũng mới mưa đã ngập, vùng bán sơn địa chưa nắng đã hạn, vì vậy đã ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp. Để khắc phục tình trạng trên, các huyện của Hà Nam đã xác định công tác thủy lợi là hàng đầu. Trong đó việc tổ chức các đội thủy lợi (đội 201, 202) được kiện toàn và hoạt động có hiệu quả cao. Năm 1977, huyện Lý Nhân đã đào đắp được 212.626m<sup>3</sup>, nạo vét 41.110m<sup>3</sup>, xây dựng 9 cầu, 10 cống..., tưới tiêu cho 6.384 ha; huyện Kim Bảng sửa chữa nạo vét 68 công trình tưới tiêu, đào đắp 20.233m<sup>3</sup>...; huyện Bình Lục hoàn thành kế hoạch thủy lợi, thủy nông 3 năm và được công nhận là một trong những huyện thực hiện tốt công tác thủy lợi - thủy nông của tỉnh. Huyện Duy Tiên đào đắp được 43.000m<sup>3</sup>, tu sửa 180 máy bơm, đưa diện tích tưới tiêu lên 15.500 mẫu<sup>(2)</sup>. Các huyện đã kết hợp thủy lợi với giao

---

1. Hợp tác xã nông nghiệp Hải Quang thuộc huyện Hải Hậu, là cờ đầu của tỉnh Hà Nam Ninh.

2. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1977 của các huyện Lý Nhân, Kim Bảng, Bình Lục, Duy Tiên.



thông nông thôn, hàng chục cầu mới phục vụ cho sản xuất, đời sống được xây dựng, góp phần tạo nên bộ mặt nông thôn mới.

Trong thời gian này, đồng thời với việc tổ chức sắp xếp lao động tại chỗ, từ đầu năm 1977 đến năm 1979, các huyện trong tỉnh còn tích cực vận động trăm nghìn vạn lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới và tham gia các công trình xây dựng của cả nước. Riêng năm 1977, huyện Lý Nhân đã có 199 hộ (447 lao động), huyện Bình Lục có 850 khẩu đi xây dựng vùng kinh tế mới.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV thành công, đầu năm 1978, đồng chí Lê Duẩn - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá IV đã về thăm tỉnh Hà Nam Ninh. Sự kiện này đã tạo thêm nguồn sinh lực mới để Đảng bộ và nhân dân Hà Nam Ninh nói chung và Hà Nam nói riêng thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, II. Cùng với nhân dân toàn tỉnh, đảng bộ, nhân dân các huyện Bình Lục, Lý Nhân, Kim Thanh, Duy Tiên và thị xã Phủ Lý... đã tích cực lao động sản xuất, giành được nhiều thành tích đáng kể. Trong sản xuất nông nghiệp, năng suất, diện tích và sản lượng đều tăng. Năm 1979, năng suất lúa của các huyện đều cao. Thấp nhất là huyện Kim Thanh đạt 21,5 tạ/ha, cao nhất là huyện Lý Nhân, Duy Tiên đạt trên 26 tạ/ha, sản lượng đạt gần 170.000 tấn, vượt từ 25 - 35% so với cùng kỳ năm 1978. Hàng trăm hợp tác xã đã đạt mục tiêu 5 tấn/ha. Các huyện đã cung cấp cho Nhà nước hàng chục nghìn tấn lương thực.

Thực hiện Nghị quyết 19/CP và 134/CP của Hội đồng Chính phủ, các huyện trong tỉnh đều đẩy mạnh công tác điều tra năng lực sản xuất, quản lý lao động, vật tư, tài chính, bố trí nâng dây chuyền sản xuất... làm cho công nghiệp địa phương không ngừng tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm. Giá trị tổng sản lượng tiểu thủ công nghiệp của các huyện hàng năm đều cao và vượt kế hoạch. Năm 1976, sản lượng tiểu thủ công nghiệp của huyện Bình Lục đạt giá trị 5,2 triệu đồng, huyện Thanh Liêm đạt 4,4 triệu đồng; đến năm 1979 Duy Tiên đạt 5,5 triệu đồng và ba huyện Lý Nhân, Bình Lục, Kim Thanh đạt giá trị sản lượng từ 10 đến 19 triệu đồng. Bên cạnh đó, nhiều hợp tác xã nông nghiệp phát triển tiểu thủ công nghiệp, đạt giá trị kinh tế từ 1,5 - 3 triệu đồng. Các ngành nghề truyền thống của nhân dân được phát huy, góp phần sản xuất nhiều hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

Sự nghiệp giáo dục luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo, nhân dân nhiệt tình tham gia nên phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Đến năm 1979, ngành giáo dục mầm non đã thu hút được trên 50% số cháu trong độ tuổi vào nhà trẻ, 60% đến lớp mẫu giáo. Giáo dục phổ thông phát triển nhanh và đồng đều. Các huyện đã phổ cập cấp I, có huyện phổ cập cấp II, thu hút hầu hết các cháu lớp 4 vào lớp 5 và trên 30% lớp 7 vào lớp 8, trên 50% cán bộ chủ chốt xã, đảng viên và thanh niên tốt nghiệp văn hoá cấp II. Truyền thống hiếu học và phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt” thường xuyên được duy trì và phát triển.

Trong lúc nhân dân ta đang hăng hái lao động sản xuất nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, thì ngày 17-2-1979 chiến tranh biên giới phía Bắc xảy ra, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, của tỉnh Hà Nam nói riêng. Một lần nữa nhân dân các huyện của Hà Nam lại hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, đẩy lên phong trào “Tòng quân đánh giặc, bảo vệ Tổ quốc”.

Tại địa phương, để chủ động phòng, đánh địch, các lực lượng vũ trang của các huyện nhất là khu vực trọng điểm giao thông đường sắt, đường bộ đã tiến hành xây dựng các cứ điểm bố phòng. Thực hiện nếp sống quân sự hoá, các lực lượng dân quân, tự vệ, thanh niên trong các trường học tăng cường luyện tập quân sự, sẵn sàng tham gia sư đoàn quân dự nhiệm của tỉnh, tạo thành một thế trận nhân dân vững chắc. Các đợt tuyển quân đều vượt mức kế hoạch, tăng gấp 2 lần so với năm cao nhất thời kỳ chống Mỹ. Các lực lượng vũ trang địa phương được bổ sung kế hoạch, phương án an ninh quốc phòng, phù hợp với tình hình mới, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đẩy mạnh. Các huyện tăng cường giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng trong nhân dân và lực lượng an ninh, sẵn sàng đập tan các âm mưu phá hoại của bọn phản động. Hàng nghìn tổ chức an ninh nhân dân, hàng trăm tổ bảo vệ cơ quan xí nghiệp được xây dựng, huấn luyện. Các lực lượng an ninh đã chủ động tiến công, kiềm chế nhiều hoạt động của bọn phản động lợi dụng đạo thiên chúa, lợi dụng vấn đề người Hoa... để gây rối. Tất cả đã tạo thành thế trận an ninh toàn dân, góp phần giữ gìn đoàn kết nội bộ, bảo vệ trật tự an toàn xã hội, đẩy lùi những diễn biến tiêu cực trong các lĩnh vực kinh tế, đời sống, tạo điều kiện thuận lợi đẩy mạnh phát triển sản xuất, xây dựng quê hương.

Các huyện đã tổ chức tốt các đợt bầu cử hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân các cấp. Thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 159

của Thủ tướng Chính phủ, tất cả các huyện đã đẩy mạnh việc tuyên truyền, học tập về dự thảo bản Hiến pháp mới, tăng cường ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân.

Hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong giai đoạn này khá sôi nổi, phát huy được vai trò nòng cốt trong các phong trào thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm, văn hoá, đời sống, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đoàn Thanh niên chú trọng giáo dục lý tưởng cộng sản cho đoàn viên thanh niên với nội dung “Tuổi trẻ đất nước”, đẩy lên khí thế cách mạng trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể” đã nêu cao ý thức làm chủ của những người đoàn viên thanh niên trên mặt trận sản xuất. Hội Phụ nữ các cấp đã tích cực động viên chị em phát huy tinh thần “Ba đảm đang”, hăng hái thi đua trong phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Hội Nông dân tuy mới được thành lập nhưng cũng đã nhanh chóng ổn định tổ chức, xác định nội dung hoạt động của các cấp hội theo hướng tập trung động viên tinh thần lao động sản xuất, cấy hết diện tích, chăm sóc lúa tốt và thu hoạch nhanh gọn, tích cực trồng màu và chăn nuôi tăng thêm thu nhập cho mỗi gia đình.

Mặt trận Tổ quốc được củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về “Tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng”, Mặt trận các cấp đã tích cực hoạt động, góp phần tăng cường sự đoàn kết, xây dựng tình làng nghĩa xóm tốt đẹp trong vùng có đồng bào theo đạo Thiên Chúa.

## **2. Từng bước tháo gỡ khó khăn, phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội (1981 - 1985)**

Những năm đầu thập niên 1980, các huyện của Hà Nam triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ 3, trong tình hình kinh tế đất nước cũng như của Hà Nam Ninh có nhiều biến động, diễn biến phức tạp. Đó là những thiếu thốn về vật tư, nguyên liệu, thực phẩm; sự bất ổn định trong giá cả, lộn xộn trong quản lý hàng hoá, tài chính, tiền tệ; kinh doanh bị rối loạn, lạm phát phi mã. Thêm vào đó là những khó khăn do thiên tai liên tục gây ra. Chỉ tính riêng năm 1984, hàng nghìn hecta lúa mùa của ba huyện Bình Lục, Kim Bảng, Duy Tiên đang chín bị ngập úng. Cơ sở vật chất của các ngành kinh tế-xã hội như nghề muối, đê điều, giao thông, thủy lợi... bị thiệt hại nặng nề.

Những hậu quả nghiêm trọng của thiên tai và những khó khăn gay gắt về điều kiện vật chất kỹ thuật trong sản xuất, xây dựng cũng như đời sống nhân dân đặt ra cho các cấp uỷ Đảng và nhân dân các huyện những nhiệm vụ nặng nề. Nhưng với truyền thống yêu nước, ý thức tự lập tự cường, đoàn kết nhất trí, đảng bộ và nhân dân các huyện đã ra sức đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, giải quyết những khó khăn trước mắt, bảo đảm đời sống của nhân dân lao động.

Thực hiện Thông báo số 22 ngày 21-10-1980 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đảng bộ và chính quyền các huyện đã chỉ đạo cơ sở làm thử khoán sản phẩm đối với cây lúa. Nhiều hợp tác xã của các huyện Duy Tiên, Bình Lục, Lý Nhân, Kim Bảng, Thanh Liêm đã tiến hành tốt việc khoán sản phẩm. Đặc biệt, sau khi có Chỉ thị 100 CT/TW ngày 13-1-1981 “Về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã”, đảng bộ và chính quyền các huyện đã nhanh chóng tuyên truyền và tổ chức thực hiện. Xã viên các hợp tác xã vô cùng phấn khởi, coi đây là một phương thức hữu hiệu để thúc đẩy tính chủ động sáng tạo trong sản xuất và phân phối đưa nông nghiệp phát triển lên một bước mới thoát khỏi sự trì trệ, yếu kém. Đến hết quý I năm 1981, tất cả các hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh đã cơ bản thực hiện xong việc khoán sản phẩm cây lúa đến người lao động. Đồng thời tiến tới khoán sản phẩm cây màu và một số ngành nghề khác trong nông nghiệp. Từ đó, tinh thần làm chủ, khí thế lao động sản xuất ứng dụng kỹ thuật canh tác và sự đầu tư vào sản xuất của các hộ xã viên được tăng lên. Công tác quản lý được cải tiến một bước, các huyện và các cơ sở đã chủ động vươn lên trong chỉ đạo sản xuất và kinh doanh.

Do thực hiện chính sách khoán sản phẩm từ năm 1981 đến 1985, diện tích cây lương thực ngày càng tăng do hệ số sử dụng đất tăng từ 1,5 lên 1,76 lần. Sản lượng lương thực quy thóc năm sau cao hơn năm trước. Riêng huyện Kim Bảng tổng sản lượng lương thực trong những năm 1981-1985 tăng hơn thời kỳ 1975 - 1980 đến 50%. Nhiều huyện có năng suất bình quân trên 5 tấn/ha như các huyện Thanh Liêm, Duy Tiên. Bình quân lương thực theo đầu người đạt hơn 300kg.

Tuy nhiên, bước sang giai đoạn này sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn. Vật tư, nguyên liệu, năng lượng... thiếu trầm trọng, nguồn cung ứng từ Trung ương về ngày càng giảm. Để đảm bảo kế hoạch sản xuất, nhiều xí nghiệp và hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đã thực hiện Quyết định 25 và 26 của Hội đồng Chính phủ tiến hành chấn chỉnh bộ

máy, cải tiến quản lý, chủ động khai thác nguyên vật liệu, tận dụng phế liệu, chuyển đổi mặt hàng sản xuất... Vì vậy, về cơ bản đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Để từng bước tháo gỡ, đưa nền kinh tế đi lên, các huyện rất chú trọng công tác xuất nhập khẩu. Với các mặt hàng chủ lực là đay, lạc, tỏi, vừng, các huyện Kim Bảng, Lý Nhân, Duy Tiên... luôn hoàn thành vượt kế hoạch được giao. Hàng năm đem về giá trị xuất khẩu từ 10 đến 15 triệu đồng.

Mặc dù còn có nhiều khó khăn về đời sống vật chất, song với truyền thống của tỉnh “biết lo cái lo chung của cả nước”, nhân dân các huyện luôn làm tròn các nghĩa vụ được Trung ương giao. Những năm 1980 - 1982, bình quân lương thực nhà nước huy động của tỉnh tăng 36,1%; trọng lượng thịt lợn hơi tăng 3,5% so với 3 năm trước. Trong những năm 1983 - 1985 giá trị vật tư, hàng hoá địa phương điều về Trung ương tăng 16,2% so với 3 năm 1980 - 1982. Huyện Lý Nhân và thị xã Hà Nam dẫn đầu cả tỉnh Hà Nam Ninh về thực hiện thu ngân sách. Trong 5 năm (1980 - 1985), tỉnh đã tổ chức cho hàng nghìn người đi xây dựng các vùng kinh tế mới, vừa góp phần giải quyết vấn đề dân số trong tỉnh, vừa góp phần khai thác tiềm năng của đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sự nghiệp giáo dục được duy trì và có chuyển hướng tích cực theo mục tiêu cải cách giáo dục cơ bản. Đến năm 1985, tỉnh Hà Nam đã hoàn thành phổ cập văn hoá cấp II cho cán bộ chủ chốt xã. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên được quan tâm, việc nâng cao trình độ đại học bằng hình thức tại chức được mở rộng. Đặc biệt, với những thành tích đã đạt được trong sự nghiệp giáo dục, năm 1988 Trường cấp II Bắc Lý được Nhà nước phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động lần thứ nhất. Đây không chỉ là niềm vinh dự và tự hào của riêng nhà trường mà còn là niềm vinh dự của ngành giáo dục, của đảng bộ và nhân dân Hà Nam.

Ngành y tế của tỉnh duy trì và đẩy mạnh, cuộc vận động thực hiện phong trào “5 dứt điểm” về y tế. Hai huyện Bình Lục, Duy Tiên được Bộ Y tế công nhận là địa phương hoàn thành “5 dứt điểm”. Toàn tỉnh đã thực hiện việc “Đông Tây y kết hợp” có hiệu quả trong công tác khám và chữa bệnh. Huyện Lý Nhân đạt doanh thu trên 6 triệu đồng về sản xuất chế biến dược liệu phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân.

Các hoạt động văn hoá, thông tin, văn học nghệ thuật, phát thanh, truyền thanh, sáng tác, xuất bản báo chí đã có bước tiến bộ trong việc hướng về cơ sở, phục vụ cơ sở, nhạy bén với cái mới, đáp ứng nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Năm 1983, Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ III. Đại hội vạch ra phương hướng nhiệm vụ chính trị nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội V của Đảng, đồng thời kiện toàn tổ chức đảm bảo năng lực lãnh đạo hoàn thành nhiệm vụ đặt ra. Chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng cao. Số đảng viên có trình độ văn hoá cấp 3 tăng từ 23,8% (1982) lên 29,5% (1985), trình độ sơ cấp lý luận chính trị tăng từ 31,4% lên 37,7%; trung cao cấp chính trị chiếm 5,62%. Số đảng bộ, chi bộ cơ sở đạt tiêu chuẩn vững mạnh, trong sạch từ 23,51% năm 1982 đã tăng lên 49,64% năm 1985. Đó là những nhân tố cơ bản đảm bảo sự phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

## **II. HÀ NAM TRONG 15 NĂM ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC (1986 - 2000)**

### **1. Bước đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 1990)**

Mười năm (1975 - 1985) là một chặng đường đầy thử thách đối với nhân dân cả nước nói chung và với nhân dân Hà Nam nói riêng. Trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế diễn biến phức tạp, kinh tế xã hội gặp những khó khăn gay gắt, sản xuất tăng chậm, hiệu quả sản xuất chưa cao, phân phối lưu thông còn nhiều lúng túng, đời sống nhân dân còn nghèo, các hiện tượng tiêu cực xảy ra nhiều nơi, nhưng nhân dân Hà Nam đã phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, từng bước khắc phục khó khăn, phát huy thế mạnh, đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Tháng 10 năm 1986, Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ IV đã tập trung trí tuệ, thảo luận đánh giá đúng thực trạng của địa phương, đề ra phương hướng và nhiệm vụ cơ bản của tỉnh trong giai đoạn 1986 - 1990 là:

“- Từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên cơ sở ổn định và phát triển sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, đồng thời chú trọng phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nâng cao năng suất, hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng nhanh xuất nhập khẩu, mở rộng liên kết, hợp tác và triệt để thực hiện tiết kiệm. Hình thành cơ cấu kinh tế và xác định cơ cấu đầu tư hợp lý từ tỉnh đến cơ sở.

- Tiếp tục hoàn chỉnh, xây dựng, tăng cường quản lý, khai thác và đưa vào sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất và đời sống, nhất là cho thâm canh nông nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hàng hoá xuất khẩu. Biện pháp quan trọng là phải đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất cùng với việc củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa cần hình thành và thực hiện cơ chế quản lý mới. Tập trung cố gắng giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, ổn định đời sống nhân dân”<sup>(1)</sup>.

Đường lối phát triển kinh tế - xã hội mà Đại hội lần thứ IV Đảng bộ Hà Nam Ninh đề ra trong giai đoạn 1986 - 1990 được tăng thêm nguồn sức mạnh bởi sự thành công của Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI.

Tháng 12 năm 1986, Đại hội toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI đã làm việc với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nghiêm khắc chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm. Đại hội VI đã vạch ra đường lối đổi mới quyết tâm đưa đất nước tiến lên.

Những nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Đại hội tỉnh Đảng bộ Hà Nam Ninh lần thứ IV thực sự là kim chỉ nam, nguồn động lực to lớn để nhân dân Hà Nam vượt qua nhiều thử thách gay go quyết liệt, từng bước đưa công cuộc đổi mới vào cuộc sống.

Trong thực hiện kế hoạch 5 năm (1986 - 1990) trên lĩnh vực kinh tế, do xác định “nông nghiệp là mặt trận hàng đầu”, nên tất cả các huyện thị của Hà Nam đều chú trọng đầu tư mọi nguồn lực cho nông nghiệp nhằm tạo nên bước chuyển biến mạnh mẽ về cơ chế quản lý và tổ chức lao động. Nền nông nghiệp nước ta thực sự chuyển biến từ khi thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI (tháng 10-1988) “Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp”. Năng lực sản xuất nông nghiệp từng bước được giải phóng, tạo ra những động lực mới cho sản xuất. Cùng với kinh tế tập thể là trụ cột, kinh tế hộ xã viên được khẳng định, đã góp phần thúc đẩy nông nghiệp phát triển và xây dựng nông thôn mới. Với đường lối chủ trương phát triển nông nghiệp theo hướng thâm canh, chuyên canh và toàn diện, tập trung vào thâm canh lúa - nhất là vụ lúa chiêm xuân, các huyện, xã của Hà Nam tiếp tục cùng

1. Văn kiện Đại hội đại biểu tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ IV, tháng 10-1986.

cổ, mở rộng vùng thâm canh. Đặc biệt, các hợp tác xã đã chú trọng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, được khuyến khích nhất là đổi mới cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, kết hợp với việc áp dụng các biện pháp thâm canh, xen canh, đa dạng hoá các loại cây trồng, vật nuôi.

Trong những năm 1986 - 1990, tuy thời tiết không thuận, thiên tai thường xảy ra, sâu bệnh phát triển, nhưng nhờ có nhiều chủ trương, chính sách điều chỉnh sát hợp với tình hình thực tế, nên đã tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân nâng cao năng suất, hiệu quả lao động và tính làm chủ của mình trên diện tích được giao. Do vậy, sản xuất nông nghiệp của địa phương đã đạt được những thành tựu rất đáng tự hào.

Trong sản xuất lương thực, cây lúa được coi là quan trọng nhất đối với các huyện, thị. Diện tích gieo trồng ngày càng được mở rộng. Huyện Duy Tiên nếu trong năm 1985, diện tích canh tác là 12.702 ha thì đến 1988 là 12.850 ha; huyện Bình Lục năm 1985 là 24.298 ha đến 1990 là 24.930 ha. Năm 1988, thị xã Hà Nam có 773 ha; huyện Kim Bảng: 16.676 ha... Do việc mở rộng diện tích, sản lượng lương thực tăng lên đáng kể. Đến cuối năm 1989, sản lượng lương thực của huyện Bình Lục là 71.055 tấn, huyện Duy Tiên: 53.91 tấn, huyện Kim Bảng: 39.000 tấn, huyện Lý Nhân: 43.600 tấn, thị xã Hà Nam: 1800 tấn, huyện Thanh Liêm: 47.675 tấn. Năng suất trồng trọt ngày càng cao đã góp phần đưa sản lượng lương thực của cả tỉnh Hà Nam Ninh vượt con số 1 triệu tấn trong năm 1989.

Bên cạnh cây lúa là chủ đạo, các cây lương thực khác như ngô, khoai cũng không ngừng được coi trọng phát triển, tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Huyện Kim Bảng có diện tích ngô là 1.300 ha, huyện Duy Tiên có 4.100 ha, đạt sản lượng 8.660 tấn (ngô 3660 ha, sản lượng 1.400 tấn; khoai tây 800 ha, sản lượng 2.600 tấn...). Vì vậy, mặc dù dân số tăng nhưng lương thực bình quân đầu người huyện Bình Lục vẫn đạt mức cao là 403kg/người.

Đi đôi với việc trồng cây lương thực, các cây công nghiệp cũng được phát triển, tạo ra những nét mới trong thay đổi cơ cấu cây trồng: huyện Duy Tiên có diện tích 200 ha trồng mía, 600 ha đay, 113 ha lạc, 55 ha đậu tương. Huyện Lý Nhân có 523 ha mía, thị xã Hà Nam có 80 ha lạc v.v... Năng suất và sản lượng cây công nghiệp đều tăng, góp phần tăng thêm nguồn hàng xuất khẩu để từ đó tăng nguồn thu ngân sách xây dựng địa phương và tăng thu nhập cho người lao động.



Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, các cấp uỷ Đảng và chính quyền các huyện đã chỉ đạo cơ sở không chỉ chuyển dịch cơ cấu cây trồng mà còn khuyến khích phát triển vật nuôi, đưa chăn nuôi trở thành một ngành sản xuất chính phù hợp với nền kinh tế hàng hoá. Năm 1988, huyện Duy Tiên có tổng đàn lợn 32.000 con (trong đó lợn thịt là 26.640 con), đàn trâu có 3.500 con, đàn bò có 2.600 con; huyện Bình Lục năm 1990 có tổng đàn lợn là 54.734 con, 4.150 con trâu, 4.924 con bò; huyện Kim Bảng năm 1989 có 29.000 con lợn, 2.500 con trâu, 2.500 con bò; thị xã Hà Nam có 3.802 con lợn, 301 con trâu, bò; huyện Lý Nhân có 40.000 con lợn v.v...<sup>(1)</sup>. Ngoài ra chăn nuôi gà, vịt..., nuôi cá cũng đạt nhiều hiệu quả. Năng suất, chất lượng các loài gia súc, gia cầm ngày càng cao và ổn định, góp phần làm thay đổi cơ cấu vật nuôi trong chăn nuôi ở vùng nông thôn.

Trong quá trình chuyển đổi cơ chế từ quan liêu bao cấp sang hạch toán kinh doanh, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp có nhiều biến đổi nhưng cũng đã có được những chuyển biến tích cực. Từ năm 1988, các xí nghiệp quốc doanh, hợp tác xã thủ công nghiệp đều tiến hành sắp xếp lại sản xuất, đổi mới quản lý, công nghệ, hướng mục tiêu sản xuất vào phục vụ 4 chương trình kinh tế là lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Một số mặt hàng mới như máy xe, thịt đông lạnh, bia, may mặc, hàng thủ công mỹ nghệ... chiếm lĩnh dần dần thị trường, từng bước làm thay đổi mặt hàng công nghiệp. Bên cạnh đó, các hình thức liên doanh, hợp tác liên kết trong sản xuất giữa công nghiệp trung ương, công nghiệp địa phương và hợp tác xã thủ công nghiệp đã có nhiều chuyển biến tốt, giải quyết việc làm, góp phần làm tăng sản phẩm cho xã hội, ổn định đời sống người lao động.

Kinh tế ngoài quốc doanh đã có bước phát triển ban đầu, thu hút được nhiều lao động, sản xuất được nhiều mặt hàng phục vụ sản xuất và đời sống, góp phần làm tăng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp địa phương. Năm 1987, giá trị tổng sản lượng tiểu thủ công nghiệp của các huyện đều đạt và vượt mức kế hoạch, thấp nhất là huyện Kim Bảng cũng đạt 108,23%, cao nhất là huyện Duy Tiên đạt 138,44%. Năm 1988 giá trị tổng sản lượng tiểu thủ công nghiệp của các huyện, thị đạt 376.983.000 đồng, đến 1989 đã lên tới 593.715.000 đồng. Có được thành tựu đó là do các cơ sở đã áp dụng nhiều tiến

1. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch các năm 1986 đến 1990 của các huyện Duy Tiên, Bình Lục, thị xã Hà Nam, Kim Bảng, Lý Nhân, Thanh Liêm...

bộ khoa học kỹ thuật, phát huy sáng kiến, tiết kiệm vật tư, nguyên liệu sản xuất, đa dạng hoá các mặt hàng như: phương pháp cải tiến sàng rung rửa đá granito của Hợp tác xã Trường Thành, cắt ống sợi khô của Hợp tác xã Hồng Thái..., các mặt hàng mới như xẻ gỗ ván sàn, kẹo vùng xốp, rượu xuất khẩu, bia Phú Lý..., đã có chỗ đứng trên thị trường. Trong thời gian này đã xuất hiện một mô hình liên kết sản xuất mới là sự kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp mà nòng cốt là các hợp tác xã thủ công nghiệp song mây Thống Nhất, hợp tác xã Dệt thảm Đông Tâm (huyện Duy Tiên), hợp tác xã cơ khí dũa An Đổ (huyện Bình Lục). Do có trình độ kỹ thuật cao, Hợp tác xã song mây Thống Nhất đã được tín nhiệm giao tái tạo, phục chế toàn bộ trang trí nội thất bằng mây ở nhà sàn của Bác Hồ tại Phủ Chủ tịch.

Chương trình hàng xuất khẩu trong điều kiện thị trường có nhiều biến động phức tạp, nhất là thị trường truyền thống tại các nước xã hội chủ nghĩa bị thu hẹp, nhưng hoạt động ngoại thương đã vượt qua những khó khăn, cố gắng tìm kiếm, mở rộng thị trường để đẩy mạnh kinh doanh xuất nhập khẩu. Một số sản phẩm tăng khá như áo dệt kim, hàng thêu, khăn tắm, khoai tây, lạc. Nhưng một số mặt hàng truyền thống lại bị giảm như long nhãn, dứa tươi. Hàng nhập khẩu đã góp phần quan trọng vào việc cân đối một số vật tư, hàng hoá phục vụ sản xuất, đời sống của nhân dân. Năm 1988, giá trị hàng xuất khẩu của huyện Bình Lục chẳng hạn, đạt hơn 132 triệu đồng.

Từ năm 1988 trở về trước, thương nghiệp quốc doanh đã góp phần đáp ứng yêu cầu hàng hoá của xã hội. Thực hiện đổi mới cơ chế kinh tế, từ năm 1987, Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh đã ra nghị quyết về chuyển hoạt động thương nghiệp quốc doanh sang hạch toán kinh doanh theo cơ chế thị trường, gắn với việc sắp xếp lại tổ chức thương nghiệp. Nhưng do chịu ảnh hưởng sâu nặng của thời kỳ bao cấp, thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán vẫn chưa thích nghi được với cơ chế kinh tế nhiều thành phần, nhiều đơn vị bị thua lỗ kéo dài, không còn đủ khả năng hoạt động đã phải giải thể.

Trong khi đó, thương nghiệp tư nhân phát triển, chiếm lĩnh phần lớn khâu bán lẻ và cả một phần khâu bán buôn, do vậy mà tỷ trọng thương nghiệp ngoài quốc doanh trong tổng mức bán lẻ xã hội từ 52% năm 1985 đã tăng lên 68,3% năm 1991.

Hoạt động tài chính, ngân hàng bước đầu đã chuyển theo cơ chế mới, cố gắng tạo thêm nguồn thu cho ngân sách và huy động các nguồn vốn, nhất là vốn

tiết kiệm trong dân cư, để đầu tư cho mục tiêu kinh tế-xã hội, đảm bảo các yêu cầu chi thiết thực cần thiết, góp phần khống chế lạm phát chung.

Đầu tư xây dựng cơ bản được tập trung cho 4 chương trình kinh tế-xã hội, trong đó chú trọng đầu tư cho những công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp như xây dựng các trạm bơm và tăng cường thiết bị cho hệ thống các trạm bơm lớn. Đồng thời, tỉnh cũng tập trung đầu tư khai thác khu kinh tế mới, mở rộng mạng lưới điện, xây dựng các xí nghiệp繻 tơ, se đay, may mặc... Đầu tư củng cố, xây dựng kết cấu hạ tầng về giao thông và các công trình phúc lợi cũng được tỉnh đặc biệt chú ý. Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, trong năm 1988, các huyện Thanh Liêm, Kim Bảng, Bình Lục, thị xã Hà Nam và một số xã của các huyện Lý Nhân và Duy Tiên được ngành giao thông vận tải Hà Nam Ninh công nhận và khen ngợi đã làm tốt giao thông nông thôn<sup>1)</sup>.

Công tác an ninh và quốc phòng được giữ vững, tạo ra sức mạnh tổng hợp để giữ gìn an ninh và bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN. Thực hiện Chỉ thị 135 của Hội đồng Bộ trưởng, Hà Nam đã liên tục mở nhiều đợt phát động phong trào quần chúng phòng ngừa, tấn công tội phạm, lấy lực lượng công an, bộ đội làm nòng cốt nên trật tự an toàn xã hội có bước chuyển biến; xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến, nhiều gương chiến đấu dũng cảm trong lực lượng công an và nhân dân.

Về công tác quốc phòng, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và của Quân khu III, đảng bộ và chính quyền đã xây dựng và triển khai kế hoạch “Xây dựng tỉnh Hà Nam Ninh thành khu vực phòng thủ vững chắc”. Các cuộc diễn tập quân sự hàng năm của lực lượng vũ trang đều đạt kết quả tốt. Qua thực tế hoạt động, đảng bộ có thêm nhiều kinh nghiệm trong xây dựng và chống phá chiến tranh nhiều mặt của các thế lực thù địch. Nhờ đó, thế trận chiến tranh nhân dân ở địa phương được củng cố và giữ vững.

Những thành tựu bước đầu trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng đã đem lại sự khởi sắc mới trên các lĩnh vực kinh tế-xã hội ở địa phương. Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp từng bước bị xóa bỏ, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư có sự chuyển biến theo hướng tập trung vào 4 chương trình kinh tế xã hội mà Đảng và Chính phủ đề ra. Các hoạt động khoa học kỹ thuật, văn hoá, xã hội, y tế được

---

1. Báo cáo của Sở Giao thông vận tải Hà Nam Ninh năm 1988.

đẩy mạnh. Đời sống nhân dân ổn định và từng bước được cải thiện. Những thành tựu đạt được, tạo tiền đề hết sức quan trọng cho nhân dân trong tỉnh tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội trong giai đoạn tiếp theo.

## **2. Phát huy thắng lợi bước đầu, hoàn thành các mục tiêu kinh tế-xã hội (1991 - 1996)**

Sau 5 năm (1986 - 1990), thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra, đảng bộ và nhân dân Hà Nam Ninh nói chung và Hà Nam nói riêng đã giành được những thành tựu đáng tự hào và cũng rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quý báu trên con đường đưa sự nghiệp đổi mới vào cuộc sống.

Năm 1991 - năm mở đầu kế hoạch 5 năm (1991 - 1995), chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII cũng là năm Quốc hội quyết định chia tách tỉnh Hà Nam Ninh thành hai tỉnh: Nam Hà và Ninh Bình.

Ngày 26-12-1991, tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII đã phê chuẩn Nghị quyết tách *tỉnh Hà Nam Ninh thành hai tỉnh Nam Hà và Ninh Bình*. Sau 16 năm sát nhập, đến đây, ngày 1-4-1992, tỉnh Nam Hà bao gồm Hà Nam và Nam Định lại trở về nguyên trạng như trước năm 1976.

Sau khi hoàn thành việc chia tách tỉnh, mọi hoạt động đi dần vào ổn định, từ ngày 10 đến ngày 12-8-1992, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ VIII được tổ chức tại thành phố Nam Định.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ VIII đã thông qua báo cáo chính trị và những mục tiêu kinh tế - xã hội trong thời gian tới và đã định ra phương hướng, nhiệm vụ như sau: *"Tiếp tục thực hiện đổi mới toàn diện các hoạt động kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VII nhằm phát huy cao độ truyền thống cách mạng đoàn kết, phấn đấu, tập trung khai thác tiềm năng của tỉnh, giải phóng triệt để mọi năng lực sản xuất, đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện gắn với công nghiệp chế biến là nhiệm vụ hàng đầu làm cơ sở cho phát triển công nghiệp và xuất khẩu"*<sup>1)</sup>.

1. Văn kiện Đại hội đại biểu tỉnh Hà Nam lần thứ VIII, tháng 8-1992.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ VIII, từ 1992 đến năm 1996, các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân Hà Nam đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, vươn lên giành những thắng lợi mới trong thời kỳ mới.

Do nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò sản xuất nông nghiệp của địa phương có gần 90% dân số là nông dân và quyết tâm đẩy mạnh công cuộc đổi mới của Đảng, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã tập trung lãnh đạo và tổ chức phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, kiên quyết chỉ đạo đổi mới quản lý nông nghiệp. Từ 1992, khi Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh ra Quyết định số 115/QĐ-UB thực hiện giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân đã tạo ra một động lực mới trong sản xuất nông nghiệp. Do có chủ trương và biện pháp đúng đắn, phù hợp với tâm tư nguyện vọng của người nông dân cho nên trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, Hà Nam luôn đạt mức tăng trưởng khá và tương đối toàn diện. Đặc biệt là sản xuất lương thực có tốc độ tăng nhanh cả về diện tích, năng suất và sản lượng.

Năm 1991, toàn tỉnh Nam Hà có tổng diện tích lúa là 223.867 ha, năng suất đạt 64 tạ/ha, sản lượng đạt 721.282 tấn, trong đó vùng Hà Nam có 38.065 ha chiếm hơn 17% diện tích toàn tỉnh; năng suất đạt 46,16 tạ/ha, sản lượng đạt 172.702 tấn (chiếm hơn 23%).

Về chăn nuôi, chỉ tính riêng đàn lợn, tỉnh Nam Hà có 548.400 con, trong đó vùng Hà Nam có 188.800 con, chiếm 34,4%<sup>(1)</sup>.

Thành tích của các huyện, thị trên lĩnh vực nông nghiệp như bảng sau đây:

Số TT	Huyện thị	Diện tích trồng lúa	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Chăn nuôi lợn (con)
1	TX. Hà Nam	251	46,02	994	4.000
2	Bình Lục	10.974	47,84	52.676	50.900
3	Duy Tiên	6.559	53,56	34.865	28.800
4	Kim Bảng	6.180	41,30	25.678	33.000
5	Lý Nhân	6.910	41,48	28.791	29.400
6	Thanh Liêm	6.561	46,76	29.698	44.600

1. Cục Thống kê tỉnh Hà Nam - Số liệu năm 1991, 1992.

Trong năm 1992 là năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ VIII, sản xuất lương thực và chăn nuôi của Hà Nam đã có chuyển biến vượt bậc.

Toàn tỉnh đã gieo trồng 228.961 ha lúa, năng suất đạt 8,2 tấn/ha, sản lượng đạt 943.950 tấn; trong đó vùng Hà Nam có sản lượng 248.648 tấn (chiếm gần 26,5%), năng suất đạt 6,389 tạ/ha. Vượt kế hoạch thấp nhất là thị xã Hà Nam cũng đạt 136,6%, cao nhất là huyện Duy Tiên đạt 150%. Đàn lợn cả năm của Nam Hà có 572.500 con, trong đó vùng Hà Nam có 198.600 con, chiếm 24,7%<sup>(1)</sup>.

Cụ thể như sau:

STT	Huyện thị	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Chăn nuôi lợn (con)
1	TX. Hà Nam	63,36	1.378	4.300
2	Bình Lục	68,00	75.973	52.100
3	Duy Tiên	69,82	52.617	28.600
4	Kim Bảng	58,88	36.428	33.300
5	Lý Nhân	64,68	41.335	45.100
6	Thanh Liêm	58,60	40.917	35.200

Trong các năm tiếp theo, sản xuất nông nghiệp luôn có mức tăng trưởng cao: huyện Lý Nhân năm 1994 tuy vụ mùa bị thiên tai, 100% diện tích lúa bị úng, 56,5% bị ngập trắng, nhưng sản lượng lúa cả năm vẫn đạt 45.202 tấn, đàn lợn có 50.300 con; huyện Thanh Liêm đạt sản lượng 36.960 tấn, đàn lợn có 36.000 con; riêng huyện Bình Lục từ 1991 đến 1995 bình quân sản lượng hàng năm đều đạt 84.909 tấn (78.522 tấn lúa). Năm 1995, sản lượng lương thực huyện Bình Lục đạt 111.609 tấn, vượt 24% kế hoạch tỉnh giao; chăn nuôi lợn đạt 69.160 con; 657 con trâu, bò. Sản lượng lương thực năm 1995 của thị xã Hà Nam là 2.285 tấn (1.794,5 tấn lúa)<sup>(2)</sup>.

Đến cuối năm 1996, trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, Hà Nam đạt giá trị tổng sản lượng là 960,84 tỷ đồng. Trong đó sản xuất lương thực đạt kết quả rất đáng tự hào. Tổng diện tích gieo trồng là 70.908,5 ha, năng suất đạt 76 tạ/ha.

1. Cục Thống kê tỉnh Hà Nam - Số liệu năm 1992.

2. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1994, 1995, 1996 của các huyện Lý Nhân, Thanh Liêm, Bình Lục, thị xã Hà Nam.

sản lượng quy ra thóc là 319.435 tấn. Bình quân lương thực đạt 402 kg/người. Ngoài lúa là chủ đạo, các cây trồng khác như ngô, đậu, lạc... đều tăng tương: Năm 1994, huyện Lý Nhân trồng được 1.200 ha ngô; khoai lang và khoai tây 800 ha; huyện Bình Lục trồng ngô đông được 850 ha, khoai lang 900 ha...<sup>(1)</sup>. Diện tích năng suất và chủng loại cây hoa màu, nhất là cây vụ đông của tất cả các huyện thị đều năm sau cao hơn năm trước. Cùng với trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng từng bước chuyển dịch sang sản xuất hàng hóa. Đàn lợn hàng năm tăng từ 3 - 5%, đàn trâu bò được giữ vững. Các diện tích ao, hồ đều được tận dụng tốt để nuôi trồng thủy sản.

Công tác thủy lợi, phòng chống lụt, bão được quan tâm. Hàng nghìn cây tre được trồng bảo vệ các tuyến đê, các công trình thủy lợi. Hàng triệu mét khối đất được đào đắp, nạo vét, hàng chục nghìn mét khối đá được dùng để kè kênh mương, bờ đê.... Chỉ tính riêng huyện Lý Nhân năm 1995 đã đào đắp, nạo vét được 16.900m<sup>3</sup> đất, 19.284m<sup>3</sup> đá kè kênh mương; huyện Thanh Liêm 187.000m<sup>3</sup>. Trong năm 1996, một công trình thủy lợi lớn của Hà Nam được đưa vào sử dụng là công trình trạm bơm Đính Xá phục vụ tưới tiêu cho vùng trọng điểm lúa Bình Lục<sup>(2)</sup>.

Trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp từ 1991 đến 1996, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về nguyên liệu, vật tư..., nhưng một số sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vẫn được giữ vững; một vài cơ sở có bước phát triển tốt. Một số mặt hàng thủ công truyền thống nổi tiếng như thêu Thanh Hà, đá Kiện Khê (huyện Thanh Liêm), dũa An Đổ (huyện Bình Lục), hàng tre đan Ngọc Động, dệt sợi Đại Thành có sản phẩm nổi tiếng cả trong và ngoài tỉnh.

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 1996 đạt 286,75 tỷ đồng. Trong đó công nghiệp trung ương đạt 19 tỷ 110 triệu, công nghiệp địa phương đạt 267.64 tỷ đồng. (Công nghiệp quốc doanh cả trung ương và địa phương đạt 71,6 tỷ đồng, công nghiệp ngoài quốc doanh đạt 215,15 tỷ). Một số huyện, thị có giá trị công nghiệp, tiểu công nghiệp như sau: huyện Bình Lục năm 1995 là 1.800 triệu, chiếm 20% tổng giá trị; huyện Thanh Liêm đạt 6.090 triệu; huyện Lý Nhân đạt 12.000 triệu đồng.

1. Báo cáo tình hình... Sđd.

2. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1995, 1996 của huyện Bình Lục, Lý Nhân, Thanh Liêm.

Trong thời gian này, xuất hiện các doanh nghiệp tư nhân (bao gồm 9 cơ sở thu hút gần 400 lao động), trong đó có một số doanh nghiệp do đảng viên đứng ra tổ chức sản xuất kinh doanh các ngành nghề thủ công, xây dựng cơ bản, vật liệu...

Do vị trí quan trọng của giao thông trong việc thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa phát triển, trong những năm 1991-1996 ở Nam Hà đã dấy lên phong trào làm đường giao thông nông thôn. Phong trào được sự đồng tình và ủng hộ của mọi tầng lớp nhân dân, do vậy chỉ trong một thời gian ngắn, các trục đường liên thôn, liên xã được cải tạo, mở rộng, nâng cấp. Năm 1995, Nam Hà được công nhận là đơn vị điển hình của toàn quốc trên lĩnh vực này: 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã; 1,5% số hộ có điện thoại. Năm 1995 thị xã Hà Nam đã cải tạo, nâng cấp nhựa hóa 6 đoạn đường chính trong nội thị, nâng cấp đường đá, ngõ nội phường, nội xã với một diện tích lên đến 21.372 m<sup>2</sup>; huyện Thanh Liêm rải đá cấp phối đường liên xã được 16.900m, đường thôn xóm được 39.700m... với tổng vốn đầu tư (năm 1995) là 2,5 tỷ đồng; huyện Lý Nhân 9 tháng đầu năm 1994 đã rải đá được 27km đường giao thông; huyện Bình Lục có 258/315 thôn, xóm đã hoàn chỉnh đường giao thông nông thôn. (Trong phong trào này, các tầng lớp nhân dân của huyện đã tích cực đóng góp được 17.920 triệu đồng, chiếm 91,8% tổng kinh phí đầu tư làm đường giao thông nông thôn của huyện)<sup>(1)</sup>.

Các hoạt động thương mại, dịch vụ, xây dựng cơ bản, tài chính, ngân hàng cũng có những tiến bộ đáng kể. Trong năm 1996 đã đầu tư 365 tỷ đồng xây dựng cơ bản. Huy động vốn đạt 95 tỷ, đầu tư tín dụng đạt 388 tỷ. Do đó, các công trình trọng điểm, kết cấu hạ tầng được xây dựng đã và đang phát huy tác dụng tạo đà cho những bước phát triển tiếp theo.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo có bước phát triển mới cả về quy mô và chất lượng. Hà Nam luôn giữ vững và phát huy được truyền thống hiếu học, “dạy tốt và học tốt”. Năm 1994 - 1995, sự nghiệp giáo dục - đào tạo ở Hà Nam đã góp phần đáng kể vào thành tích chung của tỉnh, đưa ngành giáo dục - đào tạo của Nam Hà trở thành đơn vị dẫn đầu toàn quốc về các chỉ tiêu thi đua, là lá cờ đầu toàn ngành, nhiều năm liền là đơn vị dẫn đầu ngành giáo dục toàn quốc. Số người đi học bình quân mỗi năm tăng 4,6%, đã hoàn thành phổ cập giáo dục

---

1. Báo cáo của Sở Giao thông vận tải tỉnh Nam Hà năm 1995 và của các huyện Lý Nhân, Bình Lục, thị xã Hà Nam, Thanh Liêm năm 1995.



tiểu học. Việc xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường và công tác xã hội hóa giáo dục được cấp ủy, chính quyền và nhân dân quan tâm, đồng tình thực hiện. Ở Hà Nam, huyện Thanh Liêm có 60% số xã có trường cao tầng; xây dựng mới trường Phổ thông trung học Lý Nhân; thị xã Phủ Lý đầu tư 300 triệu đồng xây dựng thêm 8 phòng học cao tầng...<sup>(1)</sup>.

Công tác quốc phòng, an ninh được các cấp ủy Đảng, chính quyền chú trọng. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng cho mọi tầng lớp nhân dân được đẩy mạnh. Các mô hình tự quản được xây dựng như: phong trào tự quản ở các cơ quan, xí nghiệp; phong trào “thôn xóm bình yên, gia đình hòa thuận” ở nông thôn, “xứ họ đạo và gia đình giáo dân tiên tiến” (ở vùng công giáo) được xây dựng và phát triển. Với tất cả những cố gắng trong lĩnh vực quốc phòng an ninh nên trong những năm qua, mặc dù các thế lực thù địch và các phần tử xấu tăng cường hoạt động, cùng với tác động mặt trái của cơ chế thị trường làm nảy sinh nhiều phức tạp, nhưng an ninh chính trị vẫn được giữ vững, trật tự an toàn xã hội có chuyển biến tiến bộ, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bốn năm liên tục xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội theo đường lối đổi mới của Đảng đã tạo ra những thuận lợi cơ bản để Hà Nam tiếp tục tiến lên. Nhưng trên con đường đó cũng bộc lộ nhiều khó khăn, bất cập... Tiềm năng của tỉnh chưa được khơi dậy, thiếu sự năng động để thúc đẩy kinh tế phát triển, tình hình kinh tế nhìn chung vẫn còn sức ỳ lớn, đặc biệt là chưa tạo được những ngành công nghiệp mũi nhọn cho địa phương.

Cơ cấu kinh tế chuyển biến chậm, công nghiệp và xây dựng mới chiếm 19% GDP, ngành nghề thủ công truyền thống đứng trước khó khăn gay gắt. Trong nông nghiệp, tỷ trọng chăn nuôi mới đạt xấp xỉ 30% giá trị, tỷ xuất hàng hóa thấp. Thương mại quốc doanh trong sự cạnh tranh của cơ chế thị trường đã bộc lộ rõ sự yếu kém, tốc độ tăng trưởng GDP chậm, chưa ổn định...

Tuy vậy, với tinh thần kiên trì, tự lực phấn đấu, quyết tâm đưa đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước vào cuộc sống, đảng bộ và nhân dân Hà Nam đã tạo bước chuyển biến quan trọng về kinh tế-xã hội, đời sống nhân dân được cải thiện, nâng cao. Cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng được đầu tư

---

1. Báo cáo của Sở Giao thông vận tải tỉnh Nam Hà năm 1995 và của các huyện Lý Nhân, Bình Lục, thị xã Hà Nam, Thanh Liêm năm 1995.

xây dựng, nông thôn Hà Nam đang khởi sắc... Những thành tựu đạt được trong 4 năm qua đã tạo ra thế và lực để quân và dân Hà Nam tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng trong những năm cuối của thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI.

### **3. Tỉnh Hà Nam được tái lập và tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới, phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1997 - 2000)**

Qua hơn 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, cùng với cả nước, Hà Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Nền kinh tế của tỉnh đã thoát khỏi khủng hoảng, đi vào ổn định và có hướng phát triển tốt. Quan hệ sản xuất được củng cố, lực lượng sản xuất phát triển. Đặc biệt sản xuất nông nghiệp có bước tiến nhảy vọt về năng suất, tổng sản lượng... Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Những kết quả đó khẳng định đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng chính là sức mạnh để các cấp bộ Đảng, quân dân Hà Nam vững bước vào thời kỳ cách mạng mới: Thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đã đề ra.

Để thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã tiến hành cải cách nền hành chính, phát huy dân chủ, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của chính quyền địa phương. Tại kỳ họp thứ 10 ngày 6-11-1996, Quốc hội khóa IX đã ra Nghị quyết phê chuẩn *tách tỉnh Nam Hà thành 2 tỉnh Nam Định và Hà Nam*. Như vậy là sau 32 năm hợp nhất, ngày 1-1-1997, tỉnh Hà Nam được tái lập. Đây là một sự kiện quan trọng đối với Đảng bộ và quân dân trong tỉnh, mở ra một thời kỳ phát triển mới với nhiều thuận lợi và cũng không ít khó khăn.

*Thuận lợi.* Hà Nam nằm ở phía Nam thủ đô Hà Nội, có trục đường giao thông Bắc - Nam chạy qua, mở rộng giao lưu, hợp tác với các vùng, các trung tâm kinh tế lớn của đất nước, thuận lợi cho phát triển kinh tế-xã hội. Đất đai của tỉnh đa dạng, có đồng bằng, bãi bồi, đồi núi thuận tiện cho phát triển sản xuất nông nghiệp với nhiều loại sản phẩm. Tài nguyên tương đối phong phú đặc biệt là đá vôi và đất sét với trữ lượng hàng tỷ mét khối. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Trải qua ngót 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân từng bước được nâng cao, tình hình an ninh chính trị được giữ vững. Đó là

động lực quan trọng để xây dựng Hà Nam thành một tỉnh giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, an ninh cùng cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

*Khó khăn.* Hà Nam là tỉnh thuần nông thuộc địa bàn vùng chiêm trũng, công nghiệp địa phương còn nhỏ bé; thương mại, xuất khẩu, dịch vụ du lịch chưa phát triển. Xuất phát điểm về kinh tế rất thấp. Kết cấu hạ tầng bị chiến tranh tàn phá nhiều lần, chỉ mới được đầu tư xây dựng. Trong khi đó nguồn thu chủ lực chưa có, nguồn thu ngân sách rất nhỏ bé. Khi tách tỉnh, lực lượng cán bộ từ tỉnh Hà Nam chuyển về vừa thiếu về số lượng, vừa mất cân đối về cơ cấu, nhiều cơ quan, ban, ngành, đoàn thể không có cán bộ chủ chốt; trong các ngành kinh tế - kỹ thuật thiếu cán bộ khoa học, cán bộ quản lý có kinh nghiệm.

Trước những khó khăn và thuận lợi đó, kế thừa và phát huy thành quả 32 năm hợp nhất với Nam Định, Ninh Bình, đảng bộ và nhân dân Hà Nam phát huy truyền thống cách mạng, niềm tự hào quê hương đã nêu cao tinh thần làm chủ, tập trung khai thác tiềm năng, thế mạnh, khắc phục khó khăn vươn lên hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Sau Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành lâm thời đảng bộ tỉnh, ngày 3-7-1998 Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XV được tổ chức tại thị xã Phủ Lý. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 39 đồng chí. Đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Trung ương Đảng được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ của tỉnh trong giai đoạn đến năm 2000 là: “Tiếp tục tập trung đẩy mạnh và phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng thâm canh, tăng vụ, tăng nhanh nông sản hàng hóa. Đảm bảo vững chắc về lương thực cho người và các nhu cầu khác. Khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, đặc biệt là nguồn tài nguyên đá vôi và đất sét được tập trung liên hoàn ở phía tây của tỉnh.

Tăng cường đầu tư phát triển mạnh công nghiệp sản xuất và chế biến vật liệu xây dựng, vì đây là ngành công nghiệp chủ lực, cổ tính chất mũi nhọn trước mắt cũng như lâu dài. Đồng thời phát triển công nghiệp dệt, may, chế biến nông sản xuất khẩu, công nghiệp cơ khí, tiểu thủ công nghiệp, mở rộng làng nghề. Tích cực thu hút đầu tư từ các nguồn liên doanh, liên kết, hợp tác trong và ngoài nước. Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, thương mại, du lịch, xuất nhập khẩu có

hiệu quả. Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng: Tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong GDP. Phát triển lực lượng sản xuất, đi đôi với củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý Nhà nước. Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giữ gìn, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa của dân tộc, của quê hương. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân và khu vực phòng thủ vững chắc. Phấn đấu đưa Hà Nam thành một tỉnh giàu mạnh văn minh<sup>(1)</sup>.

Đại hội đã xác định một số mục tiêu cơ bản cần phấn đấu đến năm 2000 như sau:

- Tăng trưởng kinh tế GDP bình quân đạt 14%/năm.
- Thu nhập bình quân GDP đầu người năm 2000 đạt 3,3 triệu đồng.
- Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng bình quân 4,5%/năm.
- Bình quân lương thực ổn định 450 kg/người.
- Giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 29%/năm.
- Doanh số thương mại, dịch vụ tăng bình quân 15%/năm.
- Giá trị hàng xuất khẩu tăng 30%/năm...<sup>(2)</sup>

Trong lĩnh vực kinh tế, nhất là sản xuất lương thực, Hà Nam luôn giành được những thành tựu đặc biệt. Từ năm 1997 đến 2000, Hà Nam luôn được mùa lớn, năm sau cao hơn năm trước. Năng suất năm cao nhất bình quân cả tỉnh đạt 10,2 tấn/ha; sản lượng lương thực quy ra thóc đạt 424 ngàn tấn; bình quân lương thực đầu người đạt 530 kg/năm. Từ một tỉnh thiếu lương thực đến nay Hà Nam đã đủ lương thực tiêu dùng, có dự trữ, đảm bảo an ninh lương thực, có sản phẩm hàng hóa và tham gia xuất khẩu. Chương trình sản xuất giống lúa lai thay thế nhập ngoại đã góp phần chuyển đổi mạnh cơ cấu giống và tăng năng suất.

---

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XV tháng 7-1998, tr. 51.

2. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XV và Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1997 và các năm 1998, 1999, 2000 của UBND tỉnh Hà Nam.

**Một số thành tựu trong nông nghiệp từ 1997 đến 2000:**

Phân loại	1997	1998	1999	2000
Tổng diện tích gieo trồng (ha)	73.633,00	74.332,00	99.325,00	99.900,00
Sản lượng lương thực quy thóc (tấn)	371.436,00	399.743,00	424.300,00	413.000,00
Năng suất (tạ/ha)	93,32	97,84	102,00	102,31
Bình quân lương thực, (kg/người/năm),	451,00	480,80	505,00	530,00
- Lợn (con)	246.850,00	251.628,00	268.000,00	278.000,00
- Bò (con)	.....		21.934,00	27.500,00

Trên lĩnh vực sản xuất lương thực, các huyện trong tỉnh thể hiện rõ vai trò chủ động và sáng tạo của mình, tận dụng tối đa nguồn đất trồng trọt, huy động và phát huy quyền làm chủ của người lao động trong sản xuất... Vì thế đã tạo nên những bước phát triển vững chắc và những thành quả quan trọng.

Từ năm 1996 đến 2000, tất cả các huyện đều hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, trong đó 3 huyện Bình Lục, Lý Nhân, Duy Tiên là những huyện tiêu biểu của Hà Nam trên lĩnh vực sản xuất lương thực (tính bình quân từ 1996 đến 2000)<sup>1)</sup>:

Phân loại	Bình Lục	Duy Tiên	Lý Nhân
Sản lượng lương thực (tấn)	94.073	81.356	75.215
Năng suất (tạ/ha)	106,30	103,32	105,0
Bình quân (kg/người/năm)	670,00	592	405

Ngoài cây lúa là chủ đạo, các huyện đều đẩy mạnh trồng các loại hoa màu khác như ngô, khoai lang, đậu, lạc, đỗ tương, khoai tây... Các loại cây trồng này không chỉ tăng thêm nguồn lương thực cho người, thức ăn cho gia súc mà còn là một nguồn hàng hóa quan trọng để trao đổi và xuất khẩu, góp phần làm cho nông nghiệp phát triển vững chắc và toàn diện. Năm 1998, huyện Bình Lục trồng được 2.350 ha cây vụ đông; huyện Kim Bảng thu hoạch được số màu quy ra thóc: 13.346 tấn, lạc vỏ: 819 tấn, đậu tương: 549 tấn...

1. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1996 - 2000 của các huyện Bình Lục, Duy Tiên và Lý Nhân.

hiệu quả. Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng: Tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong GDP. Phát triển lực lượng sản xuất, đi đôi với củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý Nhà nước. Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giữ gìn, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa của dân tộc, của quê hương. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân và khu vực phòng thủ vững chắc. Phấn đấu đưa Hà Nam thành một tỉnh giàu mạnh văn minh"<sup>(1)</sup>.

Đại hội đã xác định một số mục tiêu cơ bản cần phấn đấu đến năm 2000 như sau:

- Tăng trưởng kinh tế GDP bình quân đạt 14%/năm.
- Thu nhập bình quân GDP đầu người năm 2000 đạt 3,3 triệu đồng.
- Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng bình quân 4,5%/năm.
- Bình quân lương thực ổn định 450 kg/người.
- Giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 29%/năm.
- Doanh số thương mại, dịch vụ tăng bình quân 15%/năm.
- Giá trị hàng xuất khẩu tăng 30%/năm...<sup>(2)</sup>

Trong lĩnh vực kinh tế, nhất là sản xuất lương thực, Hà Nam luôn giành được những thành tựu đặc biệt. Từ năm 1997 đến 2000, Hà Nam luôn được mùa lớn, năm sau cao hơn năm trước. Năng suất năm cao nhất bình quân cả tỉnh đạt 10,2 tấn/ha; sản lượng lương thực quy ra thóc đạt 424 ngàn tấn; bình quân lương thực đầu người đạt 530 kg/năm. Từ một tỉnh thiếu lương thực đến nay Hà Nam đã đủ lương thực tiêu dùng, có dự trữ, đảm bảo an ninh lương thực, có sản phẩm hàng hóa và tham gia xuất khẩu. Chương trình sản xuất giống lúa lai thay thế nhập ngoại đã góp phần chuyển đổi mạnh cơ cấu giống và tăng năng suất.

---

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XV tháng 7-1998, tr. 51.

2. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XV và Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1997 và các năm 1998, 1999, 2000 của UBND tỉnh Hà Nam.

**Một số thành tựu trong nông nghiệp từ 1997 đến 2000:**

Phân loại	1997	1998	1999	2000
Tổng diện tích gieo trồng (ha)	73.633,00	74.332,00	99.325,00	99.900,00
Sản lượng lương thực quy thóc (tấn)	371.436,00	399.743,00	424.300,00	413.000,00
Năng suất (tạ/ha)	93,32	97,84	102,00	102,31
Bình quân lương thực, (kg/người/năm),	451,00	480,80	505,00	530,00
- Lợn (con)	246.850,00	251.628,00	268.000,00	278.000,00
- Bò (con)	.....		21.934,00	27.500,00

Trên lĩnh vực sản xuất lương thực, các huyện trong tỉnh thể hiện rõ vai trò chủ động và sáng tạo của mình, tận dụng tối đa nguồn đất trồng trọt, huy động và phát huy quyền làm chủ của người lao động trong sản xuất... Vì thế đã tạo nên những bước phát triển vững chắc và những thành quả quan trọng.

Từ năm 1996 đến 2000, tất cả các huyện đều hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, trong đó 3 huyện Bình Lục, Lý Nhân, Duy Tiên là những huyện tiêu biểu của Hà Nam trên lĩnh vực sản xuất lương thực (tính bình quân từ 1996 đến 2000)<sup>1)</sup>:

Phân loại	Bình Lục	Duy Tiên	Lý Nhân
Sản lượng lương thực (tấn)	94.073	81.356	75.215
Năng suất (tạ/ha)	106,30	103,32	105,0
Bình quân (kg/người/năm)	670,00	592	405

Ngoài cây lúa là chủ đạo, các huyện đều đẩy mạnh trồng các loại hoa màu khác như ngô, khoai lang, đậu, lạc, đỗ tương, khoai tây... Các loại cây trồng này không chỉ tăng thêm nguồn lương thực cho người, thức ăn cho gia súc mà còn là một nguồn hàng hóa quan trọng để trao đổi và xuất khẩu, góp phần làm cho nông nghiệp phát triển vững chắc và toàn diện. Năm 1998, huyện Bình Lục trồng được 2.350 ha cây vụ đông; huyện Kim Bảng thu hoạch được số màu quy ra thóc: 13.346 tấn, lạc vỏ: 819 tấn, đậu tương: 549 tấn...

1. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1996 - 2000 của các huyện Bình Lục, Duy Tiên và Lý Nhân.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi cũng có bước tăng trưởng khá. Ngoài đàn lợn là chủ lực, chăn nuôi trâu, bò, nuôi cá... được các huyện xác định là một mũi nhọn phát triển kinh tế. Đặc biệt là các giống mới cùng kỹ thuật chăn nuôi mới đã xâm nhập và đứng vững trên lĩnh vực này, góp phần tạo nên năng suất, chất lượng ngày càng cao. Năm 1998, đàn lợn của huyện Bình Lục có 61.141 con, đến năm 2000 tăng thêm 35%; đàn bò 4.528 con - tăng 35%; gia cầm tăng 76,6%. Huyện Kim Bảng có diện tích 632 ha nuôi cá, thu hoạch 850 tấn; trong 5 năm (1996 - 2000), huyện Lý Nhân có sản lượng 4.742 tấn lợn hơi, Duy Tiên: 5.994 tấn...<sup>(1)</sup>.

Phong trào trồng cây, công tác quản lý và bảo vệ rừng ngày càng tốt hơn. Việc trồng cây không chỉ có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái mà còn là một mũi nhọn kinh tế. Huyện Kim Bảng năm 1998 trồng được 102.800 cây, trong đó có 70.000 cây ăn quả các loại. Hầu hết các vùng đất trống, đồi trọc của các huyện đều được phủ xanh. Toàn tỉnh đã trồng mới được 730 ha rừng, trên 3 triệu cây các loại trong đó 80% là cây ăn quả, có nhiều vườn cây đặc sản có giá trị kinh tế cao như các vườn vải, nhãn thôn Thanh Bồng (xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm)<sup>(2)</sup>.

Trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, một số sản phẩm công nghiệp truyền thống như khai thác đá, sản xuất xi măng, gạch, vôi... đều tăng trưởng. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được giữ vững. Một vài cơ sở sản xuất và địa phương có bước phát triển tốt như Công ty xi măng Bút Sơn và 4 nhà máy xi măng khác; Công ty dệt Hà Nam; Công ty bia, nước giải khát Phủ Lý và các cơ sở sản xuất ở các huyện Kim Bảng, thị xã Phủ Lý, Bình Lục, Duy Tiên<sup>(3)</sup>.

Năm 1998, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện Kim Bảng đạt 71.500 triệu đồng - tăng 8,5% so với 1997. Trong đó quốc doanh đạt 7.540 triệu, ngoài quốc doanh đạt 63.960 triệu đồng. Huyện Lý Nhân bình quân trong 5 năm đạt giá trị 80,409 tỷ, huyện Bình Lục đạt 18,640 tỷ. Đặc biệt, huyện Duy Tiên là địa phương duy nhất trong cả nước được chọn để sản xuất

---

1. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1996 - 2000 của các huyện Kim Bảng, Lý Nhân, Bình Lục, Kim Bảng.

2. Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Nam năm 1998.

3. Báo cáo của Sở Công nghiệp tỉnh Hà Nam.



hàng nghìn chiếc trống cung cấp cho Lễ hội Thăng Long. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã Yên Bắc (huyện Duy Tiên) được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý “Anh hùng Lao động” trong thời kỳ đổi mới<sup>(1)</sup>.

Trong 3 năm, từ 1998 đến 2000, giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của Hà Nam đã tăng 45,9%, chiếm 28,5% trong tổng sản phẩm xã hội (GDP), trong đó giá trị của các ngành công nghiệp được phân bố như sau:

TỔNG SỐ (TỶ ĐỒNG)	NĂM				
	1996	1997	1998	1999	2000
Giá trị sản xuất công nghiệp	286,750	315,8	422,175	817,0	1057,897
Công nghiệp Trung ương	19,152	22,8	98,974	471,0	687,679
Công nghiệp địa phương	267,500	293,0	323,198	346,0	370,200

Trên lĩnh vực xây dựng cơ bản, trong thời gian từ 1997 đến 2000, hàng loạt công trình xây dựng được triển khai và hoàn thành. Đó là các công trình trọng điểm như trạm bơm Đình Xá, Triệu Xá, trạm bơm Yên Lệnh, nâng cấp Nhà máy nước Phủ Lý, xi măng Kien Khê... Đặc biệt, Hà Nam đã tiến hành quy hoạch tổng thể thị xã Phủ Lý - Trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh và quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Đồng Văn. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm đều tăng và tổ chức thực hiện ngày càng có hiệu quả. Năm 1996, triển khai thực hiện 339,251 tỷ thì năm 1997 là 609 tỷ; từ năm 1998 đến 2000 bình quân mỗi năm là 860,3 tỷ đồng. Các huyện cũng tập trung nguồn vốn vào xây dựng như Bình Lục đầu tư trong 5 năm là 300 tỷ đồng, huyện Lý Nhân bình quân một năm 20 tỷ, huyện Kim Bảng 26,7 tỷ...<sup>(2)</sup>.

Trong xây dựng cơ bản, phong trào nhân dân đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn tiếp tục được đẩy mạnh. Cả tỉnh đã huy động 163,2 tỷ đồng để sửa chữa nâng cấp xây dựng 2.612km đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa 150km kênh mương. Trong đó huyện Lý Nhân làm được 782,2km (có 39 km đường nhựa, 200,3km đường bê tông), huyện Duy Tiên 80% đường liên xã, thôn xóm được rải nhựa, bê tông, đá cấp phối, lát gạch; 100% đường huyện là đường rải nhựa; huyện Bình Lục đầu tư gần 100 tỷ đồng làm 258km đường bê

1. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1998 của các huyện Lý Nhân, Bình Lục, Kim Bảng.

2. Báo cáo của Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Nam thời kỳ 1996 - 2000.

tông và lát gạch nghiêng, 94km đường ra đồng được rải đá; Kim Bảng làm 79,5km... Trong đó, huyện Bình Lục đã huy động nhân dân đóng góp tới 80% tổng số kinh phí<sup>(1)</sup>.

Ngoài ra, các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch, tài chính, ngân hàng, điện lực... đều có tốc độ tăng trưởng khá, đáp ứng kịp thời các yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Riêng xuất khẩu đã tăng từ 7,39 triệu USD năm 1997 lên 20 triệu USD năm 2000. Mặt hàng chủ yếu là long nhãn, lạc nhân, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng dệt may mặc, trong đó một số mặt hàng mới là dưa chuột của các huyện Duy Tiên, Bình Lục, Lý Nhân đã được thị trường yêu thích. Bưu điện đã phát triển nhanh về số lượng, chất lượng. Chỉ tính riêng số máy điện thoại trong địa bàn đến năm 2000 là 12.500 máy, bình quân 1,5 máy/100 dân.

Công tác giáo dục - đào tạo, xã hội hóa giáo dục, khuyến học được chú ý đẩy mạnh, do đó hệ thống giáo dục - đào tạo của tỉnh phát triển cả về quy mô và chất lượng. Đến năm 2000, Hà Nam đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 100% số xã, phường, thị trấn của tỉnh hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Chất lượng giáo dục toàn diện được coi trọng. Số học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia năm sau cao hơn năm trước. Phong trào thi đua “Hai tốt” tiếp tục được phát huy. Trường Trung học cơ sở Bắc Lý, huyện Lý Nhân đã vinh dự được Nhà nước phong tặng Anh hùng Lao động lần thứ hai.

Năm học 1999 - 2000, Hà Nam có 13 trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là trường chuẩn quốc gia cấp tiểu học. Tỉnh đã thành lập mới được 3 trường trung học phổ thông là các trường Phủ Lý B, Bình Lục C, Kim Bảng C. Số học sinh thi học sinh giỏi cấp quốc gia lớp 12 tăng cả về số lượng và cơ cấu giải; số học sinh giỏi cấp tỉnh cũng đạt kết quả cao hơn năm trước<sup>(2)</sup>.

Sự nghiệp y tế của tỉnh trong 4 năm qua có nhiều tiến bộ. Hầu hết các bệnh viện, trung tâm y tế cấp huyện đều được cải tạo, xây dựng mới, trang thiết bị y tế ngày một đầy đủ hơn, có nhiều thiết bị hiện đại. Đội ngũ cán bộ y tế được nâng cao trình độ văn hóa, nghiệp vụ chuyên môn. Đến năm 2000, toàn tỉnh đã

---

1. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch của các huyện Lý Nhân, Duy Tiên, Bình Lục và Sở Giao thông tỉnh Hà Nam.

2. Báo cáo của UBND tỉnh Hà Nam ngày 06-01-2001 về “ Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2000. Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2001”.

có 63% số trạm y tế có bác sĩ. Công tác phòng, chống dịch bệnh đảm bảo tốt, hạn chế không để xảy ra có dịch bệnh lớn. Do đó chỉ số sức khỏe của nhân dân trong tỉnh được nâng lên, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 36% năm 1995 xuống còn 32% năm 2000. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 1,3% năm 1997 xuống còn 1,11% năm 2000<sup>1</sup>.

Các hoạt động văn hóa, thông tin, nghệ thuật mang truyền thống dân tộc, quê hương được duy trì phát triển. Phong trào xây dựng làng văn hóa được đẩy mạnh. Các huyện Lý Nhân, Duy Tiên, Bình Lục, Kim Bảng có 100% làng đăng ký xây dựng làng văn hóa, trong đó đã có trên 74 làng được công nhận là làng văn hóa. Hệ thống truyền thanh phủ kín 100% số xã, có 85% số hộ trong tỉnh được xem truyền hình. Phong trào thể dục thể thao phát triển sâu rộng. Nhiều xã, phường có phong trào tốt, tổ chức được nhiều giải thể thao quần chúng từ cơ sở đến tỉnh, góp phần tăng cường rèn luyện, nâng cao sức khỏe cho nhân dân.

Quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Tỉnh ủy và chính quyền Hà Nam thường xuyên tuyên truyền và đẩy mạnh xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu. Lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên được củng cố về chất lượng, số lượng. Hàng năm, tỉnh đều hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu gọi thanh niên nhập ngũ. Năm 2000, Hà Nam đã giao 1.270 thanh niên nhập ngũ đạt 100% kế hoạch, vượt thời gian quy định.

Công tác an ninh quốc gia trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến, tập trung vào các địa bàn trọng điểm như các tuyến giao thông và vùng giáo dân. An ninh nông thôn được tăng cường. Ở những nơi phức tạp, “điểm nóng”, tỉnh đã chỉ đạo giải quyết từ cơ sở, kiểm chế và ổn định được tình hình. Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc và phong trào quần chúng phòng ngừa, tấn công tội phạm đạt kết quả tốt. Các ngành Công an, Kiểm sát, Thanh tra, Tòa án, Tư pháp... đã phối hợp hoạt động, từng bước nâng cao chất lượng công tác đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, phát hiện tội phạm, xét xử, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân.

---

1. Báo cáo của Sở Y tế Hà Nam năm 2000.